

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI



PHAN ĐỨC THANH

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
VÀ CÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

NINH THUẬN - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI



PHAN ĐỨC THANH

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG
VÀ CÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN**

Chuyên ngành: Quản lý xây dựng

Mã số: 8580302

LUẬN VĂN THẠC SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. ĐỖ VĂN LƯỢNG

NINH THUẬN – 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên: Phan Đức Thanh học viên lớp cao học 24QLXD21-BT chuyên ngành “Quản lý xây dựng” niên hạn 2016 - 2018, Trường Đại học Thủy lợi – Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

Là tác giả luận văn thạc sĩ với đề tài “*Hoàn thiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận*” đã được Hiệu trưởng trường Đại học Thủy lợi giao nghiên cứu tại Quyết định số 1877/QĐ-ĐHTL ngày 15 tháng 8 năm 2017.

Tôi cam đoan các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Việc tham khảo các nguồn tài liệu (nếu có) đã được thực hiện trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo đúng quy định.

Tác giả luận văn

Phan Đức Thanh

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tác giả xin cảm ơn đến các cán bộ giảng viên của trường Đại học Thủy Lợi Hà Nội, Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung đã nhiệt tình truyền đạt kiến thức trong suốt quá trình học cao học. Đặc biệt, tác giả xin cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS Đỗ Văn Lượng đã hướng dẫn tận tình, chỉ bảo chi tiết từng nội dung của luận văn để luận văn thực sự trở thành một công trình khoa học có chất lượng.

Tác giả xin cảm ơn đến ban lãnh đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để tác giả hoàn thành khóa cao học và luận văn cuối khóa.

Cuối cùng, tác giả xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã ủng hộ, động viên chia sẻ hỗ trợ lúc khó khăn để tác giả hoàn thành chương trình học của mình.

Xin chân trọng cảm ơn!

Bình Thuận, Ngày tháng 3 năm 2019
TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Phan Đức Thanh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH.....	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	viii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN DỰ ÁN, NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	4
1.1 Dự án, nguồn vốn đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng	4
1.1.1 Dự án đầu tư xây dựng	4
1.1.2 Phân loại, phân cấp, trình tự và yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng	5
1.1.3 Nguồn vốn đầu tư xây dựng	5
1.1.4 Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	6
1.2 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện nay ở Việt Nam	7
1.2.1 Đầu tư xây dựng hiện nay	7
1.2.2 Một số vấn đề mới trong Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.....	9
1.2.3 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng ở Việt Nam	10
1.3 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện nay ở Bình Thuận	15
1.3.1 Tổng quan về tỉnh Bình Thuận.....	15
1.3.2 Đầu tư phát triển năm 2016 và năm 2017 tại Bình Thuận	16
1.3.3 Kết quả thực hiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Bình Thuận	17
1.3.4 Quy định về phân cấp quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Bình Thuận	19
1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng	21
1.4.1 Nhân tố chủ quan.....	21
1.4.2 Các nhân tố khách quan.....	22
1.5 Hiệu quả của công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình	23
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	24

CHƯƠNG 2	CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY	
DỰNG	25
2.1	Cơ sở khoa học về quản lý chi phí đầu tư xây dựng	25
2.1.1	Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng [1].....	25
2.1.2	Phương pháp quản lý chi phí đầu tư xây dựng.....	26
2.1.3	Quản lý chi phí thông qua ứng dụng công nghệ thông tin	27
2.1.4	Hệ thống văn bản liên quan đến việc lập và quản lý chi phí ĐTXD	29
2.2	Nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng [4].....	30
2.3	Nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng [1]	32
2.3.1	Quản lý tổng mức đầu tư xây dựng [4]	33
2.3.2	Quản lý dự toán xây dựng [4]	35
2.3.3	Dự toán gói thầu xây dựng [4]	36
2.3.4	Quản lý định mức, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng [4].....	37
2.3.5	Quản lý chi phí công tác quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.....	40
2.3.6	Quản lý thanh toán, quyết toán vốn ĐTXD công trình [4]	41
2.3.7	Quyền và trách nhiệm các chủ thể tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng	41
2.3.8	Quản lý Nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng	45
2.3.9	Một số bài học kinh nghiệm về quản lý chi phí đầu tư xây dựng	46
2.3.10	Đề xuất lựa chọn phương pháp đánh giá chất lượng chi phí đầu tư xây dựng	49
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	50
CHƯƠNG 3	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
	QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH	
	DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN	51
3.1	Giới thiệu chung về Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận	51
3.1.1	Tóm tắt quá trình hình thành:.....	51
3.1.2	Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nhân lực, thiết bị	51
3.2	Phân tích thực trạng công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận	54
3.2.1	Quản lý tổng mức ĐTXD.....	54
3.2.2	Quản lý dự toán, định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng.....	60

3.3 Những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân về công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án.....	70
3.3.1 Những kết quả đạt được	70
3.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân	71
3.4 Phương pháp phân tích, điều tra, khảo sát số liệu xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác quản lý chi phí ĐTXD công trình.....	74
3.4.1 Khái quát chung.....	74
3.4.2 Phương pháp nghiên cứu	74
3.4.3 Phân tích dữ liệu để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố	76
3.4.4 Kiểm định mô hình.....	79
3.4.5 Phân tích kết quả.	82
3.5 Đề xuất giải pháp chung hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA, áp dụng cho Dự án Trường chính trị tỉnh Bình Thuận.....	83
3.5.1 Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.....	83
3.5.2 Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng áp dụng cho Dự án Trường chính trị tỉnh Bình Thuận.....	88
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	97
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
PHỤ LỤC 01	102
PHỤ LỤC 02	103
PHỤ LỤC 03	106

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1. 1 Dự án Đường sắt Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông (Nguồn vtc.vn).....	13
Hình 1. 2 Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Bình Thuận (Nguồn Báo Bình Thuận)	16
Hình 1. 3 Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết (Nguồn Báo Bình Thuận).....	17
Hình 1. 4 Hình ảnh Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Bình Thuận (Báo Đấu thầu)	18
Hình 1. 5 Dự án Đê chắn sóng khu neo đậu trú bão Phú Quý (Báo Đấu thầu)	19
Hình 1. 6 Nhân tố con người ảnh hưởng tới quản lý chi phí ĐTXD	21
Hình 1. 7 Nhân tố pháp lý, chính sách ảnh hưởng tới quản lý chi phí ĐTXD.....	22
Hình 1. 8 Nhân tố đặc điểm, điều kiện thi công ảnh hưởng quản lý chi phí ĐTXD	23
Hình 1. 9 Kiểm soát chi phí ĐTXD qua các giai đoạn	23
Hình 2. 1 Mô hình phần mềm quản lý iBom.PM.....	28
Hình 2. 2 Nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng	32
Hình 2. 3 Nội dung tổng mức ĐTXD	33
Hình 2. 4 Phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng	34
Hình 2. 5 Nội dung dự toán xây dựng công trình	35
Hình 2. 6 Dự toán gói thầu xây dựng	36
Hình 2. 7 Nội dung định mức xây dựng.....	37
Hình 2. 8 Nội dung chỉ số giá xây dựng.....	39
Hình 2. 9 Trụ sở công ty TNHH xổ số kiến thiết Bình Thuận (nguồn Ban QLDA)	47
Hình 3. 1 Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA (nguồn Ban QLDA).....	53
Hình 3. 2 Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Thuận (nguồn Ban QLDA)	55
Hình 3. 3 Đài phát thanh truyền hình Bình Thuận (nguồn Báo Bình Thuận).....	59
Hình 3. 4 Mổ trụ công trình kênh chính Tây hồ Sông Dinh 3 (Báo Bình Thuận)	61
Hình 3. 5 Trường cao đẳng nghề Bình Thuận (nguồn Báo Bình Thuận).....	63
Hình 3. 6 Mô hình tổ chức quản lý của Ban QLDA đề xuất.....	83
Hình 3. 1 Lưu đồ quản lý chi phí công tác khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định	89
Hình 3. 9 Lưu đồ quản lý chi phí công tác lựa chọn nhà thầu	91
Hình 3. 10 Lưu đồ quản lý chi phí thanh quyết toán.....	93
Hình 3. 7 Lưu đồ quản lý chi phí tổng mức đầu tư	95

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2. 1 Các chỉ tiêu giá trong các bước thiết kế theo giai đoạn đầu tư	30
Bảng 3. 1 Tổng hợp trình độ chuyên môn của Ban QLDA.....	52
Bảng 3. 2 Tổng hợp thiết bị của Ban QLDA.....	53
Bảng 3. 3 Kết quả sau các lần điều chỉnh dự án được thể hiện.....	55
Bảng 3. 4 Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư	58
Bảng 3. 5 Kết quả thẩm tra dự toán dự án Trường cao đẳng nghề Bình Thuận	63
Bảng 3. 6 Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư	67
Bảng 3. 7 Thống kê độ tin cậy (Reliability Statistics).....	76
Bảng 3. 8 Mục - Tổng số liệu thống kê (Item-Total Statistics).....	77
Bảng 3. 9 Bảng hệ số KMO và kiểm định Bartlett (KMO and Bartlett's Test)	78
Bảng 3. 10 Bảng tổng phương sai trích (Total Variance Explained)	78
Bảng 3. 11 Bảng ma trận xoay (Rotated Component Matrix).....	79
Bảng 3. 12 Kết quả kiểm định Pearson's mối tương quan giữa biến.....	79
Bảng 3. 13 Phân tích hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí ĐTXD	81
Bảng 3. 14 Kết quả phân tích hồi quy đa biến	81

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BVTC	Bản vẽ thi công
BXD	Bộ Xây dựng
CĐT	Chủ đầu tư
ĐMXD	Định mức xây dựng
ĐT XD	Đầu tư xây dựng
GPMB	Giải phóng mặt bằng
GTVT	Giao thông vận tải
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
QLDA	Quản lý dự án
TKCS	Thiết kế cơ sở
TMĐT	Tổng mức đầu tư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TVGS	Tư vấn giám sát
XDCT	Xây dựng công trình
UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đầu tư xây dựng là một hoạt động quan trọng, tạo ra hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, là tiền đề cơ bản để thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Quản lý chi phí ĐTXD có tầm quan trọng to lớn khi nó diễn ra trong suốt quá trình hình thành, triển khai thực hiện đến kết thúc dự án ĐTXD, đặc biệt nó quyết định hiệu quả sử dụng đồng vốn.

Để dự án ĐTXD đạt hiệu quả ngoài các lĩnh vực quản lý về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn và môi trường...thì quản lý chi phí là một lĩnh vực quan trọng trong công tác quản lý ĐTXD, Chính phủ đã có Nghị định riêng về quản lý chi phí; các Bộ chuyên ngành, UBND các tỉnh đều có quy định và hướng dẫn về quản lý chi phí.

Sự hiệu quả của việc quản lý chi phí trong ĐTXD được thể hiện ở nhiều mặt như: sự phù hợp với quy định pháp luật; cho từng loại công trình; các giai đoạn ĐTXD, nguồn vốn; tính hợp lý trong giải pháp thiết kế xây dựng; giảm giá thành xây dựng; giảm thiểu các nội dung phát sinh và đồng thời có sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân.

Trong thời gian qua việc quản lý chi phí ĐTXD theo các quy định mới đã góp phần tích cực nâng cao hiệu quả và phòng chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng nên nhiều dự án đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả của dự án đề ra. Tuy nhiên, công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng vẫn còn những tồn tại, bất cập ở các cấp độ và khía cạnh khác nhau.

Nguyên nhân của việc làm tăng chi phí ĐTXD phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Chính vì vậy việc nghiên cứu, tìm ra những giải pháp nhằm “Hoàn thiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận” là vấn đề vô cùng quan trọng và cấp thiết đó cũng là lý do để học viên chọn làm đề tài luận văn.

2. Mục đích nghiên cứu

Dựa trên những cơ sở khoa học và các phương pháp để phân tích thực trạng về công tác quản lý chi phí ĐTXD. Từ đó đánh giá những kết quả đạt được, những vấn đề bất cập, tồn tại cần khắc phục và nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận và áp dụng cụ thể vào công trình Trường chính trị Bình Thuận.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận

Đánh giá thực trạng công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện nay.

Thu thập tài liệu, thống kê và phân tích từ các tài liệu, báo cáo của các dự án đã thực hiện về công tác quản lý chi phí ĐTXD từ đó nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD.

- Phương pháp nghiên cứu

Tổng hợp, kế thừa các tài liệu, kết quả nghiên cứu từ trước đến nay về quản lý dự án ĐTXD và quản lý chi phí ĐTXD ở Việt Nam và tỉnh Bình Thuận.

Phương pháp điều tra thu thập số liệu, khảo sát, so sánh, thống kê và phân tích từ các báo cáo của các dự án đã thực hiện, các tài liệu về công tác quản lý chi phí do Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận thực hiện.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.

Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi về không gian: Đề tài tập trung Nghiên cứu đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.

- Phạm vi về thời gian: Khảo sát đánh giá công tác quản lý chi phí ĐTXD từ năm 2013 – 2018 và phương hướng hoạt động đến năm 2025.

5. Kết quả dự kiến đạt được

Tổng quan về công tác quản lý chi phí ĐTXD ở Việt Nam và tỉnh Bình Thuận.

Các cơ sở khoa học về công tác quản lý chi phí ĐTXD hiện nay.

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những vấn đề bất cập, tồn tại cần khắc phục.

Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận và áp dụng vào một số dự án cụ thể.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan dự án, nguồn vốn và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Chương 2: Cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Chương 3: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN DỰ ÁN, NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1.1 Dự án, nguồn vốn đầu tư và chi phí đầu tư xây dựng

1.1.1 Dự án đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc sử dụng vốn để tiến hành hoạt động xây dựng để xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo công trình xây dựng nhằm phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn và chi phí xác định. Ở giai đoạn chuẩn bị dự án ĐTXD, dự án được thể hiện thông qua Báo cáo nghiên cứu (tiền) khả thi ĐTXD hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ĐTXD về dự án và dự án ĐTXD công trình” [1]

Hoạt động xây dựng gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án ĐTXD công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, bảo hành, bảo trì công trình và hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình. [1]

Nội dung quản lý dự án ĐTXD gồm: quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc; khối lượng công việc của dự án; chất lượng xây dựng; tiến độ thực hiện dự án; chi phí ĐTXD của dự án; an toàn trong thi công xây dựng; bảo vệ môi trường trong xây dựng; lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng; quản lý rủi ro; quản lý hệ thống thông tin công trình. [1]

Đặc điểm của dự án ĐTXD bao gồm: dự án có mục đích, mục tiêu rõ ràng; dự án có chu kỳ riêng và thời gian tồn tại hữu hạn; dự án có sự tham gia của nhiều bên liên quan; sản phẩm của dự án mang tính đơn chiếc, độc đáo; dự án bị hạn chế bởi các nguồn lực; dự án luôn có tính bất định và rủi ro; mỗi dự án đều là nhiệm vụ có tính trình tự và giai đoạn.

Đặc điểm của sản phẩm xây dựng bao gồm: là những công trình xây dựng như nhà máy, công trình công cộng, nhà ở, cầu cống, sân bay, ... thường là gắn liền với đất đai, khi đã hoàn thành công trình thì sản phẩm đầu tư khó di chuyển đi nơi khác; là những tài sản cố định, thường có vốn đầu tư lớn, do nhiều người, thậm chí do nhiều cơ quan đơn vị

khác nhau cùng tạo ra; là sản phẩm mang tính đặc biệt và tổng hợp, sản xuất không theo một dây chuyền sản xuất hàng loạt, mà có tính cá biệt; giá thành của sản phẩm xây dựng rất phức tạp và thay đổi theo từng giai đoạn; sản phẩm ĐTXD không chỉ mang ý nghĩa kinh tế kỹ thuật mà còn mang tính nghệ thuật, chịu nhiều ảnh hưởng của nhân tố kiến trúc, mang màu sắc truyền thống dân tộc, thói quen, tập quán sinh hoạt,... sản phẩm ĐTXD phản ánh trình độ kinh tế, trình độ khoa học kỹ thuật và trình độ văn hoá nghệ thuật của từng giai đoạn lịch sử nhất định của một đất nước.

1.1.2 Phân loại, phân cấp, trình tự và yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng

Dự án ĐTXD gồm một hoặc nhiều công trình với loại, cấp công trình xây dựng khác nhau; căn cứ theo quy mô, tính chất, loại công trình xây dựng gồm dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B, nhóm C. [2]

Căn cứ theo công năng sử dụng phân thành các loại như sau: công trình dân dụng; công trình công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quốc phòng, an ninh. [3]

Trình tự ĐTXD có 03 giai đoạn gồm: giai đoạn chuẩn bị đầu tư; giai đoạn thực hiện đầu tư và giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Dự án ĐTXD phải đáp ứng các yêu cầu sau: phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương nơi có dự án ĐTXD; có phương án công nghệ và phương án thiết kế xây dựng phù hợp; bảo đảm chất lượng, an toàn trong xây dựng, vận hành, khai thác, sử dụng công trình, phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm cấp đủ vốn đúng tiến độ của dự án, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; tuân thủ quy định khác của pháp luật.

1.1.3 Nguồn vốn đầu tư xây dựng

Thứ nhất là nguồn vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay

được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất. [2]

Thứ hai là nguồn vốn đầu tư của khu vực tư nhân và nguồn vốn đóng góp tự nguyện của dân cư vì lợi ích cộng đồng, kể cả đóng góp công lao động, của cải vật chất để xây dựng các công trình phúc lợi.

Thứ ba là nguồn vốn đầu tư nước ngoài bao gồm đầu tư gián tiếp và đầu tư trực tiếp.

1.1.4 Quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: Quản lý tổng mức đầu tư xây dựng; quản lý dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng; quản lý định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng; quản lý chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; quản lý thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng; quản lý thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; quyền và nghĩa vụ của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng và nhà thầu tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng. [4]

Tổng mức ĐTXD là toàn bộ chi phí ĐTXD của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD.

Dự toán xây dựng công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình. [4]

Dự toán gói thầu thi công xây dựng là toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện thi công xây dựng các công tác, công việc, hạng mục, công trình xây dựng phù hợp với phạm vi thực hiện của gói thầu thi công xây dựng.

Dự toán gói thầu tư vấn ĐTXD là các chi phí để thực hiện một hoặc một số công việc tư vấn ĐTXD phù hợp với phạm vi công việc cần thực hiện của gói thầu.

Chi phí tư vấn ĐTXD là chi phí cần thiết để thực hiện các công việc tư vấn ĐTXD từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

1.2 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện nay ở Việt Nam

1.2.1 Đầu tư xây dựng hiện nay

Trong những năm gần đây cùng với nền kinh tế cả nước trên đà phát triển mạnh và hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, ngành Xây dựng đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn trong các lĩnh vực như: Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển các đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị...trên phạm vi cả nước với mục tiêu đảm bảo sự phát triển ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo định hướng phát triển bền vững.

Hệ thống các văn bản pháp luật có nhiều cơ chế, chính sách về hoạt động xây dựng đã được tập trung xây dựng để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, đảm bảo phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004 tạo lập khuôn khổ pháp lý và động lực thúc đẩy các hoạt động ĐTXD, hình thành thị trường xây dựng với quy mô ngày càng rộng lớn, đa dạng, phong phú, đã làm cho các hoạt động xây dựng đi dần vào kỷ cương, chất lượng xây dựng được đảm bảo.

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư có cơ sở triển khai các dự án ĐTXD, đồng thời là công cụ hữu hiệu để các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý các hoạt động ĐTXD theo đúng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực cũng còn một số tồn tại, hạn chế: Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và các văn bản hướng dẫn dưới Luật còn có những quy định thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, chông chéo với một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động ĐTXD như: Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đất đai. Một số quy định trong các văn bản hướng dẫn Luật còn bất cập, chưa phù hợp với thực tế, không đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; một số văn bản phải thay đổi nhiều lần trong thời gian ngắn, làm cho việc triển khai bị động, lúng túng, đặc biệt là vấn đề xử lý chuyển tiếp giữa các quy định cũ và mới: Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, Nghị định số 83/2009/NĐ-CP, Nghị định số

12/2009/NĐ-CP; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP, ...

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 thay thế Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 đã khắc phục những hạn chế tồn tại nêu trên và hướng đến việc cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ĐTXD; đồng thời tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong hoạt động ĐTXD.

Cùng với Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ... cũng đã được ban hành với những thay đổi quan trọng liên quan tới quá trình đổi mới toàn diện về thể chế quản lý ĐTXD, khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả dự án ĐTXD.

Các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016; Thông tư 03/2016/TT-BXD ngày 16/3/2016;...đề hướng dẫn về quản lý chi phí ĐTXD.

Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được ban hành cho tất cả các lĩnh vực. Hệ thống định mức được hoàn thiện cơ bản theo hướng Nhà nước quản lý định mức, thị trường quyết định giá cả để phù hợp với thực tế thi công xây dựng.

Nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận nhanh với công nghệ xây dựng mới, thiết bị hiện đại, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, tư vấn, thi công xây dựng những công trình quy mô lớn, hiện đại và đã làm chủ công nghệ thiết kế, thi công các công trình cao tầng, công trình nhịp lớn, công trình ngầm, thủy lợi....

Bộ Xây dựng tăng cường công tác quản lý ĐTXD, trọng tâm là quản lý chất lượng công trình và quản lý chi phí xây dựng, chất lượng thẩm định được nâng cao hơn. Hầu hết các công trình đưa vào sử dụng trong thời gian qua đều đáp ứng yêu cầu về chất lượng, phát huy công năng sử dụng, đảm bảo an toàn và phát huy tốt hiệu quả đầu tư.

1.2.2 Một số vấn đề mới trong Luật Xây dựng số 50/2014/QH13

Thứ nhất, Luật Xây dựng điều chỉnh xuyên suốt toàn bộ hoạt động ĐTXD, từ khâu quy hoạch xây dựng, lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; quản lý thực hiện dự án ĐTXD cho đến khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng; nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng.

Thứ hai, tăng cường trách nhiệm kiểm soát của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thẩm định dự án ĐTXD, thiết kế, dự toán xây dựng. Trách nhiệm kiểm soát của cơ quan về xây dựng được phân định phù hợp theo nguồn vốn sử dụng của dự án. Đối với dự án ĐTXD sử dụng vốn nhà nước sẽ được các cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra chặt chẽ về chi phí, nội dung các bước thiết kế xây dựng, còn các dự án không sử dụng vốn nhà nước thì nhà nước vẫn kiểm soát chặt chẽ thiết kế xây dựng ở các bước đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường, an toàn của cộng đồng. Đây là những nội dung đổi mới căn bản so với các quy định trước đây.

Thứ ba, phân định rõ thẩm quyền của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án ĐTXD.

Bên cạnh đó Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án ĐTXD đổi mới nội dung, cách thức quản lý dự án. Điều này thực sự có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng công trình xây dựng, khắc phục thất thoát, chống lãng phí.

Trước đây đa số các dự án sử dụng vốn Nhà nước đều lựa chọn áp dụng mô hình tổ chức Ban QLDA để trực tiếp quản lý từng dự án ĐTXD đơn lẻ. Cách làm này dẫn đến gia tăng về số lượng Ban QLDA, nhưng hạn chế về năng lực. Để khắc phục, Luật đã bổ sung quy định hình thức ban quản lý chuyên nghiệp, ban quản lý khu vực với mục đích làm giảm đi số lượng ban quản lý đơn lẻ, tiết kiệm chi phí nhưng tăng tính chuyên nghiệp, chuyên môn hóa.

Về cơ chế quản lý chi phí nhằm thắt chặt chi phí ĐTXD từ nguồn vốn Nhà nước: Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tham gia vào tất cả các giai đoạn từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết thúc đầu tư đưa công trình vào sử dụng.

Nội dung bảo hiểm được bổ sung Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với công trình cấp II.

Quy định rõ ràng những nội dung về trách nhiệm quản lý của Nhà nước với hoạt động ĐTXD, phân cấp bộ ngành địa phương quản lý chủ trì thẩm định dự án đầu tư là cơ quan chuyên môn về xây dựng. Điều này tránh được tình trạng chùng chéo trong quản lý, dẫn tới việc không phân định trách nhiệm rõ ràng, kéo dài thời gian dự án, gây tổn thất về kinh tế.

Quy định rõ hơn về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân; quy định mới về điều kiện năng lực của tư vấn quản lý dự án và Ban QLDA ĐTXD.

1.2.3 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng ở Việt Nam

1.2.3.1 Hệ thống văn bản pháp quy về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

- Các văn bản về quản lý chi phí trước khi có Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 gồm Nghị định số 42/1996/NĐ-CP ngày 16/12/1996 và Nghị định số 92/1997/NĐ-CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định về hoạt động xây dựng tại quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

- Các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 về quản lý chi phí gồm Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 về quản lý dự án ĐTXD công trình.

Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 về Quản lý chi phí ĐTXD công trình.

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về Quản lý chi phí ĐTXD công trình.

- Các văn bản hướng dẫn Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 về quản lý chi phí gồm

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP về quản lý chi phí ĐTXD có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/5/2015 và thay thế Nghị định số 112/2009/NĐ-CP có một số điểm mới như:

Về phạm vi điều chỉnh bổ sung thêm quy định về quản lý dự toán gói thầu xây dựng, chỉ số giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn ĐTXD; Xuất hiện các khái niệm mới như dự toán gói thầu xây dựng, chi phí hạng mục chung.

Thêm lý do để được điều chỉnh tổng mức đầu tư: trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức ĐTXD đã phê duyệt thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình; trường hợp đã sử dụng hết chi phí dự phòng trong tổng mức ĐTXD đã phê duyệt gồm cả chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá, chủ đầu tư tổ chức xác định bổ sung khoản chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá khi chỉ số giá xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố từ khi thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh lớn hơn chỉ số giá xây dựng sử dụng trong tổng mức đầu tư đã phê duyệt.

Về chi phí xây dựng gồm 4 khoản chi phí (chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng), không bao gồm chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường (chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở, điều hành thi công và chi phí trực tiếp khác đều được chuyển qua chi phí hạng mục chung).

- Nhận xét chung

Qua thực hiện quy định quản lý chi phí ĐTXD theo Nghị định 32/2015/NĐ-CP cho thấy đã tăng cường trách nhiệm, vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước, góp phần tiết kiệm chi phí đầu tư, chống thất thoát, lãng phí cho hầu hết các dự án. Công tác quản lý chặt chẽ ngay từ khâu “tiền kiểm” do người quyết định đầu tư đã yêu cầu CĐT lựa chọn đơn vị tư vấn quản lý chi phí đủ năng lực thực hiện thẩm tra dự toán xây dựng, làm cơ sở thẩm định trước khi trình duyệt.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được về mặt quản lý Nhà nước, quá trình thực hiện Nghị định 32 cho thấy còn tồn tại nhiều vướng mắc, khó khăn như: trong chi phí

gói thầu thi công xây dựng, theo quy định chi phí hạng mục chung tính theo tỷ lệ phần trăm. Trên thực tế, chi phí hoàn trả mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật do bị ảnh hưởng khi thi công đều có thể lớn hơn tỷ lệ theo quy định dẫn đến khó khăn về tính chi phí. Các quy định hiện hành cũng chưa hướng dẫn lập dự toán chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng, dù đây là một thành phần thuộc khoản mục chi phí khác và được dự tính trong TMĐT. Ngoài ra, vẫn còn tồn tại sự chông chéo, chưa phù hợp giữa Nghị định và Thông tư hướng dẫn ở các văn bản pháp luật khác như: về chi phí hạng mục chung giữa Thông tư 06/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng và Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ KH và ĐT (cơ cấu gói thầu được quy định tại Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT còn cơ cấu chi phí xây dựng được quy định tại Thông tư 06/2016/TT-BXD). Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 còn chênh nhau. Một số chi phí khác như chi phí thí nghiệm đối chứng, chi phí kiểm định, chi phí thí nghiệm khả năng chịu lực công trình, chi phí kiểm tra nghiệm thu công trình vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và quy định còn thấp so với khối lượng công việc thực tế.

1.2.3.2 Tình hình quản lý chi phí thực tế tại các dự án đã đầu tư xây dựng [5]

Thời gian gần đây, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội và TPHCM đều lần lượt xin điều chỉnh tăng TMĐT, trong đó 4 dự án đang được triển khai trên thực địa, còn lại một số dự án mới trong giai đoạn lập hoàn thành hồ sơ, thủ tục.

Theo Báo Giao thông, các dự án đang được xây dựng như: Nhỏn - ga Hà Nội, Cát Linh - Hà Đông (Hà Nội), Bến Thành - Suối Tiên, Bến Thành - Tham Lương (TP HCM) đều có điểm chung là chậm tiến độ, điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư. Trong đó, dự án Cát Linh - Hà Đông tăng 9.231 tỷ đồng (từ 552,86 triệu USD lên 868,04 triệu USD), thấp nhất so với các dự án còn lại. Còn các dự án khác đều tăng trên mức 10.000 tỷ đồng (dự án Nhỏn - ga Hà Nội, tăng khoảng 10.400 tỷ đồng, Bến Thành - Suối Tiên tăng 29.338 tỷ đồng, Bến Thành - Tham Lương tăng 21.487 tỷ đồng).

Ngay dự án Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo (Hà Nội), dù chưa triển khai thi công cũng được đề xuất tăng tổng mức đầu tư thêm 14.013 tỷ đồng (từ 19.555 tỷ đồng lên 51.750 tỷ đồng, sau khi thẩm định đang đề nghị điều chỉnh xuống 33.568 tỷ đồng).

Ví dụ dự án Cát Linh - Hà Đông, theo lãnh đạo Ban QLDA Đường sắt, các vấn đề gặp phải dẫn đến tăng chi phí như: Chậm GPMB dẫn đến trượt giá nguyên vật liệu và nhân công; chậm được cấp vốn bổ sung; khi thi công phải điều chỉnh, bổ sung các hạng mục không có trong khâu lập dự án (thay đổi phương án nhà ga từ 2 tầng thành 3 tầng, chi phí xây lắp nhà ga 3 tầng là 133,3 triệu USD tăng so với dự án là 84,2 triệu USD; bổ sung hạng mục xử lý nền đất yếu chi phí cho việc xử lý nền đất yếu là 13,54 triệu USD; bổ sung hạng mục đường tránh Quốc lộ 6; việc thay đổi vị trí bãi đúc dầm, phương án vận chuyển lao lắp dầm khiến dự án bị đội vốn và làm chậm tiến độ.



Hình 1. 1 Dự án Đường sắt Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông (Nguồn vtc.vn)

Theo UBND TP HCM, 3 nguyên nhân khiến TMĐT dự án Bến Thành - Suối Tiên bị đội vốn là: tăng khối lượng xây dựng (đầu máy, toa xe, trang thiết bị nhà ga...) nhằm mục tiêu tăng hiệu quả đầu tư; sự biến động khách quan do nguyên, nhiên liệu bị trượt giá và việc tăng lương tối thiểu từ năm 2006 - 2009; cập nhật tỷ giá yên Nhật - Việt Nam đồng (do trượt giá) và tỷ lệ tính toán các chi phí dự phòng, rủi ro trượt giá theo quy định mới.

Còn dự án Bến Thành - Tham Lương, được tư vấn trong nước nghiên cứu từ năm 2010 và đã được UBND TP HCM phê duyệt TMĐT hơn 26.100 tỷ đồng. Tuy nhiên, hai năm sau thành phố chọn một công ty của Đức làm tư vấn quốc tế và đơn vị này đã phát hiện

nhiều nội dung chưa phù hợp nên điều chỉnh TKCS và TMĐT khoảng 40.000 tỷ đồng, tăng 13.900 tỷ đồng.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ ra bốn nguyên nhân chính khiến các dự án đường sắt đô thị bị đội vốn gồm: kéo dài thời gian bàn giao mặt bằng dẫn tới phát sinh thêm chi phí; biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu và tăng lương tối thiểu; tăng khối lượng xây dựng; năng lực của tư vấn dự án kém.

Riêng về năng lực tư vấn, điển hình như: Dự án Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo, trong quá trình thẩm tra TMĐT đã phát hiện nhiều sai sót, trong đó có tính sai khối lượng một số hạng mục kết cấu chính, đặc biệt là chi phí đầu tư hệ thống cơ điện cao hơn dự án tương tự trong khu vực 2-7 lần.

- Theo đánh giá của một số các chuyên gia đầu ngành:

Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Đông cho biết, tất cả dự án đường sắt đô thị đều tăng TMĐT. Nguyên nhân, do trượt tỷ giá làm tăng TMĐT, vì các dự án đường sắt đô thị đều phải vay vốn ODA, bằng nhiều loại tiền tệ khác nhau. Tuy nhiên, theo quy định của Việt Nam, khi phê duyệt, dự án phải tính TMĐT bằng tiền đồng, vài năm sau trượt giá TMĐT bị đội lên.

Thứ trưởng GTVT Nguyễn Hồng Trường cho biết, các dự án đường sắt đô thị từ khi lập dự án tới lúc triển khai cũng 6-7 năm (lập từ những năm 2003-2005), có dự án hơn chục năm, thời gian đó tỷ giá biến động rất nhiều.

Theo GS. Lã Ngọc Khuê, nguyên Thứ trưởng Bộ GTVT, đề cao vấn đề lập dự án, GS. Lã Ngọc Khuê cho rằng, cần có tư vấn thẩm định dự án độc lập với tư vấn lập dự án để bảo đảm tính khách quan, chính xác. “ Bộ KH&ĐT thuê một công ty tư vấn độc lập đến từ Anh để thẩm định dự án Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo. Kết quả thẩm định khách quan được đưa ra đã giúp TMĐT của dự án từ hơn 51.000 tỷ đồng giảm chỉ còn hơn 33.000 tỷ đồng, giảm được hơn 18.000 tỷ đồng so với TMĐT từng được đưa ra” ngoài ra các đơn vị quản lý, triển khai dự án đều là lần đầu thực hiện dự án đường sắt đô thị nên chưa thể có kinh nghiệm.

- Nhận xét chung

Qua tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân làm tăng chi phí ĐTXD các dự án nêu trên có thể xác định việc tăng chi phí diễn ra trong tất cả các giai đoạn thực hiện dự án như (công tác nghiên cứu chuẩn bị dự án, thực hiện bị dự án đến khi kết thúc dự án); vướng công tác GPMB; công tác cấp vốn chậm; sự biến động trượt giá nguyên vật liệu và nhân công; phương pháp dự báo và tính toán các chi phí dự phòng, rủi ro không phù hợp; năng lực của các nhà thầu còn hạn chế để xảy ra nhiều sai sót trong thiết kế, tính toán khối lượng; ngoài ra chưa có nhiều kinh nghiệm khi thực hiện các dự án mới.

1.3 Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện nay ở Bình Thuận

1.3.1 Tổng quan về tỉnh Bình Thuận

Bình Thuận là một tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, diện tích 7.830 km², dân số khoảng 1,165 triệu người, giáp với các tỉnh Ninh Thuận, Lâm Đồng, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh có 10 đơn vị hành chính bao gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện. Thành phố Phan Thiết (đô thị loại II) là trung tâm văn hoá - chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Kết cấu hạ tầng đã được cải thiện đáng kể, cụ thể: các tuyến giao thông chính như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 55, Quốc lộ 28; đường sắt Bắc - Nam đi qua; cảng Phan Thiết, La Gi, Phan Rí Cửa, Phú Quý.

Công tác quản lý ĐTXD được tỉnh quản lý một cách chặt chẽ và có hiệu quả, chất lượng các công trình xây dựng về cơ bản được đảm bảo. Những năm gần đây tỉnh Bình Thuận cũng đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư kinh doanh, đạt hiệu quả cao, góp phần làm cho nền kinh tế của tỉnh ngày càng sôi động. Với chủ trương hội nhập, mở rộng quan hệ hợp tác, thân thiện, cởi mở, xây dựng một môi trường đầu tư - kinh doanh thực sự hấp dẫn, có sức cạnh tranh, nhanh chóng cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư, thông thoáng, minh bạch và bảo đảm tính nhất quán.

1.3.2 Đầu tư phát triển năm 2016 và năm 2017 tại Bình Thuận

Năm 2016 vốn đầu tư phát triển xã hội đạt 17,10 ngàn tỷ đồng, trên địa bàn tỉnh có 1.252 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư, vốn đăng ký 232.916 tỷ đồng; Năm 2017 vốn đầu tư phát triển xã hội đạt 20.071 tỷ đồng, tăng 16,1% so năm 2016.

- Một số dự án tiêu biểu trong tỉnh

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 được xây dựng tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận có TMĐT hơn 36.700 tỷ đồng, là một trong những dự án trọng điểm của Chính phủ, dự án gồm hai tổ máy, tổng công suất lắp đặt 1.200 MW. Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 sẽ cung cấp cho hệ thống điện khoảng 7,2 tỷ kWh, góp phần tăng cường năng lực cung ứng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía nam.



Hình 1. 2 Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Bình Thuận (Nguồn Báo Bình Thuận)

Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng có TMĐT trên 23.000 tỷ đồng, công suất lắp đặt 600MW (1x600MW), sản lượng điện sản xuất khoảng 3,6 tỷ kWh/năm. Dự án này có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của ngành điện lực Việt Nam. Ngoài ra còn các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư xây dựng: Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết, sân bay Phan Thiết, Cảng Tổng hợp Vĩnh Tân.



Hình 1. 3 Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết (Nguồn Báo Bình Thuận)

1.3.3 Kết quả thực hiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Bình Thuận

1.3.3.1 Tình hình quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại một số ngành [6]

Trong năm 2014 công tác quản lý ĐTXD trên địa bàn thực hiện theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013, Sở Xây dựng đã thực hiện thẩm tra thiết kế 135 công trình, cắt giảm 92,751 tỷ/ 736,505 tỷ đồng. Qua công tác thanh, kiểm tra đã phát hiện nhiều nội dung sai phạm về quy trình quản lý chất lượng trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nguyên nhân chính là do năng lực quản lý của chủ đầu tư và trách nhiệm của đơn vị tư vấn không đảm bảo.

Trong năm 2015 thực hiện quản lý theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các văn bản dưới Luật về quản lý chi phí ĐTXD; Sở Xây dựng đã triển khai thực hiện công tác thẩm định thiết kế - dự toán 187 công trình, cắt giảm 84,48 tỷ/ 1.069,48 tỷ đồng; Qua công tác thẩm định thiết kế - dự toán và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình cho thấy chất lượng công trình xây dựng đã được nâng lên; chống thất thoát lãng phí trong ĐTXD bước đầu đã được thực hiện khá tốt.

Trong năm 2016 thực hiện công tác thẩm định thiết kế - dự toán 208 công trình, cắt giảm 48,96 tỷ/ 2.285,45 tỷ đồng; xây dựng Đề án thành lập các Ban QLDA ĐTXD công trình chuyên ngành và khu vực cấp huyện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. Trong năm 2017 thực hiện công tác thẩm định thiết kế dự toán 276 công trình, cắt giảm 25,45 tỷ/2.764,23 tỷ đồng; qua công tác thẩm định thiết kế dự toán và kiểm tra công tác nghiệm thu cho thấy chất lượng công trình xây dựng đã được nâng lên.

1.3.3.2 Tình hình quản lý chi phí thực tế tại các dự án đã đầu tư xây dựng [7]

Trong những năm gần đây tại tỉnh Bình Thuận đa số các dự án triển khai thi công chậm tiến độ làm tăng chi phí ĐTXD, bên cạnh đó cũng có một số dự án triển khai đạt yêu cầu về tiến độ bảo đảm chất lượng và mỹ thuật đem lại hiệu quả cao như:



Hình 1. 4 Hình ảnh Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Bình Thuận (Báo Đầu thầu)

Ví dụ thứ nhất, dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Bình Thuận tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc với chiều dài hơn 123 km khởi công ngày 02/6/2013 và thông xe ngày 21/6/2015, dự án hoàn thành sớm 7 tháng so với hợp đồng đã tiết kiệm được hơn 200 tỷ đồng. Ngoài ra việc hoàn thành sớm dự án giúp sớm thu phí để hoàn vốn dự án sẽ góp phần phát triển kinh tế xã hội, rút ngắn thời gian lưu thông, giảm chi phí vận tải xuất khẩu hàng hóa, thu hút khách du lịch và đặc biệt là kéo giảm TNGT.

Tổng kết lại quá trình thi công, ông Hoàng Đình Phúc – Tổng giám đốc Ban QLDA1, cho biết đây là dự án mở rộng QL1 có chiều dài lớn nên thời gian đầu gặp rất nhiều khó khăn trong công tác GPMB, các dự án triển khai đồng thời nên nguồn vật liệu cũng rất khan hiếm. Tuy vậy, với ý thức sâu sắc tầm quan trọng của dự án, sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương, công tác GPMB đã được đẩy nhanh. Các nhà thầu đã tập trung tối đa nguồn lực tài chính, thiết bị để thi công đồng bộ dự án.

Ví dụ thứ hai, tiết kiệm chi phí ĐTXD thông qua lựa chọn nhà thầu Dự án Đê chắn sóng khu neo đậu tránh trú bão đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận, Gói thầu xây lắp giá trúng thầu 445,441/450,659 tỷ đồng (tiết kiệm 5,22 tỷ đồng); Gói thầu Tư vấn giám sát thi giá trúng thầu 4,180/4,522 tỷ đồng (giảm 342 triệu đồng, đạt tỷ lệ tiết kiệm 7%).



Hình 1. 5 Dự án Đê chắn sóng khu neo đậu trú bão Phú Quý (*Báo Đấu thầu*)

1.3.4 Quy định về phân cấp quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Bình Thuận

1.3.4.1 Theo Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

- Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư [8]

Các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&ĐT quyết định đầu tư thì Sở KH&ĐT là cơ quan tổ chức thẩm định dự án; chịu

trách nhiệm lấy ý kiến các sở quản lý ngành, cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng và các cơ quan khác liên quan đến dự án để thẩm định dự án.

- Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình

Chủ đầu tư sử dụng bộ phận chuyên môn của mình để thẩm định hoặc thuê đơn vị tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán, để làm cơ sở cho việc thẩm định.

Quá trình thực hiện đầu tư cần thiết phải điều chỉnh thiết kế cho phù hợp, không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không làm vượt TMĐT đã được phê duyệt thì CĐT được tự quyết định điều chỉnh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

1.3.4.2 Theo Luật Xây dựng 50/2014/QH13 và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP

- Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư [9]

Sở Xây dựng chủ trì thẩm định các dự án nhóm B, nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được ĐTXD trên địa bàn hành chính của tỉnh.

Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ĐTXD do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thẩm định TMĐT, thẩm định về thiết kế công nghệ.

- Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình [9]

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình từ cấp II trở xuống được ĐTXD trên địa bàn hành chính của tỉnh.

1.3.4.3 Các văn bản do UBND tỉnh Bình Thuận ban hành về quản lý chi phí xây dựng

- Theo Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP

Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 01/6/2010; Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 27/4/2012 và Quyết định số 57/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013 của UBND tỉnh Bình Thuận về phân cấp thực hiện quản lý dự án ĐTXD trên địa bàn tỉnh.

- Theo Luật Xây dựng 50/2014/QH13 và Nghị định số 32/2015/NĐ-CP

Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 và Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về phân cấp thực hiện quản lý dự án ĐTXD công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

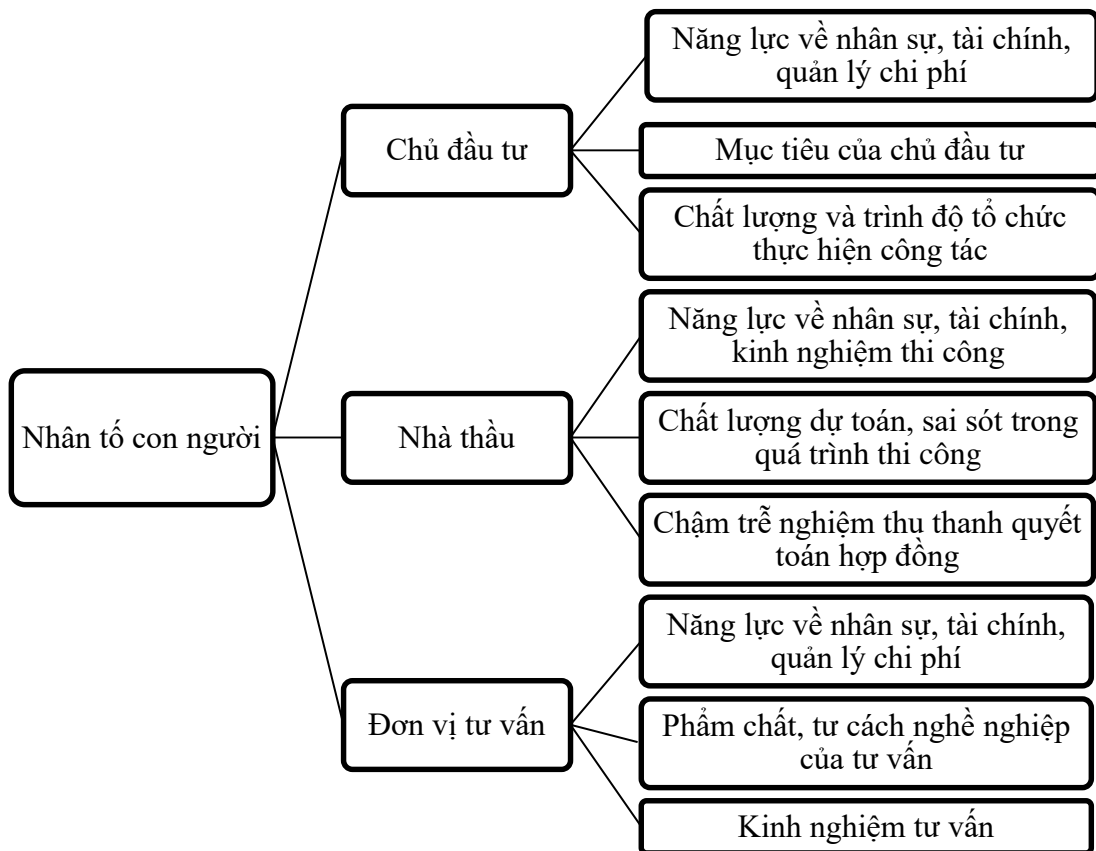
Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 và các văn bản có liên quan khác.

1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng

1.4.1 Nhân tố chủ quan

1.4.1.1 Nhân tố con người

Con người là nhân tố hàng đầu quyết định đến công tác quản lý chi phí ĐTXD thông qua hoạt động kiểm soát các khoản chi phí của dự án được thể hiện



Hình 1. 6 Nhân tố con người ảnh hưởng tới quản lý chi phí ĐTXD

1.4.1.2 Nhân tố khoa học công nghệ

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển như hiện nay, việc áp dụng khoa học công nghệ vào trong xây dựng công trình là một trong những giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, làm giảm chi phí, nhân lực trong thi công.

Giúp con người sử dụng máy móc thiết bị vật liệu mới một cách nhẹ nhàng và chính xác cao, giảm được thời gian, nhân lực, chi phí; khoa học công nghệ đã nghiên cứu sử dụng vật liệu mới, đưa máy móc thi công hiện đại giúp giảm chi phí giá thành nhân công, máy móc nhằm đẩy nhanh tiến độ thi xây dựng công trình.

1.4.1.3 Nhân tố thị trường

Sự biến động về giá cả, tiền lương, vật tư thiết bị làm cho chi phí ĐTXD công trình tăng lên so với chi phí tính toán ban đầu của dự án gây ảnh hưởng đến chi phí ĐTXD.

1.4.2 Các nhân tố khách quan

1.4.2.1 Nhân tố pháp lý, chính sách

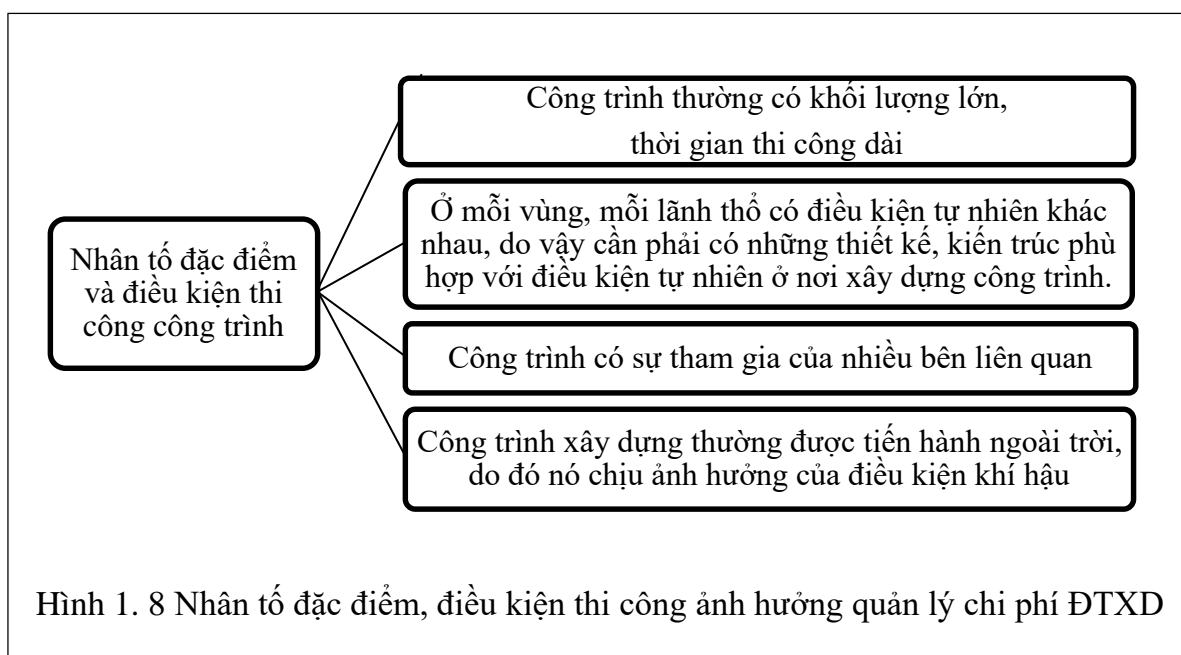
Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng trong việc quản lý chi phí ĐTXD công trình là.



Hình 1. 7 Nhân tố pháp lý, chính sách ảnh hưởng tới quản lý chi phí ĐTXD

1.4.2.2 Nhân tố đặc điểm và điều kiện thi công công trình

Đặc điểm và điều kiện thi công được thể hiện.



1.5 Hiệu quả của công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

Sự hiệu quả của việc quản lý chi phí trong ĐTXD được thể hiện ở nhiều mặt, phải được thực hiện xuyên suốt trong tất cả các giai đoạn và các lĩnh vực đầu tư sau đây:



Hình 1. 9 Kiểm soát chi phí ĐTXD qua các giai đoạn

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Quản lý chi phí ĐTXD hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí các nguồn lực, phù hợp với quy định của pháp luật là vấn đề cấp bách đối với công tác quản lý ĐTXD. Ở Việt Nam, cùng với sự đổi mới các quy định về quản lý ĐTXD, công tác quản lý chi phí ĐTXD của các CĐT, các Ban QLDA đã có những đổi mới, bước đầu phát huy tác dụng trong việc quản lý các hoạt động xây dựng theo định hướng nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, trên thực tế, do trình độ, kinh nghiệm, về quản lý chi phí ĐTXD, do thiếu đồng bộ của hệ thống văn bản pháp quy và do phẩm chất nhân viên làm công tác quản lý chi phí ĐTXD, nên vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập và tiêu cực trong công tác quản lý chi phí các dự án ĐTXD. Chính vì vậy cần có những nhận thức đầy đủ, đánh giá một cách khách quan thực trạng và đưa ra những giải pháp hữu hiệu, khả thi để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý chi phí ĐTXD công trình.

CHƯƠNG 2 CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

2.1 Cơ sở khoa học về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

2.1.1 Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng [1]

Bảo đảm ĐTXD công trình theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hoá của từng địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên tại khu vực có dự án, bảo đảm đúng mục đích, đối tượng và trình tự ĐTXD.

Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng; bảo đảm nhu cầu tiếp cận sử dụng công trình thuận lợi, an toàn cho người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em ở các công trình công cộng, nhà cao tầng; ứng dụng khoa học và công nghệ, áp dụng hệ thống thông tin công trình trong hoạt động ĐTXD.

Bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn công trình, tính mạng, sức khỏe con người và tài sản; phòng, chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường.

Bảo đảm xây dựng đồng bộ trong từng công trình và đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ các điều kiện năng lực phù hợp với loại dự án; loại, cấp công trình xây dựng và công việc theo quy định.

Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát và tiêu cực khác trong hoạt động ĐTXD.

Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động ĐTXD với chức năng quản lý của chủ đầu tư phù hợp với từng loại nguồn vốn sử dụng.

2.1.2 Phương pháp quản lý chi phí đầu tư xây dựng

2.1.2.1 Phương pháp khống chế giá thành dự án theo truyền thống [10]

Khống chế giá thành dự án cần thiết do luôn luôn tồn tại các tác nhân tạo nên các sai lệch so với vốn đã hoạch định. Khống chế giá thành là để quản lý những thay đổi trong chi phí thực hiện với mục đích làm giảm các yếu tố tiêu cực và tăng các yếu tố tích cực trong sự thay đổi đó; những chỉ tiêu cơ sở sử dụng trong khống chế giá thành dự án là:

Chi phí còn lại: ước tính các chi phí cần thiết để hoàn thành cả dự án, xác định chi phí còn lại là cách đánh giá tốt nhất chi phí còn phải bù thêm vào, tại thời điểm đánh giá, để hoàn thành công việc.

Giá thành tính toán được tính như tổng của các chi phí thực tế đã chi cho đến thời điểm tính toán và chi phí còn lại.

2.1.2.2 Phương pháp giá trị thu được [10]

Phương pháp giá trị thu được xác định mối quan hệ giữa chi phí thực tế và khối lượng công việc cần phải được hoàn thành tính đến thời điểm báo cáo. Đồng thời, phương pháp này có tính đến thông tin về chi phí theo sơ đồ công việc theo kế hoạch và theo thực tế. Phương pháp này sử dụng 3 chỉ tiêu để xác định các sai lệch trong biểu đồ công việc, đó là: chi phí kế hoạch, chi phí thực tế và giá trị thu được.

Phương pháp phân tích giá trị thu được yêu cầu phân tích chi tiết hơn trong quản lý giá thành dự án cũng như cố gắng nhiều hơn từ nhà quản lý dự án trong vấn đề thu thập phân tích và xử lý thông tin.

Ưu điểm của phương pháp này là nó cho phép phát hiện sớm những sai lệch giữa các chỉ tiêu thực tế và kế hoạch. Trên cơ sở đó dự báo kết quả hoàn thành dự án về thời gian, về chi phí... và giúp nhà quản lý dự án ra các quyết định điều chỉnh kịp thời, cần thiết có thể dừng dự án sớm để khỏi tổn những chi phí vô ích.

2.1.2.3 Phương pháp tổ chức quản lý việc kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng [10]

“Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quản lý chi phí từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc”. Như vậy, quản lý chi phí thuộc trách nhiệm của CĐT và để hoàn thành trách nhiệm này, chủ đầu tư phải tổ chức thực hiện việc kiểm soát chi phí.

Để kiểm soát chi phí, ngay từ khi bắt đầu giai đoạn lập dự án, CĐT phải lựa chọn người kiểm soát chi phí. Tùy theo quy mô và tính chất dự án, chủ đầu tư quyết định việc tổ chức kiểm soát chi phí là cá nhân hoặc tổ chức có đủ đủ điều kiện năng lực.

2.1.3 Quản lý chi phí thông qua ứng dụng công nghệ thông tin

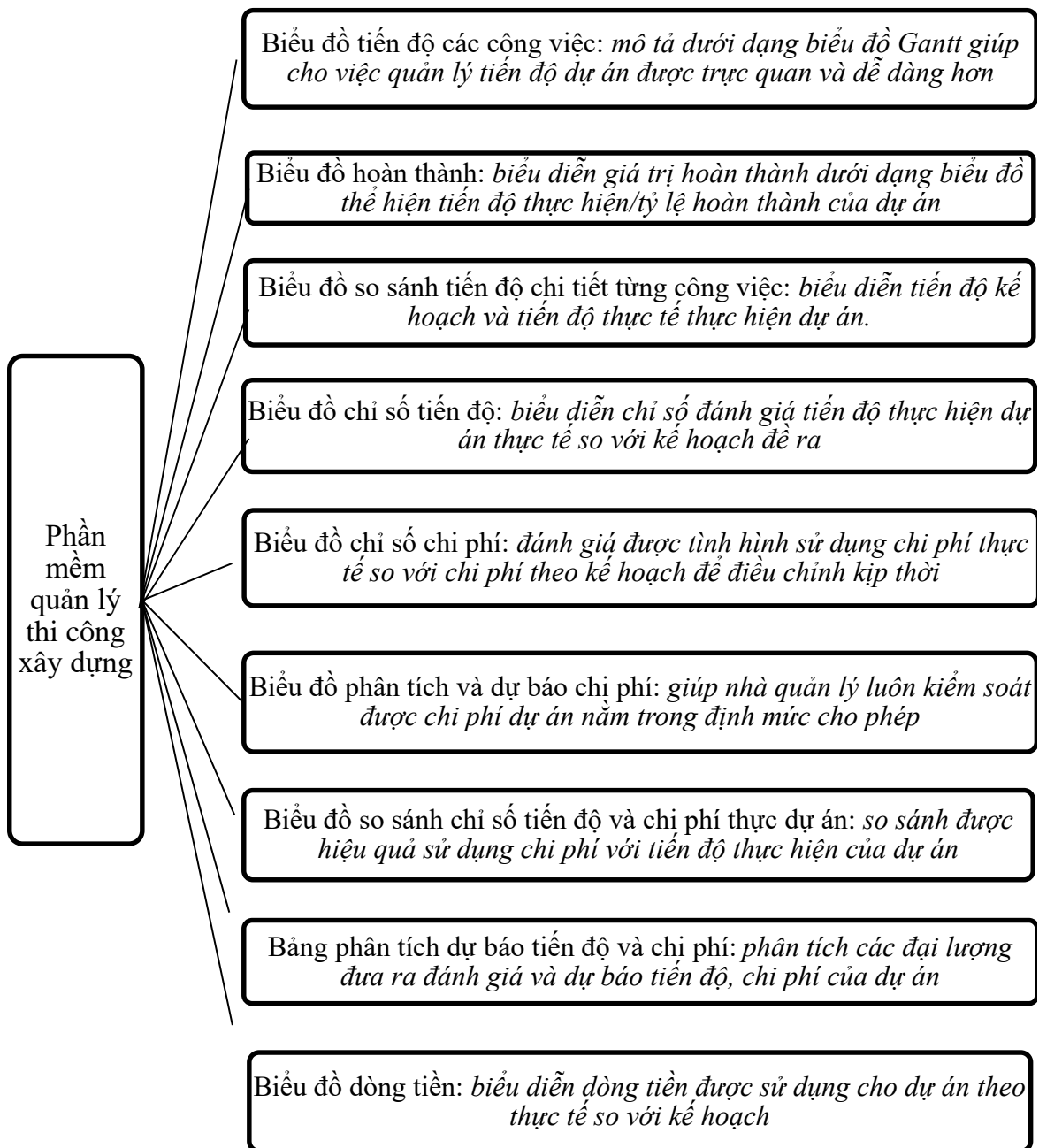
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã đề cập đến việc ứng dụng khoa học và công nghệ, áp dụng hệ thống thông tin công trình trong hoạt động đầu tư xây dựng được thể hiện tại Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng (Khoản 3, Điều 4) và Nội dung quản lý đầu tư xây dựng (Khoản 1, Điều 66)

Hiện nay việc ứng dụng công nghệ tin học vào quá trình quản lý là rất quan trọng ở Việt Nam đã có nhiều Công ty sử dụng các phần mềm vào công tác quản lý, đã đem lại tiện lợi và hiệu quả cao như:

Microsoft Project là một phần mềm quản lý dự án được phát triển và bán bởi Microsoft được thiết kế để hỗ trợ trong việc phát triển các kế hoạch, phân công nguồn lực cho dự án, theo dõi tiến độ, quản lý ngân sách và phân tích khối lượng công việc.

Phần mềm iBom.PM hỗ trợ người quản lý có thể cập nhật, tính toán chi phí cho mọi hạng mục mà không mất quá nhiều thời gian, công sức; có thể tránh tối đa những rủi ro trong vấn đề tài chính, tác động thúc đẩy công trình xây dựng phát triển hơn, thuận lợi hơn trong quá trình thi công; người quản lý có thể thực hiện những công đoạn phức tạp nhất trong quá trình xử lý thông tin, dữ liệu chỉ với những bước đơn giản như cập nhật dữ liệu; giúp người sử dụng bảo mật tối đa thông tin của công trình. [11]

Ví dụ mô hình phần mềm iBom.PM của Công ty TNHH phần mềm Trí Tuệ iSoftco



Hình 2. 1 Mô hình phần mềm quản lý iBom.PM

Phần mềm BIM (Building Information Modeling) là quy trình tạo lập và sử dụng mô hình thông tin trong các khâu thiết kế, xây dựng và vận hành của công trình. Với vai trò là một cơ sở dữ liệu bao trùm toàn vòng đời của công trình, BIM bao hàm các mối liên hệ logic về mặt không gian, kích thước, số lượng và các đặc tính của các bộ phận công trình. Khả năng kết hợp thông tin các bộ phận công trình với các thông tin về định mức, đơn giá, tiến độ thi công... ngày càng trở thành xu hướng tất yếu của ngành Xây dựng để tối ưu hoá việc thiết kế, thi công và quản lý công trình. [12]

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án áp dụng BIM trong hoạt động xây dựng tại Quyết định số 2500/QĐ-TT ngày 22/12/2016; việc áp dụng BIM hướng tới mục tiêu thực hiện tiết kiệm ít nhất 30% về chi phí quy đổi tổng hợp từ các chủ thể có liên quan thực hiện áp dụng BIM, tăng cường tính minh bạch và thuận lợi trong quản lý, kiểm soát chất lượng hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình. [13]

Trung tâm nghiên cứu kỹ thuật xây dựng hạ tầng tích hợp trường đại học Stanford đã tổ chức tổng kết hàng năm qua theo dõi việc áp dụng BIM của các công ty cũng như tại các dự án đầu tư xây dựng dựa trên 32 dự án có sử dụng BIM của CIFE đã định lượng lợi ích mang lại qua một số chỉ tiêu như: Giảm bớt 40% các yêu cầu thay đổi; sai lệch của quyết toán với dự toán trong khoảng +/- 3%; giảm 80% thời gian lập dự toán; tiết kiệm về chi phí lên đến 10%; giảm 7% về tiến độ. [14]

Tại Việt Nam việc áp dụng BIM vào các dự án xây dựng cũng đã và đang được sử dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả cao cho các dự án. Danh mục (Phụ lục 01).

2.1.4 Hệ thống văn bản liên quan đến việc lập và quản lý chi phí ĐTXD

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 01/7/2014.

Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí dự án ĐTXD; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án ĐTXD; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng xây dựng.

Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 đơn giá nhân công; Thông tư số 18/2016/TT-BXD, ngày 30/6/2016 về thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán; Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 về xác định và quản lý chi phí ĐTXD.

Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng: Công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Định mức XDCB số 1776/BXD-VP, số 1777/BXD-VP, số 1779/BXD-VP ngày 16/8/2007; số 1172/QĐ-BXD và số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của BXD.

2.2 Nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng [4]

Bảng 2. 1 Các chỉ tiêu giá trong các bước thiết kế theo giai đoạn đầu tư

Các bước trong quá trình thực hiện đầu tư		Thiết kế 1 bước	Thiết kế 2 bước	Thiết kế 3 bước	Chỉ tiêu giá	
Chuẩn bị dự án	Báo cáo ĐTXD	Thiết kế sơ bộ			Sơ bộ TMĐT	
	Báo cáo kinh tế-kỹ thuật	Thiết kế BVTC			TMĐT/Dự toán XDCT	
	Dự án đầu tư		TKCS	TKCS	TMĐT	
Thực hiện dự án	Thiết kế		BVTC	KT	Dự toán XDCT/Dự toán chi phí XD	
				Thiết kế BVTC		
	Lập kế hoạch đấu thầu				Giá gói thầu	
	Lập hồ sơ dự thầu				Giá dự thầu	
	Đánh giá lựa chọn nhà thầu					Giá đánh giá
						Giá đề nghị trúng thầu
						Giá trúng thầu
					Giá ký kết HĐ	
Các bước trong quá trình thực hiện đầu tư		Thiết kế 1 bước	Thiết kế 2 bước	Thiết kế 3 bước	Chỉ tiêu giá	
	Thi công xây dựng công trình				Dự toán thi công	
					Giá thanh toán	
					Giá quyết toán	
Kết thúc xây dựng					Giá quyết toán	

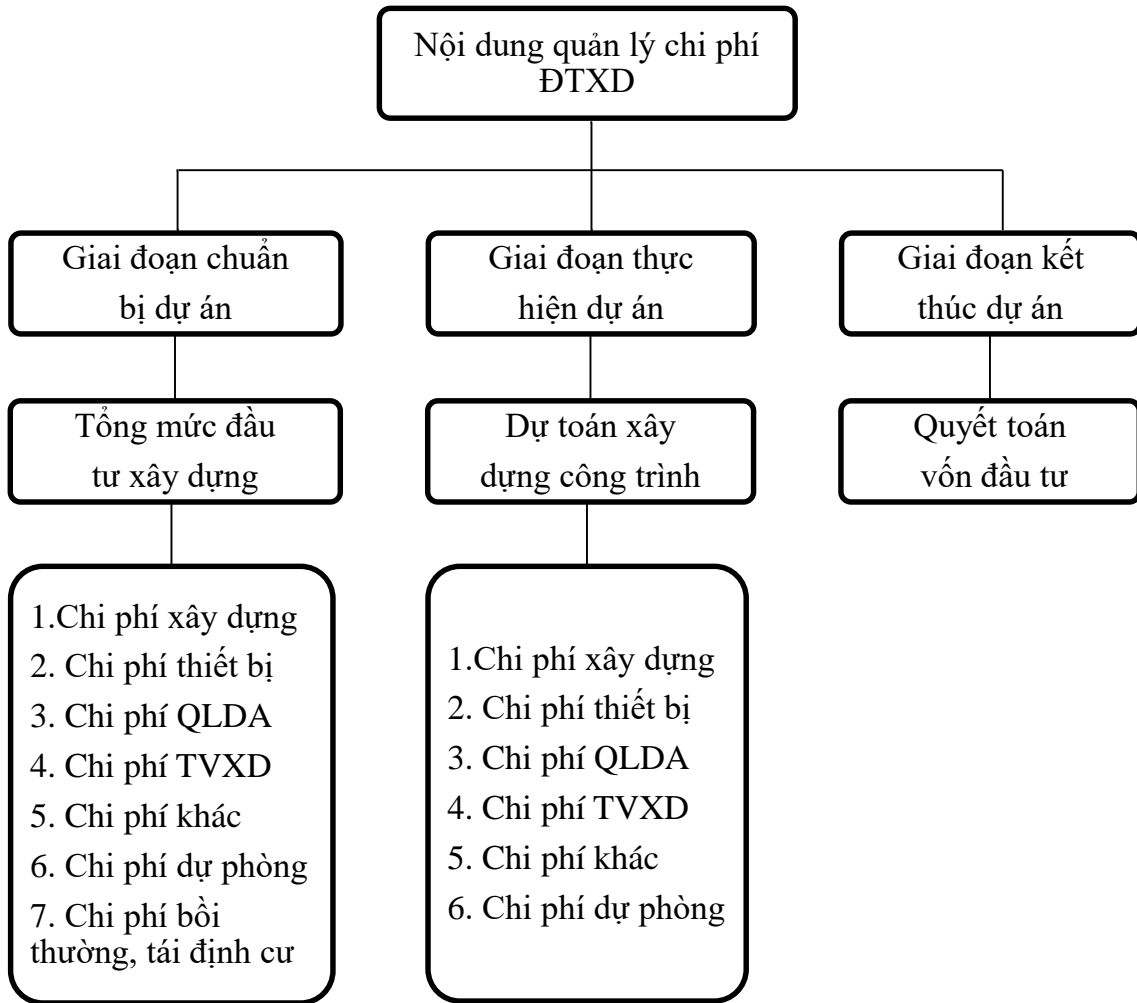
Chi phí ĐTXD phải bảo đảm mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án đã được phê duyệt, phù hợp với trình tự ĐTXD theo quy định và nguồn vốn sử dụng. Chi phí ĐTXD phải được tính đúng, tính đủ cho từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng, phù hợp với yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, điều kiện xây dựng, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình.

Chi phí ĐTXD công trình là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình xây dựng; được lập theo từng công trình cụ thể, phù hợp với giai đoạn ĐTXD công trình, các bước thiết kế, nguồn vốn sử dụng và quy định.

Nhà nước thực hiện quản lý chi phí ĐTXD, hướng dẫn phương pháp lập và quản lý chi phí dự án ĐTXD, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng công bố định mức, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và các thông tin liên quan để CĐT tham khảo chi phí đầu tư.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý chi phí dự án ĐTXD công trình từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi công trình được đưa vào khai thác, sử dụng.

2.3 Nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng [1]

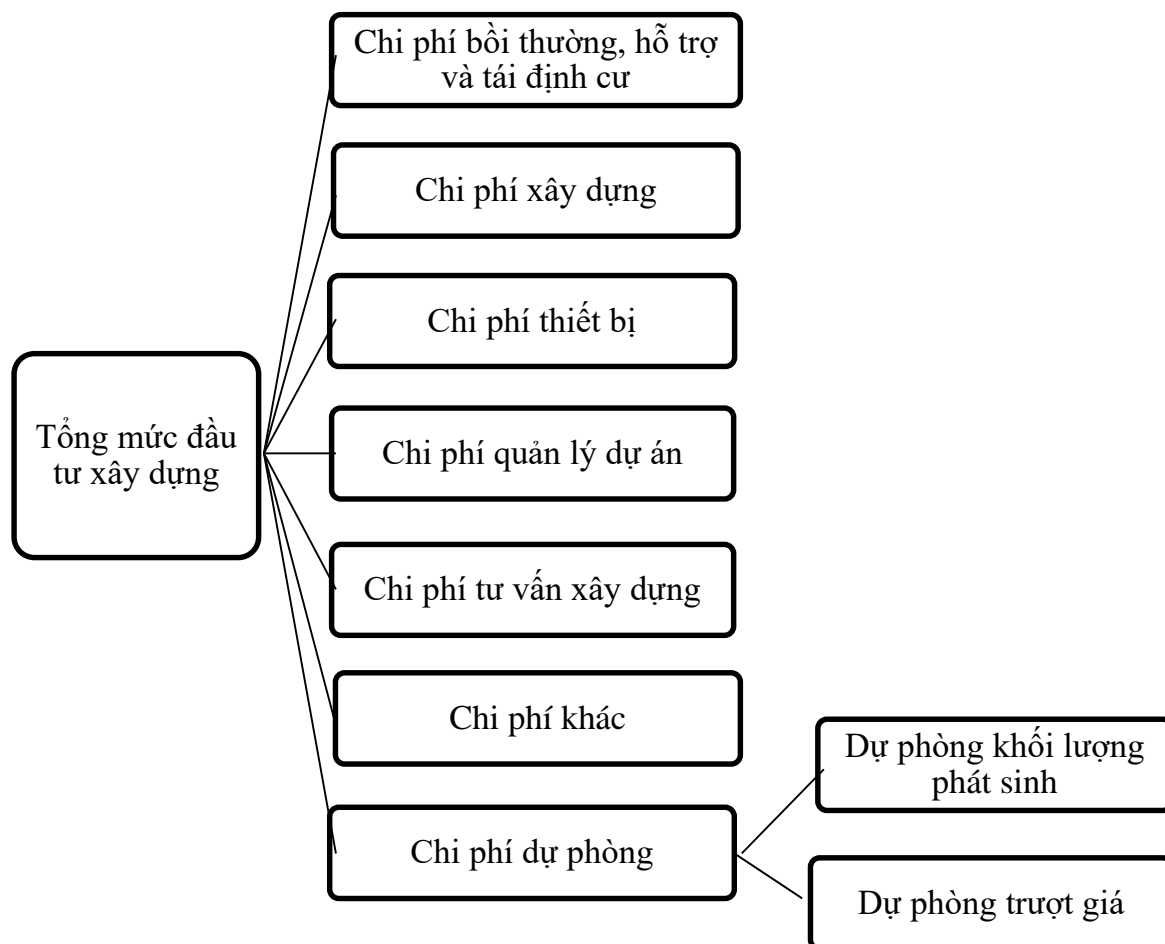


Hình 2. 2 Nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Nội dung quản lý chi phí ĐTXD gồm tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, định mức và giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn ĐTXD; thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng, thanh toán và quyết toán vốn ĐTXD công trình; quyền và nghĩa vụ của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng trong quản lý chi phí ĐTXD.

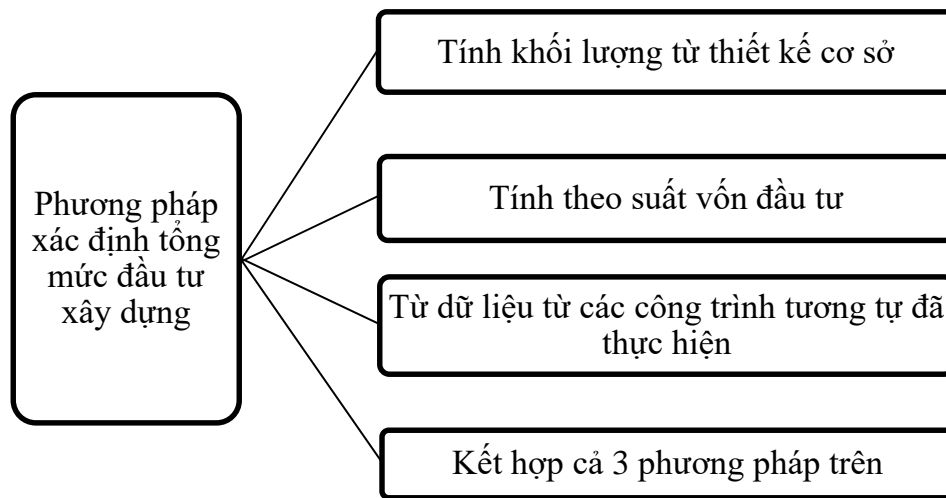
2.3.1 Quản lý tổng mức đầu tư xây dựng [4]

Tổng mức ĐTXD là toàn bộ chi phí ĐTXD của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD.



Tổng mức ĐTXD phải được thẩm định, phê duyệt và là cơ sở để quản lý chi phí của dự án. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, tổng mức ĐTXD được phê duyệt là mức chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để thực hiện dự án.

Nội dung các chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.



Hình 2. 4 Phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng

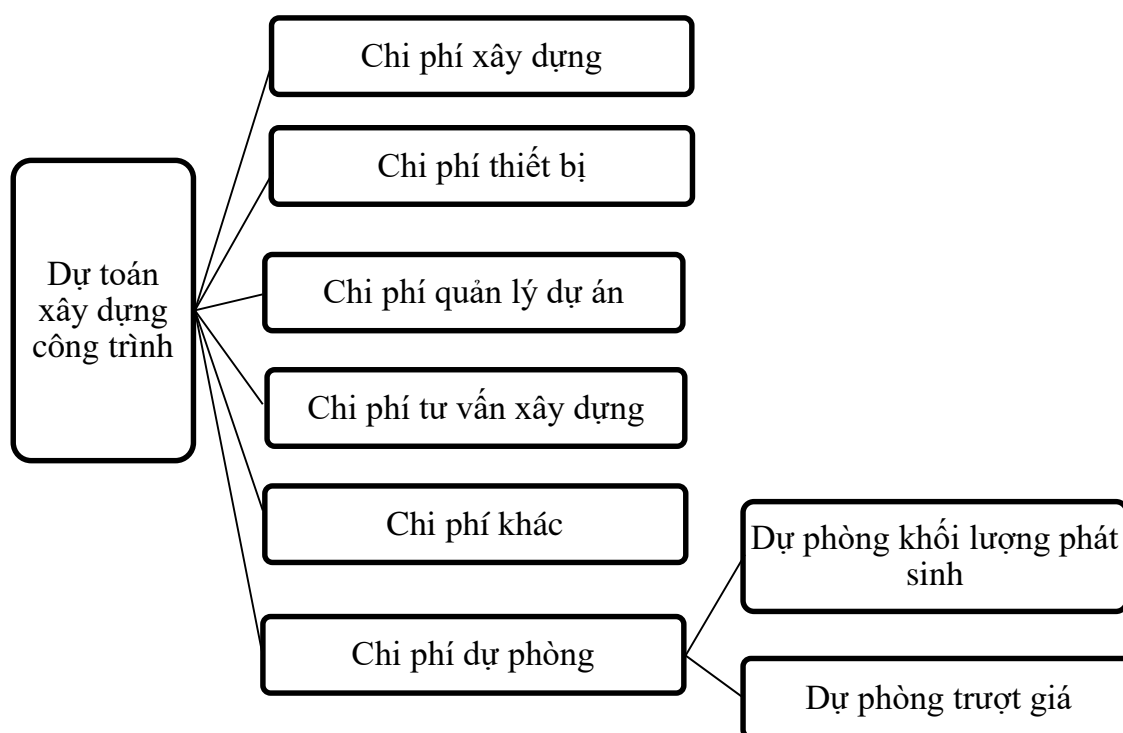
Tổng mức ĐTXD được phê duyệt của dự án sử dụng vốn nhà nước chỉ được điều chỉnh khi điều chỉnh dự án theo quy định gồm: Do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác; xuất hiện yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án khi đã được chủ đầu tư chứng minh về hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại; khi quy hoạch xây dựng thay đổi có ảnh hưởng trực tiếp tới dự án; khi chỉ số giá xây dựng do BXD, UBND cấp tỉnh công bố trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá xây dựng được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức ĐTXD đã phê duyệt thì CĐT tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình.

2.3.2 Quản lý dự toán xây dựng [4]

2.3.2.1 Nội dung dự toán xây dựng công trình

Dự toán xây dựng công trình được xác định trên cơ sở khối lượng tính toán từ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, chỉ dẫn kỹ thuật, các yêu cầu công việc phải thực hiện của công trình và định mức xây dựng, giá xây dựng của công trình.



Hình 2. 5 Nội dung dự toán xây dựng công trình

Các chi phí trong dự toán xây dựng công trình được xác định như sau: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn ĐTXD, chi phí khác và chi phí dự phòng được xác định theo Thông tư 06 của BXD.

2.3.2.2 Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp: Điều chỉnh tổng mức ĐTXD theo quy định.

Thay đổi, bổ sung thiết kế nhưng không trái với TKCS hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán kể cả chi phí dự phòng nhưng không vượt TMDT đã được phê duyệt.

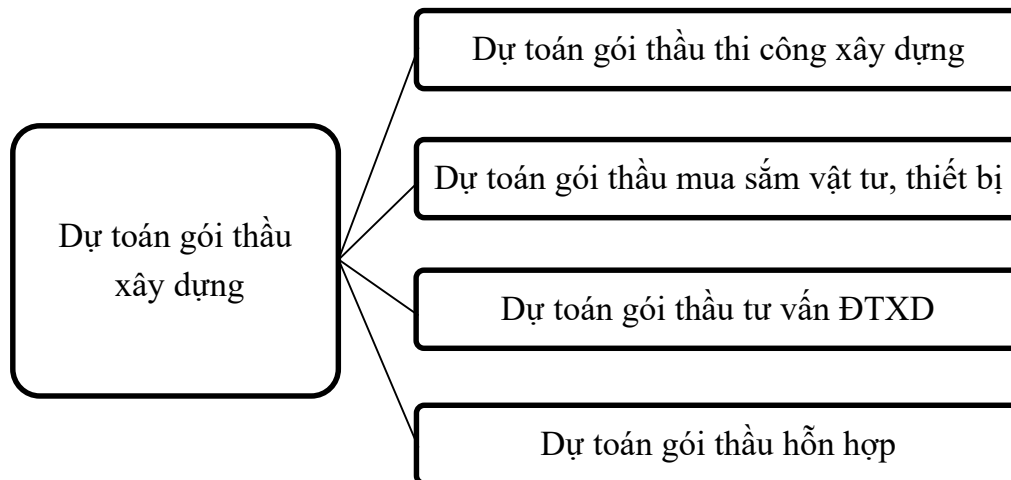
Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh gồm dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt cộng (hoặc trừ) phần giá trị tăng (hoặc giảm).

Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng công trình điều chỉnh làm cơ sở để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu và điều chỉnh tổng mức đầu tư.

Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí nhưng không làm thay đổi giá trị dự toán xây dựng đã được phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh.

2.3.3 Dự toán gói thầu xây dựng [4]

Dự toán gói thầu xây dựng xác định theo từng gói thầu, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán xây dựng đã phê duyệt và thực hiện trước khi tổ chức đấu thầu.



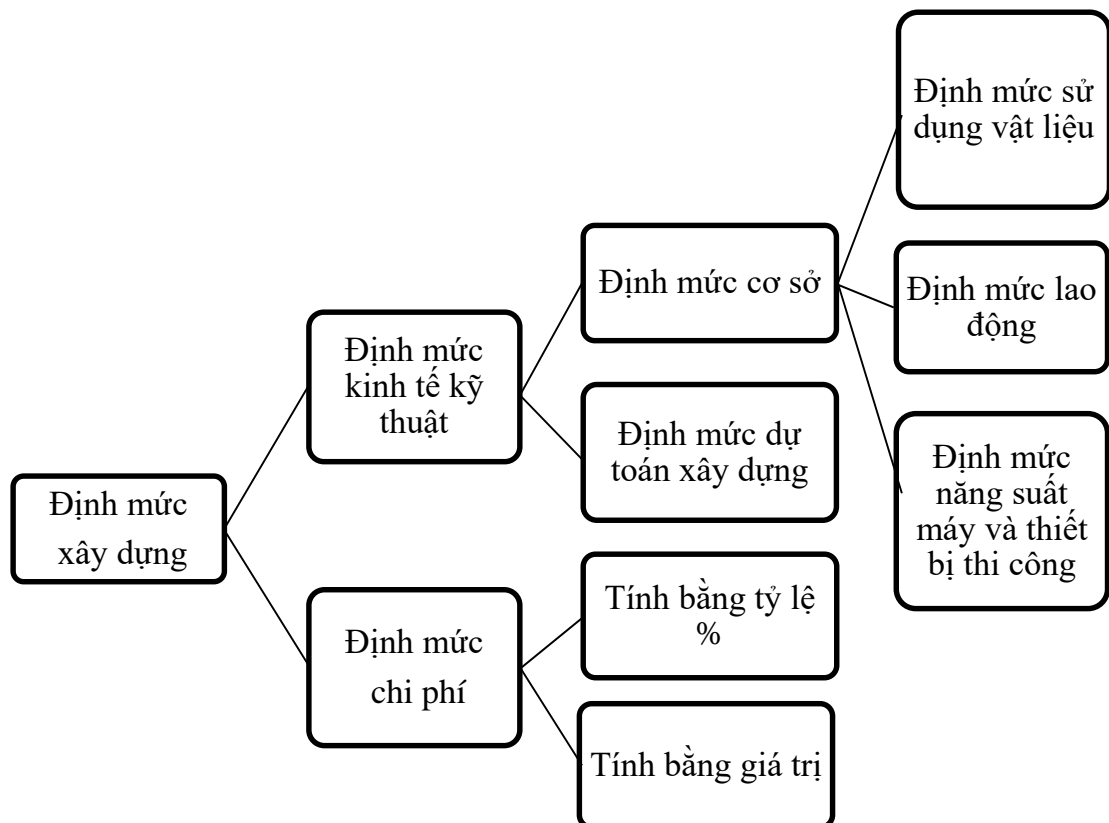
Hình 2. 6 Dự toán gói thầu xây dựng

2.3.4 Quản lý định mức, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng [4]

2.3.4.1 Định mức và quản lý định mức

- Định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật là cơ sở để quản lý chi phí ĐTXD; Định mức cơ sở để xác định định mức dự toán xây dựng công trình.



Hình 2. 7 Nội dung định mức xây dựng

Định mức dự toán xây dựng công trình là mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công cụ thể để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác.

Định mức chi phí là cơ sở để xác định giá xây dựng, dự toán chi phí của một số loại công việc, chi phí trong ĐTXD.

- Quản lý định mức xây dựng

Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp lập ĐMXD và công bố ĐMXD.

Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức lập và công bố ĐMXD cho các công việc đặc thù chuyên ngành của ngành và địa phương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng.

Định mức xây dựng được công bố là cơ sở để chủ đầu tư sử dụng, vận dụng, tham khảo khi xác định tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng và quản lý chi phí ĐTXD.

Chủ đầu tư tổ chức xác định các ĐMXD mới, ĐMXD điều chỉnh hoặc vận dụng ĐMXD tương tự ở các công trình đã và đang thực hiện, làm cơ sở quản lý chi phí ĐTXD công trình.

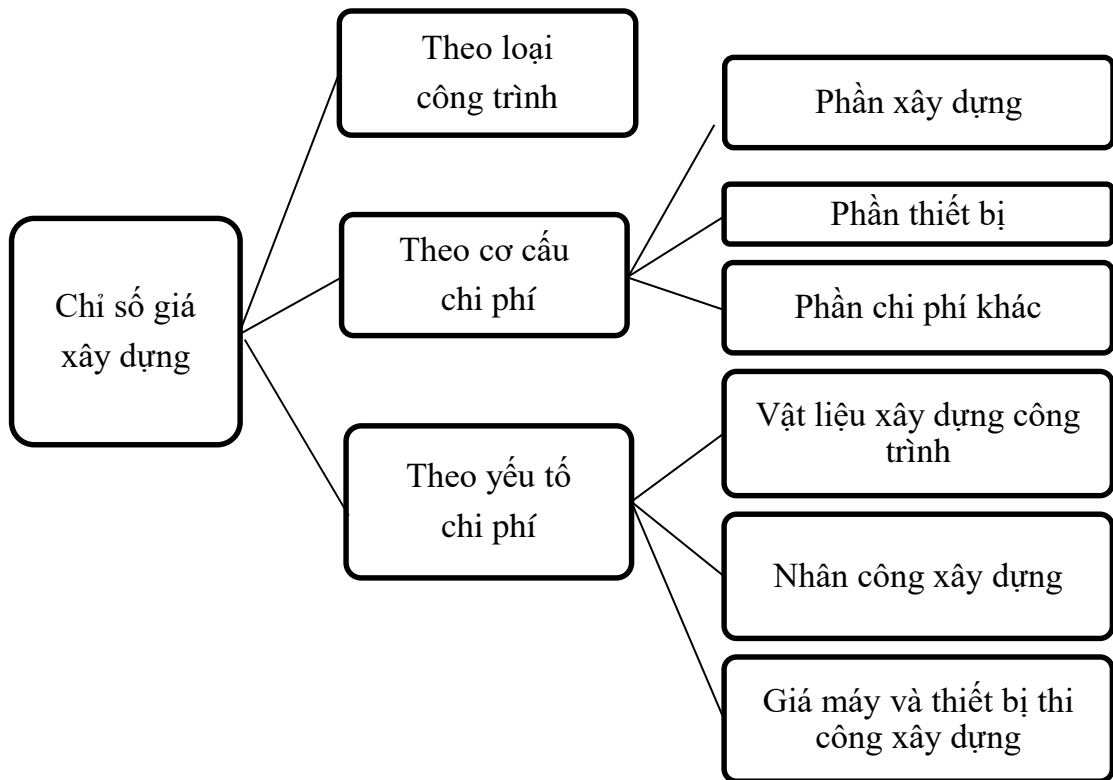
2.3.4.2 Giá xây dựng công trình

Giá xây dựng công trình gồm: đơn giá xây dựng chi tiết và đơn giá xây dựng tổng hợp. Đơn giá xây dựng chi tiết được xác định cho các công tác xây dựng cụ thể của công trình và được xác định từ định mức xây dựng, giá vật tư, vật liệu, cấu kiện xây dựng, giá nhân công, giá ca máy, thiết bị thi công và các yếu tố chi phí cần thiết khác phù hợp với các quy định.

Giá xây dựng tổng hợp được xác định cho nhóm, loại công tác xây dựng, đơn vị kết cấu hoặc bộ phận công trình, công trình làm cơ sở để xác ĐMXD, TMĐT, và được xác định trên cơ sở tổng hợp từ các đơn giá xây dựng chi tiết của công trình.

2.3.4.3 Chỉ số giá xây dựng [4]

Chỉ số giá xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng công trình theo thời gian, làm cơ sở xác định, điều chỉnh TMĐT, giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn ĐTXD công trình và quản lý chi phí ĐTXD.



Hình 2. 8 Nội dung chỉ số giá xây dựng

- Quản lý chỉ số giá xây dựng

UBND tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức xác định và công bố chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh và gửi về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý; cập nhật, lưu trữ thường xuyên các thông tin giá cả vật tư, vật liệu xây dựng, nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công trên thị trường xây dựng tại địa phương và gửi về Bộ Xây dựng định kỳ hàng tháng.

Chủ đầu tư căn cứ phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng tổ chức xác định chỉ số giá xây dựng công trình.

2.3.5 Quản lý chi phí công tác quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng

2.3.5.1 Quản lý chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng [4]

Chi phí quản lý dự án là chi phí cần thiết để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

Chi phí quản lý dự án gồm tiền lương của nhân viên quản lý dự án; tiền công trả cho người lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp lương; tiền thưởng; phúc lợi tập thể; các khoản đóng góp; ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý hệ thống thông tin công trình, đào tạo nâng cao năng lực nhân viên quản lý dự án; thanh toán các dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng phẩm; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; tổ chức hội nghị có liên quan đến dự án; công tác phí; thuê mướn; sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ quản lý dự án; chi phí khác và chi phí dự phòng.

2.3.5.2 Quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng [4]

Chi phí tư vấn ĐTXD là chi phí cần thiết để thực hiện các công việc tư vấn ĐTXD từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

Chi phí công việc tư vấn ĐTXD gồm chi phí chuyên gia, chi phí quản lý của tổ chức tư vấn, chi phí khác gồm cả chi phí sử dụng hệ thống thông tin công trình, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở lên, lợi nhuận chịu thuế tính trước, thuế và chi phí dự phòng. Riêng các công việc tư vấn khảo sát xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thì chi phí tư vấn gồm các khoản mục chi phí như chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng.

Dự toán chi phí tư vấn ĐTXD đã phê duyệt là chi phí tối đa để thực hiện công tác tư vấn ĐTXD và chỉ được điều chỉnh khi thay đổi về phạm vi công việc và tiến độ thực hiện công tác tư vấn ĐTXD; được quản lý thông qua hợp đồng tư vấn xây dựng.

2.3.6 Quản lý thanh toán, quyết toán vốn ĐTXD công trình [4]

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định, cơ quan thanh toán vốn đầu tư có trách nhiệm thanh toán vốn đầu tư theo đề nghị thanh toán của CĐT trên cơ sở kế hoạch vốn được giao.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ đề nghị thanh toán.

Các công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách sau khi hoàn thành đều phải thực hiện quyết toán vốn ĐTXD công trình.

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập Hồ sơ quyết toán vốn ĐTXD công trình và quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng để trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng thuộc dự án ĐTXD, trường hợp cần thiết phải quyết toán ngay thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

2.3.7 Quyền và trách nhiệm các chủ thể tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng

2.3.7.1 Quyền và nghĩa vụ của người quyết định đầu tư [4]

- Người quyết định đầu tư có các quyền sau đây

Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt TMĐT, dự toán xây dựng công trình; quyết định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, loại, hình thức hợp đồng; chấp thuận thực hiện lựa chọn tổ chức tư vấn quản lý chi phí ĐTXD đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra TMĐT, dự toán xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt.

- Người quyết định đầu tư có nghĩa vụ sau đây

Đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư để thanh toán cho dự án, công trình theo thời gian, tiến độ đã được phê duyệt; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo đúng thời hạn quy định.

2.3.7.2 Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư [4]

- Chủ đầu tư có các quyền sau đây:

Quyết định phương pháp xác định TMĐT, điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong TMĐT nhưng không làm vượt TMĐT đã phê duyệt; điều chỉnh và phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh không làm vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt.

Tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra, phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng.

Quyết định việc áp dụng, sử dụng định mức xây dựng, giá xây dựng công trình khi xác định dự toán xây dựng, chỉ số giá xây dựng cho công trình, gói thầu xây dựng.

Thuê các tổ chức tư vấn quản lý chi phí ĐTXD đủ kiện năng lực để thực hiện lập, thẩm tra, kiểm soát, quản lý chi phí ĐTXD.

Chấp thuận các thay đổi biện pháp thi công, yêu cầu kỹ thuật do nhà thầu đề xuất nhưng phải đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và không làm thay đổi giá trị hợp đồng đã ký kết.

Chấp thuận các đề xuất về thay đổi vật tư, vật liệu xây dựng theo đề xuất của tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu thi công xây dựng nhưng phải đảm bảo về mặt kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng, tiến độ xây dựng trên cơ sở giá trị trong hợp đồng đã ký kết.

- Chủ đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:

Tổ chức lập dự án ĐTXD công trình; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt TMĐT, TMĐT điều chỉnh; lập dự toán xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; xác định các ĐMXD mới làm cơ sở quản lý chi phí ĐTXD; tổ chức xác định giá xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng cho công trình, gói thầu xây dựng.

Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng theo các quy định trong hợp đồng đã ký kết với nhà thầu; tổ chức kiểm soát chi phí ĐTXD công trình theo quy định; tổ chức lập báo cáo quyết toán vốn ĐTXD công trình hoàn thành; Mua bảo hiểm công trình đối với các công trình có quy định phải mua bảo hiểm.

2.3.7.3 Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng [4]

- Nhà thầu tư vấn quản lý chi phí ĐTXD có các quyền sau đây:

Thực hiện tư vấn các công việc quản lý chi phí phù hợp với điều kiện năng lực và phạm vi hoạt động theo quy định.

Yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu phục vụ cho công việc tư vấn quản lý chi phí.

Từ chối thực hiện các yêu cầu ngoài nhiệm vụ tư vấn quản lý chi phí theo hợp đồng.

Yêu cầu chủ đầu tư thanh toán các khoản chi phí theo hợp đồng đã ký kết; được thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán.

- Nhà thầu tư vấn quản lý chi phí ĐTXD có các nghĩa vụ sau đây:

Thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí theo hợp đồng đã ký kết.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả thực hiện tư vấn quản lý chi phí và bồi thường thiệt hại gây ra cho chủ đầu tư (nếu có) theo quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Không được tiết lộ các thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động quản lý chi phí do mình thực hiện khi chưa được phép của chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền.

Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt TMĐT, dự toán xây dựng công trình; quyết định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, loại, hình thức hợp đồng; chấp thuận thực hiện lựa chọn tổ chức tư vấn quản lý chi phí ĐTXD đủ điều kiện năng lực để thực hiện thẩm tra TMĐT, dự toán xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt.

Đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư để thanh toán cho dự án, công trình theo thời gian, tiến độ đã được phê duyệt; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo đúng thời hạn quy định.

2.3.7.4 Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư [4]

Quyết định phương pháp xác định TMĐT, điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí trong TMĐT nhưng không làm vượt TMĐT đã phê duyệt; điều chỉnh và phê duyệt dự toán xây dựng điều chỉnh không làm vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt.

Tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra, phê duyệt dự toán gói thầu xây dựng.

Quyết định việc áp dụng, sử dụng định mức xây dựng, giá xây dựng công trình khi xác định dự toán xây dựng, chỉ số giá xây dựng cho công trình, gói thầu xây dựng.

Thuê các tổ chức tư vấn quản lý chi phí ĐTXD đủ kiện năng lực để thực hiện lập, thẩm tra, kiểm soát, quản lý chi phí ĐTXD.

Chấp thuận các thay đổi biện pháp thi công, yêu cầu kỹ thuật do nhà thầu đề xuất nhưng phải đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và không làm thay đổi giá trị hợp đồng đã ký kết.

Chấp thuận các đề xuất về thay đổi vật tư, vật liệu xây dựng theo đề xuất của tư vấn thiết kế hoặc nhà thầu thi công xây dựng nhưng phải đảm bảo về mặt kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng, tiến độ xây dựng trên cơ sở giá trị trong hợp đồng đã ký kết.

Tổ chức lập dự án ĐTXD công trình; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt TMĐT, TMĐT điều chỉnh; lập dự toán xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; xác định các ĐMXD mới làm cơ sở quản lý chi phí ĐTXD; tổ chức xác định giá xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng cho công trình, gói thầu xây dựng.

Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng theo các quy định trong hợp đồng đã ký kết với nhà thầu; tổ chức kiểm soát chi phí ĐTXD công trình theo quy định; tổ chức lập báo cáo quyết toán vốn ĐTXD công trình hoàn thành; Mua bảo hiểm công trình đối với các công trình có quy định phải mua bảo hiểm.

2.3.7.5 Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng [4]

Thực hiện tư vấn các công việc quản lý chi phí phù hợp với điều kiện năng lực và phạm vi hoạt động theo quy định.

Yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan cung cấp các thông tin, tài liệu phục vụ cho công việc tư vấn quản lý chi phí.

Từ chối thực hiện các yêu cầu ngoài nhiệm vụ tư vấn quản lý chi phí theo hợp đồng.

Yêu cầu chủ đầu tư thanh toán các khoản chi phí theo hợp đồng đã ký kết; được thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán.

Thực hiện các công việc tư vấn quản lý chi phí theo hợp đồng đã ký kết.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả thực hiện tư vấn quản lý chi phí và bồi thường thiệt hại gây ra cho chủ đầu tư (nếu có) theo quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan.

Không được tiết lộ các thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động quản lý chi phí do mình thực hiện khi chưa được phép của chủ đầu tư hoặc cấp có thẩm quyền.

2.3.8 Quản lý Nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng

2.3.8.1 Bộ Xây dựng [4]

Hướng dẫn chi tiết về nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí ĐTXD gồm sơ bộ tổng mức ĐTXD, tổng mức ĐTXD, dự toán xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chi phí quản lý dự án và tư vấn ĐTXD, chỉ số giá xây dựng, đo bóc khối lượng xây dựng công trình, giá ca máy và thiết bị thi công, điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh dự toán xây dựng, xác định đơn giá nhân công xây dựng, quy đổi vốn ĐTXD và kiểm soát chi phí trong ĐTXD.

Công bố định mức xây dựng, định mức các hao phí tính giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn ĐTXD, giá xây dựng, suất vốn ĐTXD công trình, chỉ số giá xây dựng quốc gia và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khác.

Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí ĐTXD.

2.3.8.2 Bộ Tài chính [4]

Hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán vốn ĐTXD công trình; Quy định mức thu phí và hướng dẫn việc quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, thiết kế, dự toán xây dựng và các phí khác; Thanh tra, kiểm tra việc thanh toán, quyết toán vốn ĐTXD các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.

2.3.8.3 Các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh [4]

Các Bộ, UBND cấp tỉnh căn cứ phương pháp lập định mức dự toán xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn, tổ chức xây dựng và công bố các ĐMXD cho các công việc chuyên ngành, đặc thù của Bộ, địa phương sau khi thống nhất với Bộ Xây dựng.

UBND cấp tỉnh hướng dẫn lập và quản lý chi phí ĐTXD; công bố giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng và đơn giá xây dựng công trình phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại địa phương và kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí ĐTXD trên địa bàn.

2.3.9 Một số bài học kinh nghiệm về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Để quản lý tốt chi phí các dự án ĐTXD công trình ngoài áp dụng đúng và tuân thủ đầy đủ theo các văn bản quy phạm luật, Nghị định của chính phủ và Thông tư của các bộ ban hành ra còn phải nắm rõ các chính sách nhà nước quy định trong công tác quản lý xây dựng để thực hiện tốt công việc quản lý chi phí các dự án.

Thực hiện tốt việc kiểm soát TMĐT, tổng dự toán để chi phí ĐTXD khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng không vượt quá TMĐT là điều cần thiết của nhà quản lý.

Phải xem xét toàn diện các mặt kỹ thuật, bảo vệ môi trường, đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, yêu cầu các bộ phận kỹ thuật tiến hành nghiên cứu kỹ địa hình khu vực để lập đề cương khảo sát chi tiết, đầy đủ các yếu tố, phục vụ cho công tác thiết kế.

Chủ đầu tư phải yêu cầu tư vấn thực hiện đúng yêu cầu trong nhiệm vụ, phương án khảo sát đã được phê duyệt; tập trung đi sâu vào nghiên cứu, xác định, kiểm tra các số liệu do tư vấn cung cấp để tránh tình trạng thiết kế quá thiên về an toàn, bất hợp lý; có chế tài cụ thể, xử phạt với tư vấn khi sai sót dẫn đến bước thiết kế sau phải điều chỉnh nhiều lần, hiệu quả đầu tư thấp.

Tăng cường công tác giám sát khảo sát, yêu cầu các bộ phận kỹ thuật khi kiểm tra, nghiệm thu khảo sát phải rà soát kỹ hồ sơ khảo sát và thực tế hiện trường; Để đảm bảo chất lượng và tiến độ, cần phải tổ chức giao ban với các đơn vị có liên quan để phối hợp nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thiết kế hợp lý.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, lựa chọn các đơn vị thẩm tra có đủ năng lực, kinh nghiệm và uy tín, báo cáo kết quả thẩm tra phải rõ ràng, tỉ mỉ, chi tiết.

Ví dụ: dự án Trụ sở công ty TNHH xô số kiến thiết tỉnh Bình Thuận



Hình 2. 9 Trụ sở công ty TNHH xô số kiến thiết Bình Thuận (nguồn Ban QLDA)

Khi thiết kế đơn vị tư vấn lựa chọn phương án móng cọc ép nhưng khi tổ chức thẩm tra đơn vị thẩm tra kiểm tra lại kết cấu và hồ sơ khảo sát thì phương án móng cọc ép không đảm bảo khả năng chịu lực nên yêu cầu đơn vị tư vấn thiết kế tính toán và lựa chọn lại phương án thiết kế móng cọc khoan nhồi; qua thẩm tra và rà soát lại khối lượng dự toán lập bộ phận quản lý chi phí đã cắt giảm các khối lượng tính sai so với bản vẽ, áp dụng định mức, đơn giá không phù hợp, đồng thời với việc đưa chi phí thiết bị có giá trị lớn vào chi phí xây lắp làm tăng theo các chi phí khác. Kết quả kiến nghị chủ đầu tư Công ty TNHH Xô số kiến thiết tỉnh, đã cắt giảm được trên 4,50 tỷ đồng/ tổng dự toán gói thầu 88,58 tỷ đồng.

Thực hiện linh hoạt các hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với tính chất, loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật, phải lấy mục tiêu hiệu quả, rút ngắn thời gian thực hiện dự án, đồng thời vẫn theo nguyên tắc lựa chọn được nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm, có giá hợp lý, phù hợp với mục tiêu quản lý.

Ví dụ Công trình mở rộng trường cao đẳng y tế Bình Thuận: Thông qua đấu thầu thiết kế đã lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm nên khi triển khai thiết kế thời gian thực hiện theo hợp đồng 90 ngày giảm xuống còn 70 ngày và giá gói thầu thiết kế theo phê duyệt là 652.352.000 đồng qua đấu thầu giảm còn 425.635.000 đồng.

Cập nhật và nắm bắt kịp thời về giá cả thay đổi, chế độ chính sách về lương, khấu hao, chính sách thuế thay đổi; áp dụng định mức, đơn giá phù hợp với biện pháp thi công và giá cả trên thị trường.

Các nhà thầu phải thực hiện tốt việc lập biện pháp tổ chức thi công công trình, đặc biệt đối với các công trình lớn, trọng điểm, ứng dụng nhiều công nghệ mới; nâng cao tính chính xác trong việc xác định khối lượng xây dựng, lập chi phí đầu tư xây dựng, thuận lợi trong tra cứu, sử dụng hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao tính chính xác, độ tin cậy của việc xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Quản lý tốt và chặt chẽ các hợp đồng, với điều kiện hợp đồng phải đầy đủ các yêu cầu, rõ ràng để các bên tuân thủ thực hiện.

2.3.10 Đề xuất lựa chọn phương pháp đánh giá chất lượng chi phí đầu tư xây dựng

Tác giả lựa chọn phương pháp xử lý kết quả nghiên cứu toán thống kê, phân tích dữ liệu và nghiên cứu để đánh giá chất lượng quản lý chi phí đầu tư xây dựng cho các loại công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thông qua các phiếu khảo sát từ các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng.

Các phần mềm hỗ trợ được áp dụng cho phương pháp nghiên cứu gồm: Google Forms; Microsoft Word; Microsoft Excel; phần mềm thống kê SPSS.

Các bước thực hiện nghiên cứu được mô tả như sau:

Bước 1: Xác định và làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Bước 2: Nghiên cứu các lý thuyết liên quan và các mô hình đánh giá.

Bước 3: Thiết lập mô hình nghiên cứu, Tác giả thực hiện việc lựa chọn mô hình nghiên cứu nền tảng từ các lý thuyết trước đó.

Bước 4: Xây dựng thang đo, bảng hỏi cho nghiên cứu

Bước 5: Tiến hành điều tra để thu thập các dữ liệu cho mục đích phân tích tiếp theo.

Bước 6: Phân tích dữ liệu, dữ liệu thu thập được sau khi được làm sạch sẽ được tiến hành phân tích dữ liệu này được hỗ trợ bởi phần mềm thống kê SPSS.

Bước 7: Trình bày các kết quả nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu sau khi được phân tích sẽ trình bày những kết quả chủ yếu, so sánh để có những kết luận chính xác về kết quả nghiên cứu

Bước 8: Kết luận, kiến nghị và đề xuất giải pháp

Nội dung phân tích, điều tra và nghiên cứu được thể hiện tại Mục 3.4 của Chương 3

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Quản lý chi phí ĐTXD trong hoạt động xây dựng có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, chủ động phòng chống tham nhũng, ngăn ngừa thất thoát trong xây dựng, ngăn chặn được các sự cố đáng tiếc xảy ra, tạo nên sự ổn định an sinh chính trị đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước.

Chương 2 luận văn đã hệ thống và khái quát các nội dung cơ bản như: Khái niệm, nội dung và phương pháp xác định chi phí dự án ĐTXD công trình; Khái niệm, nguyên tắc, phương pháp, nhiệm vụ quản lý chi phí ĐTXD công trình; Nội dung quản lý chi phí ĐTXD công trình của chủ đầu tư trong giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư, kết thúc dự án; những văn bản pháp quy có liên quan đến công tác quản lý chi phí ĐTXD công trình.

Những nội dung nói trên là cơ sở lý luận để tác giả phân tích thực trạng, đánh giá năng lực quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA và là cơ sở để đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD công trình tại Ban QLDA trong chương 3.

CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

3.1 Giới thiệu chung về Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận

3.1.1 Tóm tắt quá trình hình thành:

Quyết định số 253/QĐ/UBBT ngày 11/3/1993 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận v/v thành lập Ban quản lý công trình xây dựng công nghiệp - dân dụng Bình Thuận.

Qua các lần đổi tên theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 22/5/2006; Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh Bình Thuận v/v thành lập Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Sở Xây dựng.

Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh Bình Thuận v/v thành lập Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Thuận trực thuộc UBND tỉnh Bình Thuận.

Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bình Thuận là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh, hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo về kinh phí hoạt động.

3.1.2 Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nhân lực, thiết bị

3.1.2.1 Chức năng

Làm chủ đầu tư một số dự án chuyên ngành dân dụng và công nghiệp sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được UBND tỉnh giao; tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để ĐTXD theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban QLDA quy định của Luật Xây dựng; thực hiện các chức năng khác khi được người quyết định thành lập Ban QLDA giao; bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng; nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu; thực hiện chức năng tư vấn đầu tư xây dựng.

3.1.2.2 Nhiệm vụ, quyền hạn

Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị ĐTXD; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

Thực hiện tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện.

Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn ĐTXD công trình và bảo hành công trình.

Quản lý tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban QLDA theo quy định.

Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

3.1.2.3 Nguồn nhân lực và cơ sở vật chất

Ban QLDA có đội ngũ cán bộ năng động, sáng tạo nhiệt tình trong công việc, thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, đã qua nhiều lớp nâng cao nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án lớn trong và ngoài Tỉnh.

Bảng 3. 1 Tổng hợp trình độ chuyên môn của Ban QLDA

TT	Trình độ, chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Thạc sỹ	02	4
2	Kiến trúc sư	02	4
3	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	26	52
4	Kỹ sư giao thông - cầu đường	03	6
5	Kỹ sư cấp thoát nước, Kỹ sư điện	02	4
6	Cử nhân kinh tế xây dựng	02	4
7	Cử nhân kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh	10	20
8	Cao đẳng, trung cấp, công nhân	03	6
	Tổng cộng	50	100

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)

Hiện nay cơ sở vật chất của Ban QLDA gồm văn phòng làm việc, trang thiết bị văn phòng và phương tiện đi lại cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

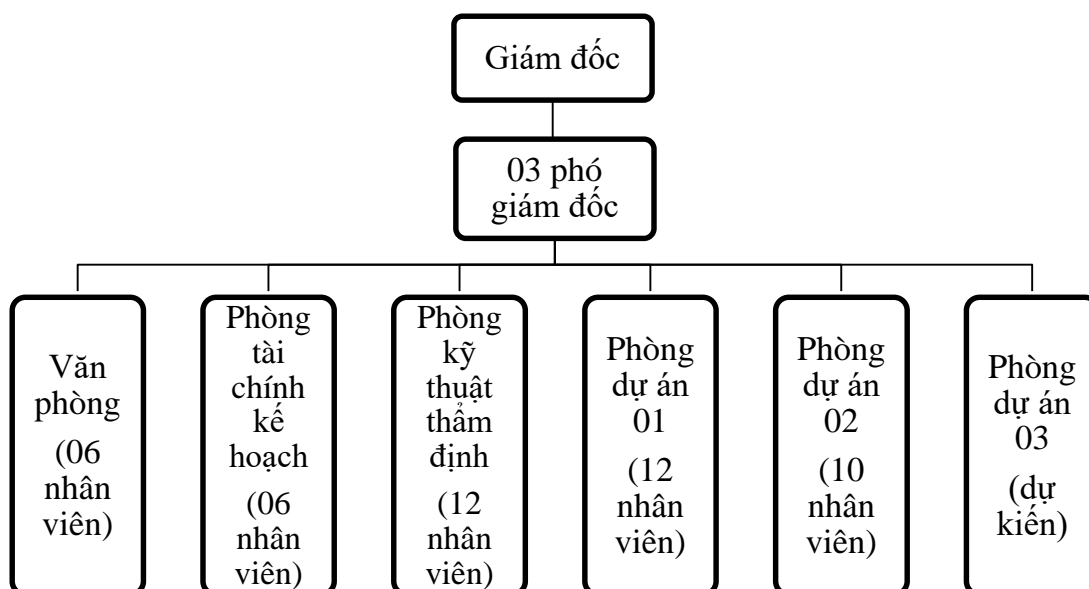
Bảng 3. 2 Tổng hợp thiết bị của Ban QLDA

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống máy tính	Bộ	45
2	Máy in A0, A3, A4	Bộ	08
3	Máy photô copy khổ A0, A3, A4	Bộ	01
4	Máy chiếu, Công nối mạng INTERNET	Bộ	02
5	Máy đo đặc điện tử, máy kinh vĩ, máy phát điện	Bộ	03
6	Dụng cụ, thiết bị phục vụ kiểm tra nghiệm thu	Bộ	02
7	Phần mềm kế toán, tính kết cấu, tính dự toán	Bộ	16
8	Ô tô 7 chỗ	Xe	01

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)

3.1.2.4 Cơ cấu tổ chức của ban quản lý dự án

Mô hình tổ chức của Ban QLDA hiện nay



Hình 3. 1 Cơ cấu tổ chức của Ban QLDA (nguồn Ban QLDA)

Lãnh đạo Ban gồm: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc, giám đốc là người đứng đầu Ban QLDA, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật; Phó Giám đốc Ban QLDA là người giúp Giám đốc phụ trách, chỉ đạo một số công tác của các phòng trực thuộc.

- Văn phòng

Tham mưu về công tác tuyển dụng lao động, tổ chức bộ máy của Ban QLDA, xây dựng định biên lao động và đơn giá tiền lương, bảo vệ nội bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, công tác thi đua khen thưởng, thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu toàn bộ hoạt động tài chính kế toán; tổ chức quản lý, thu hồi công nợ; chịu trách nhiệm theo dõi, tạm ứng, thanh toán các hợp đồng tư vấn, lập thủ tục đề nghị thanh toán với các chủ đầu tư; xây dựng đơn giá tiền lương của cơ quan. Theo dõi, thanh quyết toán lương cho các phòng và toàn đơn vị; thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Ban QLDA phân công.

- Phòng Kỹ thuật - Thẩm định

Tổ chức thẩm tra thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình xây dựng; tổ chức giám sát xây dựng công trình, tổ chức đấu thầu..

- Phòng dự án 01 và dự án 02

Trực tiếp điều hành quản lý dự án ĐTXD; thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Ban QLDA phân công.

- Phòng dự án 03 (dự kiến trong tương lai)

3.2 Phân tích thực trạng công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận

3.2.1 Quản lý tổng mức ĐTXD

Các dự án của Việt Nam nói chung, tỉnh Bình Thuận nói riêng và nhất là các dự án của Ban QLDA thì việc quản lý chi phí không tốt dẫn tới chi phí vượt tổng mức đầu tư hoặc công tác kiểm soát chưa tốt dẫn đến lãng phí vốn đầu tư của nhà nước, làm tiến độ của dự án chậm lại.

Ví dụ: Một dự án Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Thuận do Ban QLDA thực hiện



Hình 3. 2 Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Thuận (nguồn Ban QLDA)

Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 02/10/2007 thời gian thực hiện dự án từ năm 2007 đến 2011 và qua hai lần điều chỉnh dự án theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 và Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 thời gian thực hiện dự án gia hạn đến 2018.

Bảng 3. 3 Kết quả sau các lần điều chỉnh dự án được thể hiện

TT	Hạng mục chi phí	Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 02/10/2007 của UBND tỉnh (Đồng)	Điều chỉnh lần 1: Quyết định số 88/QĐ-UBND Ngày 07/01/2013. (Đồng)	Điều chỉnh lần 2: Quyết định số 165/QĐ-UBND Ngày 15/01/2015 (Đồng)
1	Chi phí xây dựng	32.091.000.000	48.818.000.000	71.031.000.000
2	Chi phí thiết bị	2.160.000.000	1.303.000.000	8.832.000.000
3	Chi phí QLDA	556.730.000	1.102.000.000	1.703.000.000
4	Chi phí tư vấn	1.026.635.182	3.740.000.000	4.572.000.000
5	Chi phí khác	931.634.818	562.000.000	819.000.000
6	Chi phí dự phòng	1.838.000.000	11.943.000.000	17.906.000.000
7	Tổng cộng	38.604.000.000	67.468.000.000	104.863.000.000

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)

- Quá trình triển khai dự án:

Dự án được phê duyệt ngày 02/10/2007 nhưng đến ngày 13/7/2009 mới tiến hành phê duyệt thiết kế BVTC - dự toán và triển khai thi công gói thầu đầu tiên; Đến ngày 27/12/2014 tiến hành phê duyệt BVTC - dự toán hạng mục Khối hội trường biểu diễn gói thầu xây lắp cuối cùng; các gói thầu thiết bị đến năm 2017 mới lựa chọn nhà thầu.

Các chế độ chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng được điều chỉnh, thay đổi như:

- Tại thời điểm năm 2007 khi lập dự án căn cứ các quy định sau:

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội khoá XI.

Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 quy chế quản lý ĐTXD công trình.

Thông tư 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 v/v lập và quản lý chi phí xây dựng công trình; Thông tư số 06/2005/TT-BXD ngày 15/4/2005 hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công.

Định mức XDCB số 24/2005/QĐ-BXD ngày 29/7/2005 và số 33/2005/QĐ-XD ngày 04/10/2005 của Bộ Xây dựng; Đơn giá XDCB tỉnh Bình Thuận số 48/2006 QĐ/CT-UBBT ngày 13/6/2006.

Quyết định số 10/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 và Quyết định số 11/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 29/2006/QĐ-UBND ngày 14/4/2006 của UBND tỉnh Bình Thuận về quy định cước vận chuyển.

- Tại thời điểm năm 2013 khi điều chỉnh lần 1 căn cứ các văn bản mới là:

Luật Sửa đổi, bổ sung số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội.

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 Quản lý chi phí ĐTXD công trình.

Thông tư 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 về lập, thẩm định, phê duyệt dự án; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí ĐTXD công trình.

Định mức XDCB số 1776/BXD-VP, số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007; số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011; số 1172/QĐ-BXD và số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012.

Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây Dựng V/v Công bố Định mức chi phí quản lý và tư vấn ĐTXD công trình.

Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v ban hành biểu giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Tại thời điểm năm 2015, khi điều chỉnh lần 2 căn cứ các văn bản mới là:

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí ĐTXD công trình.

Thông tư 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng V/v hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí ĐTXD.

Định mức XDCB số 1776/BXD-VP và số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007; số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011; số 1172/QĐ-BXD và số 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2012; số 587/QĐ-BXD và số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

Đơn giá XDCB Bình Thuận theo Quyết định số 2740/QĐ/CT-UBBT ngày 20/8/2014.

Quyết định số 69/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bình Thuận V/v ban hành biểu giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Công văn số 2943/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2013 của UBND tỉnh Bình Thuận v/v Thực hiện hệ số điều chỉnh chi phí, máy thi công đối với các công trình xây.

- Lý do điều chỉnh dự án:

Về nguồn vốn bố trí để thực hiện dự án không kịp thời dẫn đến dự án kéo dài.

Dự án đã được lập từ năm 2007 nên đến nay phải điều chỉnh và thay đổi chế độ chính sách, giá vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu dẫn tới phát sinh kinh phí như: từ khi mức lương

tối thiểu là 450.000 đồng/tháng, đến năm 2015 mức lương tối thiểu đã tăng lên 2.150.000 đồng/tháng ; điều chỉnh cách xác định dự toán theo Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng, nên dẫn đến phát sinh kinh phí.

Hệ thống điều hòa không khí trung tâm của khối hội trường biểu diễn nằm trong chi phí xây dựng của khối hội trường biểu diễn, nhưng để thuận lợi trong quá trình lựa chọn nhà thầu và phù hợp với tính chất của gói thầu nên cần thiết phải tách ra và đưa vào chi phí thiết bị; thay đổi hệ thống âm thanh, ánh sáng của khối hội trường biểu diễn, do dự án đã lập từ năm 2007 nên đến năm 2017 các loại thiết bị này không còn phù hợp; bổ sung đóng trần thạch cao cho các khối để bao che hệ thống kỹ thuật đường dây điện, hệ thống PCCC và để xử lý âm thanh, đồng thời bổ sung thêm hạng mục mới để đáp ứng công năng sử dụng của dự án.

Ngoài ra Ban QLDA còn thực hiện chức năng thẩm tra TKCS và TMDT của một số các dự án trong các năm từ 2016 đến 2017 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 4 Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư

Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư năm 2016					
TT	Tên dự án	Giá trị TMDT do tư vấn lập	Giá trị TMDT qua thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	Thoát nước đường ĐT 706B- 2&3	42.843.760.214	39.306.202.032	-3.537.558.183	
2	Nghĩa trang Hàm Tiến TP. Phan Thiết	15.150.403.359	13.407.436.601	-1.742.966.758	
	Tổng cộng	57.994.163.573	52.713.638.633	-5.280.524.941	-9,11%
Kết quả thẩm định tổng mức đầu tư năm 2017					
TT	Tên dự án	Giá trị TMDT do tư vấn lập	Giá trị TMDT qua thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú
1	Đài PTTT Bình Thuận	77.089.250.000	71.050.000.000	-6.039.250.000	
2	Nâng cao năng lực Trung tâm Thông tin	32.020.520.000	29.512.000.000	-2.508.520.000	
3	Khu dân cư A&E, phường Thanh Hải	9.910.296.489	9.176.200.453	-734.096.036	
4	Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân	24.265.913.712	22.572.942.988	-1.692.970.724	
	Tổng cộng	143.285.980.201	132.311.143.441	-10.974.836.760	-7,66%

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)



Hình 3. 3 Đài phát thanh truyền hình Bình Thuận (nguồn Báo Bình Thuận)

Qua việc phân tích thực tế nêu trên nhận thấy việc làm cho dự án nhiều lần điều chỉnh và tăng tổng mức đầu tư với những nguyên nhân sau:

Nguyên nhân khách quan: Do nguồn vốn đầu tư hạn hẹp bố trí không kịp thời; cơ chế chính sách liên tục thay đổi dẫn đến việc phải thay đổi tổng mức đầu tư nhiều lần; do quan niệm đây chỉ là khâu thủ tục cùng với sự nóng vội mong muốn sớm triển khai dự án mà hầu hết các công việc ở bước chuẩn bị đầu tư được chuẩn bị sơ sài, chưa đánh giá và xem xét thấu đáo (*dự án Nhà thiếu nhi Bình Thuận*).

Nguyên nhân chủ quan: Các cá nhân tham gia quản lý trực tiếp không kiểm soát tốt chi phí dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế, tính thiếu, tính thừa khối lượng, tính sai các chi phí của dự án; giải pháp công trình được lập không phù hợp với thực tế, chất lượng phê duyệt thiếu chính xác; các phương án thiết kế chưa xem xét toàn diện các mặt giải pháp kỹ thuật, thẩm mỹ, bảo vệ môi trường, an ninh; lựa chọn giải pháp, công năng sử dụng, phương án thiết kế dây chuyền công nghệ thiết bị chưa phù hợp với thực tế; năng lực của các nhà tư vấn còn chưa có nhiều kinh nghiệm và yếu kém (*dự án Nhà thiếu nhi Bình Thuận và Đài phát thanh truyền hình Bình Thuận*).

3.2.2 Quản lý dự toán, định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng

3.2.2.1 Quản lý chi phí công tác tư vấn khảo sát, thiết kế

Một số dự án đơn vị khảo sát còn sơ sài, chưa theo quy định, chưa đủ mẫu, chưa khảo sát hết hiện trạng và sát với thực tế, dẫn đến thiết kế không đảm bảo chất lượng, không đúng với những tiêu chuẩn, quy chuẩn dẫn đến việc phải khảo sát lại hoặc phải thay đổi, bổ sung, điều chỉnh thiết kế, phương án thi công nhiều lần, kéo theo là làm thay đổi dự toán, làm chậm tiến độ thi công, ... gây lãng phí thời gian, tiền của của dự án.

Có đơn vị tận dụng báo cáo khảo sát của bước lập dự án mà ít khảo sát lại, quá trình khảo sát không nghiệm thu tại hiện trường, chỉ khảo sát một vài vị trí sau đó nội suy. Trong công tác khảo sát phục vụ thiết kế kỹ thuật có sai khác nhiều so với thực tế về địa chất, địa hình dẫn đến phát sinh khối lượng trong quá trình thi công khá lớn.

Các đơn vị thiết kế quy mô công trình không phù hợp với yêu cầu sử dụng; thiết kế không đảm bảo chất lượng, không đồng bộ gây lún, nứt phải phá đi làm lại; phương án thiết kế không hợp lý, sử dụng vật tư không phù hợp với loại và vị trí đặt công trình làm giá thành đội lên cao do phải điều chỉnh, bổ sung, gây lãng phí...; Chưa tính toán, lựa chọn phương án tối ưu việc kết hợp giữa kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật và thiết bị nên dẫn đến khi phải thay đổi, điều chỉnh nhiều lần.

Thiết kế lựa chọn hệ số an toàn quá cao, tính toán không chặt chẽ công trình thường vượt quá yêu cầu của dự toán đầu tư để thiên về an toàn quá mức, sử dụng các loại vật liệu đắt tiền để có TMDT cao từ đó dẫn đến các chi phí tư vấn, chi phí khác tăng theo.

Thiết kế không đúng quy chuẩn tiêu chuẩn hoặc áp dụng các tiêu chuẩn đã hết hiệu lực, đặc biệt là trong những năm 2012 đến năm 2017 một số các tiêu chuẩn mới ra đời đã thay thế đã tiêu chuẩn cũ mà các đơn vị tư vấn không cập nhật kịp thời.

Mặt khác năng lực của một số đơn vị tư vấn thiết kế còn yếu kém, nhiều cán bộ làm công tác khảo sát, thiết kế và kiểm tra, kiểm soát chưa có nhiều kinh nghiệm thi công dẫn tới thiết kế không phù hợp với tình hình thực tế, biện pháp thi công, không được thường xuyên tập huấn nâng cao trình độ, một số cán bộ làm thiết kế nhưng chưa có chứng chỉ hành nghề.

- Ví dụ công trình kênh chính Tây hồ Sông Dinh 3 bị sụp lún



Hình 3. 4 Mố trụ công trình kênh chính Tây hồ Sông Dinh 3 (*Báo Bình Thuận*)

Cầu máng số 3 có chiều dài 320m, có vốn xây dựng 5,2 tỷ đồng đã bị sập gãy một đoạn dài 120m vào tháng 6/2016 theo kết luận của Sở Xây dựng Bình Thuận có hai nguyên nhân gây sập cầu máng:

Nguyên nhân thứ nhất là do lỗi chủ quan từ đơn vị tư vấn thiết kế. Cụ thể, đơn vị này đã tính sai số học 50% giá trị lực thẳng đứng tác dụng vào trụ, bỏ qua một số tải trọng gây ra do dòng chảy mưa lũ cuốn theo bùn cát đổ vào kênh và cầu máng, áp lực thủy động, lớp nước mưa trên mặt cầu máng, lực ma sát gối đỡ do dẫn nở và co ngót nhiệt độ thân máng. Đơn vị này đã đơn giản hóa về trường hợp tính toán, sơ đồ tính toán, điểm đặt lực bị lệch tâm gây bất lợi... Nên dẫn đến việc lựa chọn kích thước và kết cấu mặt cắt ngang cột trụ cầu máng không đảm bảo an toàn chịu lực.

Nguyên nhân thứ hai là do chất lượng bê tông không đồng đều, có nơi, có kết cấu, chất lượng bê tông không đảm bảo thiết kế, nhiều trụ đỡ cầu máng đã có dấu hiệu xuống cấp như nứt, bong tróc, trám trét trước đó. Biện pháp thi công không phù hợp, thời gian gián đoạn giữa các đợt đổ bê tông đối với kết cấu trụ cầu máng không phù hợp, gây nguy hiểm cho kết cấu.

3.2.2.2 Quản lý chi phí công tác thẩm tra, thẩm định

Hiện nay rất nhiều đơn vị có chức năng thẩm tra trong khi đó đội ngũ cán bộ thẩm tra năng lực yếu, chưa có thực tế và kinh nghiệm, không ít trường hợp thẩm tra sai, không đúng tiêu chuẩn, sau khi hồ sơ thiết kế được thẩm tra, thi công vẫn phải bổ sung điều chỉnh đã làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư của dự án.

Nội dung chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo sự tối ưu của phương án thiết kế về kinh tế - kỹ thuật. Một số đơn vị thẩm tra không xem xét kỹ giải pháp kỹ thuật và cách bóc tách khối lượng mà lại liên hệ với tư vấn thiết kế, sử dụng các tài liệu tính toán kết cấu và kết quả dự toán để chỉnh sửa. Công tác thẩm tra hồ sơ chưa khoa học, nhiều đơn vị chưa đưa ra được quy trình cụ thể của các nội dung cần phải thẩm tra, dẫn tới nhiều nội dung sai sót vẫn không phát hiện ra.

Cán bộ phụ trách quản lý chi phí tại Ban QLDA tin tưởng vào kết quả thẩm tra mà không kiểm tra, rà soát lại hồ sơ dẫn đến nhiều kết quả không chính xác vì các đơn vị tư vấn thẩm tra cũng thiếu kinh nghiệm và đôi khi chỉ thẩm tra trên hình thức khối lượng thiết kế mà không tính toán lại khối lượng với bản vẽ thiết kế, áp định mức, đơn giá các chế độ chính sách không phù hợp dẫn đến làm tăng, giảm chi phí trong quá trình thực hiện triển khai dự án.

Cán bộ thực hiện công tác thẩm định còn yếu, chưa am hiểu thực tế nên thực hiện chưa tốt, chưa đưa ra nhiều ý kiến phản biện khi thẩm định hồ sơ thiết kế.

Hiện nay tại các Sở chuyên ngành thực hiện công tác thẩm định luôn quá tải dẫn đến tiến độ thực hiện dự án chậm.

Ban QLDA thực hiện chức năng thẩm tra thiết kế BVTC- dự toán đã yêu cầu thiết kế điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ qua đó đã cắt giảm chi phí được thể như sau:



Hình 3. 5 Trường cao đẳng nghề Bình Thuận (nguồn Báo Bình Thuận)

Bảng 3. 5 Kết quả thẩm tra dự toán dự án Trường cao đẳng nghề Bình Thuận

Hạng mục: khối ký túc xá					
TT	Tên chi phí	Giá trị do tư vấn lập	Giá trị sau thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú (%)
1	Chi phí xây dựng	25.584.485.609	24.221.861.083	-1.362.624.526	
2	Chi phí thiết bị	0	1.165.450.000	1.165.450.000	
3	Chi phí quản lý dự án	581.535.358	442.085.403	-139.449.955	
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	1.585.516.003	1.661.664.380	76.148.377	
5	Chi phí khác	1.230.198.540	1.182.564.543	-47.633.997	
6	Chi phí dự phòng	4.721.124.715	2.834.397.860	-1.886.726.855	
	Tổng cộng	33.702.860.225	31.508.023.269	-2.194.836.956	-6,51
Hạng mục: Khối hội trường và giảng đường					
TT	Tên chi phí	Giá trị do tư vấn lập	Giá trị sau thẩm tra	Chênh lệch	Ghi chú (%)
1	Chi phí xây dựng	36.875.034.810	36.424.686.278	-450.348.532	
2	Chi phí thiết bị	0	821.700.000	821.700.000	
3	Chi phí quản lý dự án	838.169.541	648.595.027	-189.574.514	
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	2.281.239.645	2.283.460.000	2.220.355	
5	Chi phí khác	1.775.555.433	1.691.370.239	-84.185.194	
6	Chi phí dự phòng	7.639.732.896	3.615.265.034	-4.024.467.862	
	Tổng cộng	49.409.732.325	45.485.076.578	-3.924.655.747	-7,94

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)

- Nhận xét chung

Việc cắt giảm chi phí qua quá trình thẩm tra tại Ban QLDA nhận thấy các nguyên nhân chính sau: Đơn vị tư vấn thiết kế tính toán khối lượng chưa khớp với bản vẽ, tính sai khối lượng; áp dụng định mức, đơn giá chưa xác với công việc thi công; áp dụng giá vật tư quá cao so với giá thị trường và không khảo sát nhiều loại giá để so sánh, ...

3.2.2.3 Quản lý chi phí công tác giám sát thi công công trình xây dựng

Lực lượng TVGS tuy đông về số lượng nhưng còn thiếu nhiều chuyên gia giỏi; năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của đội ngũ TVGS chưa đồng đều, nhất là kiến thức chuyên môn đối với các công việc có tính chất kỹ thuật phức tạp.

Các đơn vị TVGS vẫn chưa thực hiện một cách nghiêm túc nhiệm vụ, nghĩa vụ, quyền hạn của mình, có đơn vị tư vấn lực lượng nhân viên giám sát ít nhưng lại ký hợp đồng giám sát nhiều công trình nên không giám sát được thường xuyên trong quá trình thi công. Có trường hợp nhân viên giám sát chỉ có mặt cùng CĐT tại các cuộc nghiệm thu, nên chưa làm hết chức năng là tư vấn giám sát; một số tổ chức, cá nhân TVGS còn phụ thuộc vào CĐT và nhà thầu dẫn đến không thể nâng cao vai trò trách nhiệm trong công việc, có những việc làm sai trái như: nghiệm thu không đúng với thiết kế được duyệt, ký Nhật ký công trình và hồ sơ hoàn công không đúng thực tế thi công.

Nhiều phát sinh trong quá trình thi công, TVGS không báo cáo kịp thời với CĐT, tự ý cho thi công dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng thi công và các thủ tục thanh quyết toán.

Khi xác nhận khối lượng thanh toán, quyết toán không khớp với bản vẽ thiết kế và bản vẽ hoàn công dẫn đến cắt giảm thông qua kiểm toán, quyết toán.

Ví dụ: Công trình trụ sở trồng cây Thanh Long do Ban QLDA làm điều hành dự án và CĐT thuê đơn vị TVGS đã không kiểm tra về đo đạc và định vị nên đã để nhà thầu thi công sai thiết kế cụ thể: tim cột sai lệch so với thiết kế từ 10cm đến 20cm, hệ thống đà kiềng thi công không đúng kích thước (200x400)mm nhưng thi công (150x400)mm đã bị Ban QLDA kiểm tra và yêu cầu đơn vị thi công tháo dỡ, thi công lại làm tổn thất cho nhà thầu ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của công trình.

3.2.2.4 Về quản lý định mức, giá xây dựng và chỉ số giá xây dựng

Tại Ban QLDA việc áp dụng định mức xây dựng, đơn giá xây dựng vẫn tuân theo định mức xây dựng do Bộ Xây dựng và đơn giá do UBND tỉnh Bình Thuận ban hành; tuy nhiên, trong quá trình áp dụng có nhiều công tác trong định mức, đơn giá ban hành vẫn chưa được xây dựng đầy đủ, đặc biệt là các định mức, đơn giá cho các công tác điện nước, vật liệu mới, vì vậy nhiều công việc vẫn chỉ mang tính chất vận dụng các định mức, đơn giá cho công tác tương tự, dẫn đến nhiều chi phí chỉ được tạm tính chứ chưa được xác định một cách chính xác, ảnh hưởng đến việc xác định chi phí dự án.

Trong quá trình thực hiện công tác thẩm tra thiết kế - dự toán Ban QLDA nhận thấy một số các bất cập trong việc áp dụng định mức đơn giá ví dụ như:

Công tác bê tông đà kiềng (nằm trong mặt đất tại cốt 0.00) trong khi định mức phân tích ca máy có máy vận thăng sức nâng 0,8T, H=80m khi thẩm tra đơn vị bỏ thiết bị ca máy này vì thấy không phù hợp với thực tế.

Công tác AK.66110 đóng trần Thạch Cao chi phí nhân công là $89.721 * 5,394 = 483.955đ/m^2$ (với mức lương tối thiểu 1.880.000 đồng/ tháng) chưa kể giá vật liệu nhưng thực tế thi công cả vật liệu và nhân công cho công tác này chỉ $170.000đ/m^2$ vậy áp dụng theo định mức là chưa phù hợp.

Theo định mức AK.82110 công tác bả matít vào tường thì khối lượng matít là $0,4kg/m^2$ nhưng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất đưa ra là $1,2kg/m^2$.

Trong định mức công tác xây tường gạch thẻ $4x8x19$, gạch ống $8x8x19$ nhưng theo báo giá và kích thước thực tế phổ biến trên thị trường là gạch thẻ $4,5x8x18$, gạch ống $8x8x18$ vậy trong quá trình áp dụng vận dụng định mức rất khó khăn.

Trong khi lập dự toán công trình nhiều đơn vị tư vấn chưa cập nhật công bố giá vật liệu kịp thời, thêm vào đó là các dự án thường được triển khai thi công ngoài thực địa sau khi có quyết định phê duyệt khoảng 2 đến 3 tháng. Việc này ảnh hưởng rất lớn đến chi phí xây dựng của dự án và thời gian tiến độ cũng như chất lượng công trình.

Các báo giá của các cơ quan chức năng còn hạn chế chưa đầy đủ chuẩn loại vật tư và phong phú về số lượng; công tác quản lý giá chưa chặt chẽ cùng một loại vật tư nhưng có nhiều mức giá và chênh lệch nhau khá lớn làm ảnh hưởng đến giá trị công trình.

Xác định thiết bị xây lắp và thiết bị công nghệ lắp đặt vào công trình không đúng làm dẫn tới tăng các chi phí đi kèm như chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước

Trong những năm gần đây, việc áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới, máy móc thiết bị mới trong xây dựng. Tuy nhiên khi áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới, máy móc hiện đại mới sẽ gặp không ít khó khăn trong quản lý do các công trình xây dựng hiện nay đang áp dụng định mức cũ trên cơ sở vẫn áp dụng công nghệ, máy móc thi công lạc hậu dẫn đến năng suất lao động thấp, đẩy giá trị công trình lên cao; trong khi những công nghệ, máy móc hiện đại trong thi công lại chưa có trong định mức và đơn giá dự toán xây dựng công trình.

3.2.2.5 Quản lý chi phí trong công tác lựa chọn nhà thầu

Năng lực của các nhân viên Ban QLDA trong công tác lựa chọn nhà thầu vẫn còn nhiều hạn chế: đánh giá chưa đúng năng lực của các nhà thầu; chưa kiểm soát hết những sai số về giá dự thầu, đơn giá, khối lượng trong giá dự thầu; lựa chọn những nhà thầu năng lực kém để thi công xây dựng công trình dẫn đến chất lượng công trình không đạt yêu cầu, tiến độ thi công bị kéo dài, làm tăng vốn đầu tư dự án.

Hiện nay các nhà thầu được lựa chọn thông qua đấu thầu hoặc chỉ định thầu, tuy nhiên một số dự án còn mang tính hình thức, một số nhà thầu không đủ năng lực nhưng do mối quan hệ nào đó hoặc hồ sơ dự thầu không trung thực, nhân viên thẩm định hồ sơ không kiểm tra phát hiện kịp thời nên những nhà thầu đó đã được tuyển chọn để thực hiện dự án, dẫn đến dự án thực hiện không đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra, quá trình thi công phải thay đổi thiết kế, kéo dài thời gian thi công làm tăng chi phí.

Khi đấu thầu nhiều đơn vị thường bỏ giá thấp nhưng biện pháp thực hiện lại không bảo đảm, chỉ cốt sao được trúng thầu, khi thi công lại tìm cách thuyết minh, chống chế, xin phát sinh để bổ sung phần thiếu hụt như thiết kế thiếu, thay đổi chủng loại vật tư, điều chỉnh giá máy, nhân công, vật liệu,...

Trình độ nhân viên các phòng ban thực hiện công tác đấu thầu còn hạn chế không nắm rõ, chi tiết cách thức lập lên dự toán và kiểm soát các yếu tố đầu vào của dự toán như khối lượng hạng mục thiết kế, định mức, đơn giá vật liệu, tỉ lệ phần trăm giữa máy và thủ công,... dẫn đến việc quản lý giá gói thầu sẽ không được quản lý tốt.

Bảng 3. 6 Kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư

Kết quả lựa chọn nhà thầu					
TT	Tên dự án	Giá trị gói thầu phê duyệt	Giá trúng thầu	Chênh lệch	Ghi chú
1	Phòng khám đa khoa khu vực Trà Tân, huyện Đức Linh	12.120.200.299	10.998.200.299	-1.122.000.000	
2	Trụ sở Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Bình Thuận	94.103.310.663	88.575.310.663	-5.528.000.000	

(Nguồn số liệu Ban QLDA cung cấp)

3.2.2.6 Quản lý chi phí trong công tác thi công

Tuy thời gian qua có nhiều đơn vị có năng lực thi công, trang thiết bị hiện đại, thi công những công trình lớn đạt chất lượng thì còn không ít đơn vị năng lực yếu, trang thiết bị phục vụ cho thi công chưa đáp ứng yêu cầu, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao quá ít, nên khi thi công không bảo đảm kỹ thuật, an toàn, chất lượng thấp làm chậm tiến độ.

Quá trình quản lý thi công là quá trình rất quan trọng trong công tác quản lý chi phí, giai đoạn này chiếm tỷ trọng lớn về vốn và thời gian; từ khối lượng, tiến độ hay chất lượng thi công đều ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí thực hiện dự án. Do đó, ban QLDA chú trọng vào công tác quản lý chi phí giai đoạn này bao gồm: quản lý khối lượng thi công, quản lý tiến độ thi công, quản lý chất lượng công trình. Tuy nhiên, công tác quản lý thi công tại ban QLDA chưa thực sự hiệu quả, mà nguyên nhân chủ yếu là do năng lực của nhiều nhân viên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc dẫn đến kéo dài tiến độ cũng như không sát sao trong quá trình giám sát về khối lượng và chất lượng công việc, làm tăng chi phí trong quá trình thực hiện dự án.

Một số nhà thầu chưa quan tâm đúng mức đến công tác tổ chức công trường, biện pháp thi công, hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, không bố trí đủ nhân viên giám sát nội bộ, thậm chí khoán trắng cho các đội thi công; chất lượng nhân lực của nhà thầu chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu nhân viên có kinh nghiệm quản lý, đặc biệt thiếu thợ tay nghề giỏi; nhiều đơn vị sử dụng lao động thời vụ không qua đào tạo để giảm chi phí, việc huấn luyện tại chỗ rất sơ sài.

Không thực hiện tốt công tác mua bảo hiểm nhân công, thiết bị trên công trình; chưa thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ nên thực tế việc các công trình gặp sự cố về an toàn lao động rất phổ biến nhất là các công trình nhà cao tầng.

3.2.2.7 Quản lý chi phí công tác quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng

Các chi phí tư vấn như chi phí thiết kế, giám sát, chi phí QLDA, chi phí lựa chọn nhà thầu... áp dụng theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng.

Việc xác định khối lượng và lập tổng dự toán sai, không phù hợp ở các giai đoạn thiết kế, thẩm tra sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến các chi phí về tư vấn xây dựng, quản lý dự án, chi phí khác vì các chi phí này được xác định trên tỷ lệ phần trăm của chi phí xây lắp.

Theo quy định chi phí quản lý dự án trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (cùng định mức tỷ lệ % sử dụng để tính chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư được duyệt) nhân với chi phí xây dựng và thiết bị của dự toán công trình hoặc của dự toán gói thầu, tuy nhiên các đơn vị tư vấn vẫn nội suy theo giá trị của từng gói thầu riêng dẫn đến hệ số tỷ lệ tăng hơn so với hệ số tổng mức đầu tư được duyệt.

Các đơn vị tư vấn khi lập dự toán không nghiên cứu kỹ các quy định về hệ số điều chỉnh như dự án ĐTXD trên biển; trên đảo; dự án trải dài dọc theo tuyến biên giới trên đất liền, dự án tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn điều chỉnh với hệ số $k = 1,35$. Chi phí quản lý dự án của các dự án trải dài theo tuyến trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên điều chỉnh với hệ số $k = 1,1$.

Định mức chi phí tư vấn được xác định theo loại và cấp công trình quy định và hướng dẫn áp dụng trong hoạt động ĐTXD và các hệ số tỷ lệ áp dụng theo Quyết định số 79/QĐ-BXD để nội suy nhưng nhiều khi đơn vị tư vấn cố tình không tính toán theo hạng mục công trình thuộc loại nào mà áp dụng luôn công trình có giá trị quy mô lớn đến khi quyết toán gặp phải khó khăn.

Ví dụ: tỷ lệ % đối với định mức chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật với chi phí xây dựng và thiết bị < 15,0 tỷ đồng thì định mức chi phí cho công trình dân dụng là 3,60% trong khi đó cho công trình công nghiệp là 3,80% và công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ là 3,00%. Điều này có thể làm tăng hoặc giảm chi phí của dự án nhưng làm ảnh hưởng đến quá trình thanh kiểm tra và thanh quyết toán sau này.

Các đơn vị tư vấn áp dụng các hệ số điều chỉnh tăng, giảm cho các trường hợp đặc biệt khi xác định tỷ lệ % chi phí tư vấn không phù hợp dẫn đến làm tăng, giảm chi phí của dự án đồng thời làm ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án.

3.2.2.8 Quản lý chi phí công tác thanh toán, quyết toán, hợp đồng

Công tác thanh toán khối lượng hoàn thành được thực hiện trên cơ sở biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành kèm theo đầy đủ các hồ sơ thủ tục đi cùng như: các biên bản nghiệm thu giai đoạn, các biên bản lấy mẫu thí nghiệm, kết quả thí nghiệm và kết quả kiểm định chất lượng xây dựng, biểu tính giá trị khối lượng hoàn thành.

Khối lượng nghiệm thu thanh toán do đơn vị tư vấn giám sát xác nhận không đúng với bản vẽ hoàn công có trường hợp lấy theo khối lượng của đơn vị thẩm tra tính toán nên dẫn đến sai khối lượng dây chuyền.

Công tác thanh quyết toán và ứng vốn của nhà thầu còn yếu kém và thiếu chuyên nghiệp, dẫn đến công trình đã thi công xong nhưng việc giải quyết thủ tục thanh quyết toán vẫn chưa xong dẫn đến làm ảnh hưởng đến chi phí và thời gian của dự án.

Mặt khác do trong quá trình thi công, Ban QLDA không kiểm tra hồ sơ nghiệm thu thanh toán đến khi công trình xong mới kiểm tra thì thiếu các thủ tục pháp lý và hồ sơ hoàn công chưa đảm bảo dẫn đến hồ sơ thanh quyết toán gửi đi quyết toán ở Sở Tài chính, Kho bạc bị trả lại do nhiều thiếu sót trong hồ sơ chất lượng và hồ sơ pháp lý.

Công tác quản lý việc thực hiện hợp đồng xây dựng sau đấu thầu của các dự án hiện vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu chuyên nghiệp; hợp đồng với nhà thầu xây dựng không đầy đủ, còn sơ sài, cơ chế thưởng phạt không rõ ràng, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng, chất lượng công trình không đảm bảo.

3.3 Những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân về công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án

3.3.1 Những kết quả đạt được

Trong những năm qua công tác quản lý chi phí của Ban QLDA tương đối tốt, hầu hết các dự án được thực hiện theo quy trình đã ban hành, các đợt thanh toán và quyết toán thường diễn ra nhanh chóng, kịp thời và ít sai sót.

Đã bám sát các văn bản liên quan đến công tác quản lý ĐTXD khi có đổi mới để thực hiện một cách linh hoạt và có hiệu quả hơn trong công việc.

Với mỗi dự án được phân công quản lý thì nhân viên theo dõi trực tiếp dự án được phân công theo dõi các giai đoạn của quá trình đầu tư, trong mỗi giai đoạn quản lý chi phí cần phải tính đúng, tính đủ đảm bảo mục tiêu hiệu quả.

Căn cứ các văn bản đã được tiếp cận, kết hợp với các đơn vị nhà thầu trong từng khâu công việc, chủ động nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, thực hiện tốt công tác quản lý chi phí ĐTXD và góp phần nâng cao hiệu quả của các dự án.

Toàn bộ viên chức của Ban QLDA đều là những người ham học hỏi, luôn có tinh thần tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình ngoài ra tinh thần đoàn kết trong nội bộ cơ quan cũng đã tạo đà phát triển bền vững, cùng nhau phối hợp, góp ý tạo điều kiện giúp đỡ lẫn nhau cùng hoàn thành công việc chung của cơ quan.

Cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng kịp thời trong từng công việc cụ thể.

3.3.2 Những hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1 Về cơ cấu tổ chức quản lý, nguồn lực và cơ sở vật chất

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên thì mô hình tổ chức quản lý của Ban QLDA hiện nay còn chưa thật sự hiệu quả và chưa thúc đẩy hết tinh thần trách nhiệm cũng như khả năng làm việc của các nhân viên trong đơn vị.

Sự phân công công việc cho các nhân viên mặc dù rất rõ ràng nhưng khối lượng công việc của từng nhân viên tương đối nặng, một nhân viên phải theo dõi dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, đây là một quá trình dài và có rất nhiều phát sinh về hồ sơ, khối lượng trong quá trình triển khai dự án. Mặc dù sự phân công công việc như vậy có thể giúp nhân viên theo dõi trực tiếp dự án nắm rõ về dự án được giao quản lý tuy nhiên có thể dẫn đến sự quá tải trong công việc vì một nhân viên đôi lúc phải thực hiện nhiều dự án, gây ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tiến độ và hiệu quả của công việc.

Nhiều nhân viên phải thực hiện nhiều nhiệm vụ và công việc khác nhau dẫn đến làm chi phối về chất lượng thực hiện công việc; quy trình quản lý vẫn chưa chuyên nghiệp, vẫn còn hiện tượng chồng chéo trong sự quản lý, ra quyết định lẫn việc phân công công việc giữa các phòng ban, dẫn đến hiệu quả làm việc thấp.

Cơ cấu nhân sự của đơn vị vẫn còn chưa hợp lý, vẫn còn hiện tượng người cần thì vẫn thiếu và người không cần thì vẫn thừa như: số nhân viên kỹ sư chuyên ngành điện, nước vẫn còn thiếu, thực tế số lượng nhân viên kỹ sư xây dựng thì đủ nhưng người có trình độ chuyên môn thì vẫn còn thiếu.

Một số nhân viên chưa nắm vững quy trình quản lý chi phí ĐTXD, các bước thực hiện và kiểm soát vẫn còn lúng túng, các kỹ năng làm việc cũng chưa được thuần thục.

Ngoài ra các nhân viên còn yếu về các kỹ năng mềm như: ngoại ngữ, tin học, những tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại để thuận tiện trong quá trình quản lý các dự án áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới; việc áp dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý chuyên môn cơ bản đáp ứng nhưng vẫn chưa đầy đủ và cập nhật mới; các trang thiết bị để phục vụ công tác chuyên môn chưa đáp ứng.

3.3.2.2 Về công tác quản lý chi phí tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng, định mức, đơn giá, chỉ số giá và các loại hình tư vấn xây dựng

Các dự án đầu tư xây dựng nói chung việc quản chi phí vẫn chưa được tốt dẫn tới chi phí vượt tổng mức đầu tư hoặc công tác kiểm soát chưa tốt dẫn đến lãng phí, làm chậm tiến độ và không đem lại hiệu quả cao với những hạn chế và nguyên nhân sau:

Các nhân viên quản lý trực tiếp không kiểm soát tốt chi phí dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế, tính thiếu khối lượng, tính sai các chi phí của dự án, giải pháp chưa phù hợp với thực tế và yếu tố khách quan do nguồn vốn đầu tư hạn hẹp, cơ chế chính sách liên tục thay đổi dẫn đến việc phải thay đổi TMĐT nhiều lần là điều khó tránh khỏi.

Lựa chọn phương pháp xác định TMĐT và dự toán chi phí trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư chưa phù hợp, cơ sở để xác định dự toán chi phí trong giai đoạn này còn mang tính chủ quan, thiếu số liệu thực tế; công tác dự trù chi phí vẫn còn chưa chuyên nghiệp do vẫn chưa có sự tổng hợp số liệu thực tế.

Công việc tham mưu lập nhiệm vụ khảo sát phương án kỹ thuật khảo sát, lập nhiệm vụ thiết kế cho các chủ đầu tư còn sơ sài không phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Công tác kiểm tra, nghiệm thu công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn còn thiếu chính xác, các giải pháp thiết kế đưa ra ở một số dự án không phù hợp, các công trình đang thi công dở dang phải thay đổi giải pháp kỹ thuật, phải tạm dừng để điều chỉnh thiết kế hoặc thiết kế bổ sung, dẫn đến tăng chi phí của dự án.

Trên thực tế công tác kiểm tra hồ sơ thiết kế dự toán của Ban QLDA còn nhiều hạn chế, vẫn còn để xảy ra những thiếu sót về kỹ thuật và khối lượng dẫn đến khi triển khai lập và tổ chức đấu thầu không phù hợp với thực tế thi công, phải điều chỉnh tổng mức đầu tư của toàn bộ dự án gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án.

Về việc áp dụng các định mức, đơn giá dự toán trong quá trình lập dự toán chưa phù hợp như: Việc áp dụng các văn bản pháp luật, thông tư, nghị định vẫn còn thụ động, chưa được thống nhất và đồng bộ, chưa có sự điều chỉnh phù hợp đối với các công tác đã có trong định mức nhưng chưa phù hợp với biện pháp, điều kiện thi công.

Công tác thẩm tra, thẩm định thiết kế cơ sở, phương án kiến trúc vẫn chưa được chuyên nghiệp. Một số nhân viên chưa chịu khó cập nhật chế độ chính sách, giá cả vật liệu để phục vụ cho công tác thẩm tra, sắp xếp công việc chưa hợp lý khoa học dẫn tới còn xảy ra tình trạng thời gian thẩm tra kéo dài, chất lượng thẩm tra chưa cao.

Một số nhân viên thực hiện công tác giám sát còn chưa sâu sát và nghiên cứu sâu kỹ các tài liệu, hồ sơ của công trình dẫn tới xử lý công việc chưa phù hợp, hiệu quả; năng lực các đơn vị TVGS còn nhiều yếu kém, nhân viên giám sát còn chưa thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình dẫn đến chất lượng công trình kém, tiến độ kéo dài; công tác quản lý, giám sát chất lượng, giám sát tác giả của tư vấn thiết kế... còn nhiều điểm yếu, thiếu tính chuyên nghiệp.

Việc quản lý thực hiện hợp đồng còn lỏng lẻo dẫn đến những vi phạm cam kết trong hợp đồng vẫn còn xảy ra, còn hiện tượng lựa chọn hình thức hợp đồng không phù hợp.

Công tác thanh quyết toán và ứng vốn công trình của đơn vị nhà thầu còn yếu kém và thiếu chuyên nghiệp, dẫn đến công trình đã thi công xong nhưng việc thanh quyết toán vẫn chưa hoàn thiện xong dẫn đến làm ảnh hưởng đến chi phí và thời gian của dự án.

Năng lực của một số chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chưa đáp ứng yêu cầu; chưa có kỹ năng và tính chuyên nghiệp nên không đáp ứng được yêu cầu khi được giao làm chủ đầu tư các dự án có quy mô lớn, có yêu cầu kỹ thuật cao.

Hệ thống theo dõi kiểm soát chi phí không hiệu quả, thiếu phương pháp kiểm soát chi phí tiên tiến và hiệu quả có thể phối hợp với các quá trình quản lý dự án khác; vẫn còn quản lý chi phí một cách thủ công, chưa chủ động trong việc áp dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý dự án chưa được quan tâm đúng mức.

3.4 Phương pháp phân tích, điều tra, khảo sát số liệu xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến công tác quản lý chi phí ĐTXD công trình

3.4.1 Khái quát chung

Do tính chất đặc thù của sản phẩm ngành xây dựng nên công tác quản lý chi phí ĐTXD sẽ phải đương đầu với nhiều rủi ro và nhiều khó khăn vướng mắc. Trong quá trình thực hiện một dự án xây dựng chắc chắn sẽ có rất nhiều yếu tố tác động. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD, xếp hạng các nhóm được xác định; đề xuất các nhân tố ảnh. Xác lập phiếu khảo sát gửi đến các cá nhân trong lĩnh vực hoạt động xây dựng để lấy ý kiến. Sau đó phân tích, đánh giá tầm quan trọng của các nhóm nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố về quản lý chi phí ĐTXD.

3.4.2 Phương pháp nghiên cứu

3.4.2.1 Nghiên cứu định tính

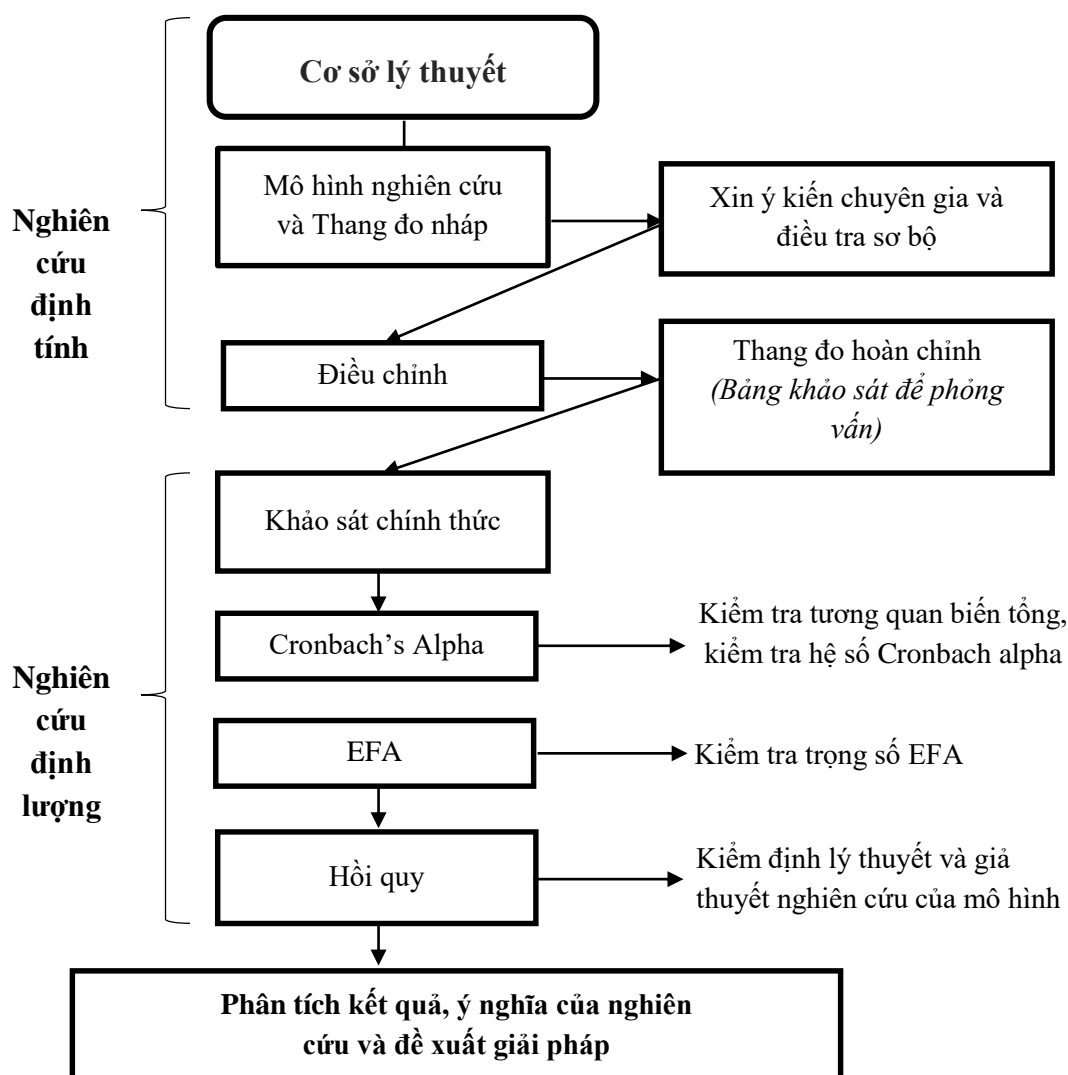
Tác giả thực hiện phương pháp nghiên cứu định tính với lý thuyết, thực tế và có xin ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng được sử dụng làm cơ sở cho nghiên cứu định tính. Phương pháp này sử dụng nhằm để hiệu chỉnh, xây dựng bảng khảo sát phù hợp với điều kiện địa phương. Từ cơ sở lý thuyết, tác giả xây dựng bảng câu hỏi sơ bộ, trên cơ sở đó để thiết kế bảng câu hỏi đưa vào nghiên cứu định lượng.

3.4.2.2 Nghiên cứu định lượng

Mục đích của nghiên cứu này là nhằm thu thập dữ liệu, ý kiến đánh giá, đo lường các yếu tố tác động đến quản lý chi phí ĐTXD. Nghiên cứu này được thực hiện tại Thành Phố Phan Thiết từ tháng 8/2018 – 12/2018. Phương pháp thu thập thông tin sử dụng là hỏi ý kiến theo một bảng câu hỏi được soạn sẵn.

Từ những thông tin, dữ liệu thu thập được, tiến hành xác định độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố (EFA), kiểm định giá trị trung bình, kiểm định mô hình bằng hồi quy, thang đo Likert được sử dụng để đo lường cảm nhận của đối tượng được khảo sát, xác định mối tương quan... Tất cả các thao tác này được tiến hành bằng phần mềm SPSS 22. Kết quả phân tích sẽ tìm được mối liên quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD.

3.4.2.3 Quy trình nghiên cứu của phần mềm SPSS



3.4.2.4 Xây dựng thang đo

Các nhóm nhân tố được xây dựng gồm: Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn quản lý tổng mức đầu tư (TMDT); giai đoạn khảo sát (KS); giai đoạn thiết kế (TK); giai đoạn thẩm tra (TT); giai đoạn thẩm định, phê duyệt (TD, PD); giai đoạn lựa chọn nhà thầu (LCNT); giai đoạn giám sát thi công (GSTC); giai đoạn thi công công trình (TCXD); quản lý hợp đồng, thanh quyết toán công trình (HDQT); cơ chế chính sách nhà nước (CCNN); quản lý của cơ quan nhà nước (QLNN); sự phối hợp của các bên tham gia dự án (PHCB)

3.4.2.5 Thống kê mẫu nghiên cứu.

Mẫu Phiếu khảo sát ý kiến của các chuyên gia thể hiện tại (Phụ lục 02)

Sử dụng phần mềm Online Google form gửi link vào mail, zalo, facebook cá nhân.

Tổng số câu hỏi phát ra là 145 bảng, tổng số thu về là 115 bảng câu trả lời hợp lệ. Với mẫu gồm 115 mẫu đưa vào phân tích như nêu trên, đặc điểm mẫu điều tra được sử dụng phần mềm Microsoft Excel để lập bản đồ trên kết quả khảo sát tại (Phụ lục 03).

3.4.3 Phân tích dữ liệu để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố

3.4.3.1 Phân tích độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha

Sử dụng phần mềm thống kê SPSS để xác định độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng phương pháp nhất quán nội tại qua hệ số Cronbach's Alpha.

Nội dung kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha là phản ánh mức độ tương quan chặt chẽ giữa các biến quan sát trong cùng một nhân tố. Nó cho biết trong các biến quan sát của một nhân tố, biến nào đã đóng góp vào việc đo lường khái niệm nhân tố, biến nào không.

- Các tiêu chuẩn trong kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha [15]

Nếu một biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng Corrected Item – Total Correlation ≥ 0.3 thì biến đó đạt yêu cầu.

Mức giá trị hệ số Cronbach's Alpha:

Từ 0.8 đến gần bằng 1: thang đo lường rất tốt.

Từ 0.7 đến gần bằng 0.8: thang đo lường sử dụng tốt.

Từ 0.6 trở lên: thang đo lường đủ điều kiện.

- Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha

Bảng 3. 7 Thống kê độ tin cậy (Reliability Statistics)

Cronbach's Alpha	N of Items
.723	12

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Bảng 3. 8 Mục - Tổng số liệu thống kê (Item-Total Statistics)

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TMDT	41.16	11.449	.562	.716
KS	40.77	10.795	.607	.792
TK	40.34	10.086	.543	.773
TT	40.83	10.566	.650	.687
TD	41.16	9.905	.511	.762
LCNT	40.85	11.215	.633	.799
GSTC	40.69	10.375	.687	.669
TCXD	40.42	10.421	.780	.682
HDQT	40.99	10.447	.623	.682
CCNN	41.38	9.449	.570	.751
QLNN	41.68	8.939	.658	.733
PHCB	41.69	9.182	.542	.638

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Từ kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan tổng biến phù hợp (≥ 0.3), hệ số Cronbach's Alpha = $0.723 \geq 0.6$ nên đạt yêu cầu về độ tin cậy do vậy 12 biến độc lập này sẽ được đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

3.4.3.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Nội dung phân tích nhân tố khám phá (gọi tắt là EFA) là dùng để rút gọn một tập hợp k biến quan sát thành một tập F (với $F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn.

- Hai giá trị được xem xét là giá trị hội tụ và giá trị phân biệt.

Thỏa mãn "giá trị hội tụ": Các biến quan sát hội tụ về cùng một nhân tố.

Đảm bảo "giá trị phân biệt": Các biến quan sát thuộc về nhân tố này và phải phân biệt với nhân tố khác.

- Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình được cho là phù hợp với dữ liệu khi đáp ứng được các điều kiện sau:

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số của KMO phải đạt giá trị 0.5 trở lên ($0.5 \leq KMO \leq 1$) là điều kiện đủ để phân tích nhân tố là phù hợp.

Kiểm định Bartlett dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (sig Bartlett's Test < 0.05), chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố.

Trị số Eigenvalue là một tiêu chí để xác định số lượng nhân tố trong phân tích EFA, chỉ có những nhân tố nào có Eigenvalue ≥ 1 mới được giữ lại trong mô hình phân tích.

Tổng phương sai trích $\geq 50\%$ cho thấy mô hình EFA là phù hợp.

- Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho các giá trị sau

Bảng 3. 9 Bảng hệ số KMO và kiểm định Bartlett (KMO and Bartlett's Test)

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.738
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	170.613
	df	66
	Sig.	.000

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Bảng 3. 10 Bảng tổng phương sai trích (Total Variance Explained)

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.165	18.038	18.038	2.165	18.038	18.038	2.087	17.388	17.388
2	1.439	11.992	30.030	1.439	11.992	30.030	1.419	11.823	29.211
3	1.406	11.719	41.749	1.406	11.719	41.749	1.352	11.263	40.474
4	1.280	10.665	52.414	1.280	10.665	52.414	1.298	10.813	51.287
5	1.161	9.676	62.090	1.161	9.676	62.090	1.296	10.803	62.090
6	.960	7.998	70.088						
7	.888	7.397	77.485						
8	.734	6.119	83.603						
9	.618	5.148	88.752						
10	.563	4.689	93.441						
11	.476	3.968	97.410						
12	.311	2.590	100.000						

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Bảng 3. 11 Bảng ma trận xoay (Rotated Component Matrix)

	Component				
	1	2	3	4	5
TK	.715				
TT	.645				
KS	.714				
TD	.734				
GSTC		.842			
TCXD		.747			
PHCB			.775		
LCNT			.650		
QLNN				.751	
HDQT				.719	
CCNN					.754
TMDT					.766

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Từ kết quả phân tích ma trận xoay cho thấy 12 biến quan sát được gom thành 5 nhân tố gồm nhóm 1 -N1(TK, TT, KS, TD) nhóm 2-N2(GSTC, TCXD), nhóm 3-N3(PHCB, LCNT), nhóm 4-N4 (QLNN, HDQT), nhóm 5- N5 (CCNN, TMDT). Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0,5.

3.4.4 Kiểm định mô hình.

3.4.4.1 Phân tích tương quan.

Bảng 3. 12 Kết quả kiểm định Pearson's mối tương quan giữa biến

	N1_X1	N2_X2	N3_X3	N4_X4	N5_X5	PT
Hệ số tương quan	0.275*	0.383**	0.522**	0.357**	0.312**	1
Sig. (2- phía)	0.037	0.005	0.000	0.005	0.000	
N	115	115	115	115	115	115

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Kiểm định mối tương quan dùng để xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc và từng biến độc lập cũng như giữa những biến độc lập với nhau. Mô hình hồi quy tốt

là mô hình có hệ số tương quan giữa các biến phụ thuộc và các biến độc lập lớn, thể hiện mối quan hệ tuyến tính giữa các biến với nhau, và điều này cũng chỉ ra rằng phân tích hồi quy là phù hợp.

Từ bảng ở trên, ta thấy hệ số tương quan giữa biến độc lập và các biến phụ thuộc khá cao, nằm trong khoảng từ 0.275 đến 0.522. Giá trị Sig của các yếu tố đều nhỏ hơn 0.05. Điều này chỉ ra rằng mô hình có sự tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập và việc đưa các biến độc lập vào mô hình là đúng, vì nó có ảnh hưởng nhất định đến biến phụ thuộc. Điều này cho ta thấy rằng công tác quản lý chi phí ĐTXD chủ yếu bị tác động bởi các nhân tố nêu trên, nên trong quá trình phân tích sự ảnh hưởng, đề tài sẽ tập trung nghiên cứu những nhân tố này.

3.4.4.2 Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố trong mô hình với biến phụ thuộc là công tác quản lý chi phí ĐTXD, các mức độ ảnh hưởng này được xác định thông qua hệ số hồi quy. Mô hình hồi quy như sau:

$$CL_{\text{ĐTXD_Y}} = \beta_0 + \beta_1 N1_X1 + \beta_2 N2_X2 + \beta_3 N3_X3 + \beta_4 N4_X4 + \beta_5 N5_X5 + e_i$$

Trong đó:

CL_{ĐTXD_Y}: Giá trị của biến phụ thuộc là “Công tác quản lý chi phí ĐTXD”

N1_X1: Giá trị của biến độc lập thứ nhất là ảnh hưởng của công tác thiết kế, khảo sát, thẩm tra, thẩm định.

N2_X2: Biến độc lập thứ hai là ảnh hưởng công tác giám sát và thi công xây dựng.

N3_X3: Biến độc lập thứ ba là ảnh hưởng của công tác phối hợp của các bên và công tác lựa chọn nhà thầu.

N4_X4: Biến độc lập thứ tư là của công tác quản lý nhà nước và hợp đồng quyết toán.

N5_X5: Biến độc lập thứ năm là ảnh hưởng của công tác cơ chế nhà nước và TMĐT.

e_i: là ảnh hưởng của các nhân tố khác tới đến công tác quản lý chi phí ĐTXD nhưng không được đưa vào mô hình nghiên cứu.

3.4.4.3 Kiểm định giá trị độ phù hợp

Từ kết quả các bảng dưới đây, ta thấy kiểm định F cho giá trị Sig. < 0.05, chứng tỏ là mô hình phù hợp và cùng với đó là R² hiệu chỉnh có giá trị bằng 0.632; có nghĩa là mô hình hồi quy giải thích được 63.2% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Như vậy, mô hình có giá trị phù hợp.

Bảng 3. 13 Phân tích hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí ĐTXD

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của dự báo	Hệ số Durbin-Watson
1	0.845 ^a	0.675	0.632	0.30278	1.873

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

3.4.4.4 Kết quả phân tích hồi quy đa biến và đánh giá mức độ quan trọng nhân tố

Bảng 3. 14 Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	T	Sig.	
	B	Std. Error	Beta			
(Hằng số)	-0.585	0.322		-2.075	0.030	
1	N1_X1	0.397	0.033	0.575	9.386	0.008
	N2_X2	0.375	0.034	0.478	7.830	0.006
	N3_X3	0.388	0.035	0.565	9.271	0.000
	N4_X4	0.345	0.039	0.454	7.658	0.000
	N5_X5	0.324	0.042	0.425	8.248	0.000

(Nguồn phân tích từ phần mềm SPSS)

Qua bảng phân tích hồi quy đa biến, ta nhận thấy tất cả các yếu tố đều ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD. Từ đó ta có được phương trình mô tả sự biến động của các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD như sau:

$$CL\Delta TXD_Y = 0.575N1_X1 + 0.565N3_X3 + 0.478N2_X2 + 0.454N4_X4 + 0.425N5_X5$$

3.4.5 Phân tích kết quả.

Dựa vào mô hình hồi quy các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD, có thể nhận thấy hệ số $\beta_1 = 0.575$ có nghĩa là khi Nhóm nhân tố 1 – công tác thiết kế, khảo sát, thẩm tra, thẩm định thay đổi 1 đơn vị trong khi các nhân tố khác không đổi thì công tác quản lý chi phí ĐTXD cũng thay đổi cùng chiều 0.575 đơn vị (Giải thích tương tự đối với các biến còn lại).

Theo phương trình hồi quy ở trên cho thấy công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng có quan hệ tuyến tính với các nhân tố:

Mạnh nhất là: công tác thiết kế, khảo sát, thẩm tra, thẩm định (Hệ số β_1 là 0.575) như vậy các nhân tố trong nhóm này chính là các yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến công tác quản lý chi phí ĐTXD.

Thứ hai là: công tác phối hợp của các bên và lựa chọn nhà thầu (Hệ số β_3 là 0.565).

Thứ ba là: công tác giám sát thi công và thi công xây dựng (Hệ số β_2 là 0.478)

Thứ tư là: công tác quản lý nhà nước và hợp đồng quyết toán (Hệ số β_4 là 0.454)

Thứ năm là: công tác cơ chế nhà nước và tổng mức đầu tư (Hệ số β_5 là 0.425)

Từ kết quả khảo sát và phân tích đánh giá trên ta nhận thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố nêu trên chênh lệch không lớn, tức tất cả các nhân tố nêu trên đều ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí ĐTXD. Chính vì vậy tác giả xin đề xuất một số giải pháp cho luận văn như sau: giải pháp chủ quan về nhân tố con người (*Cải tiến mô hình tổ chức của Ban QLDA; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất, thuộc nhóm nhân tố công tác phối hợp của các bên, công tác quản lý nhà nước, công tác cơ chế nhà nước đã phân tích nêu trên*); giải pháp nhân tố chuyên môn nghiệp vụ (*quản lý khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định; quản lý lựa chọn nhà thầu; quản lý giám sát và thi công XDCT; quản lý hợp đồng, thanh quyết toán công trình; quản lý tổng mức đầu tư xây dựng*).

3.5 Đề xuất giải pháp chung hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA, áp dụng cho Dự án Trường chính trị tỉnh Bình Thuận.

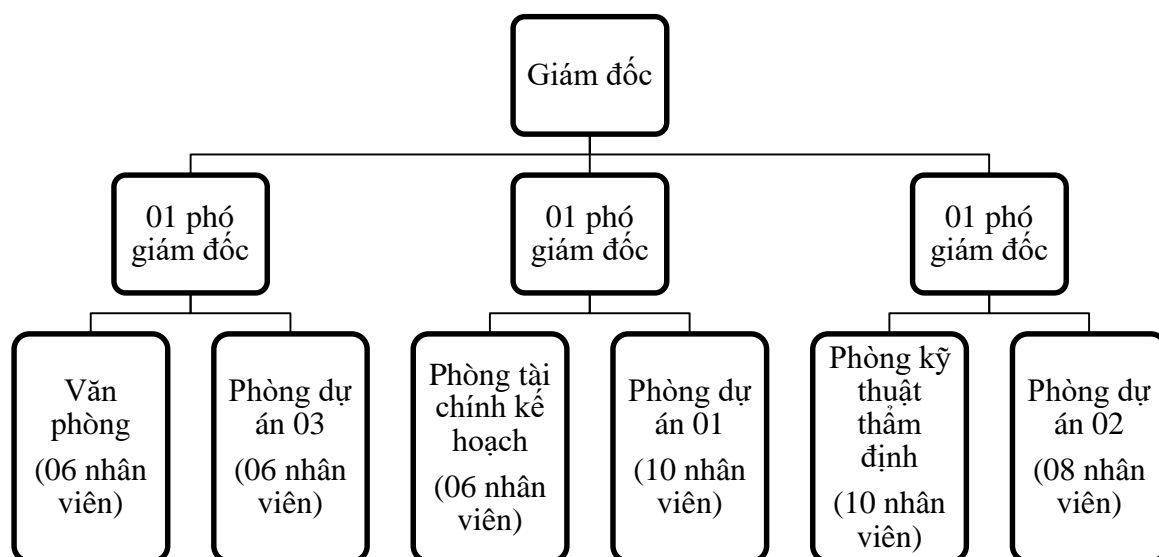
3.5.1 Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận

3.5.1.1 Giải pháp cải tiến mô hình tổ chức của Ban QLDA

Trong giai đoạn cạnh tranh và hội nhập như hiện nay đòi hỏi bất kỳ một tổ chức nào muốn tồn tại và phát triển đều phải năng động nắm bắt kịp sự thay đổi của Nhà nước, của thị trường. Muốn như vậy việc đầu tiên là tổ chức phải có một mô hình tổ chức quản lý có hiệu quả.

Mô hình quản lý các dự án của Ban QLDA hiện nay còn chưa hiệu quả và thúc đẩy hết tinh thần cũng như khả năng làm việc của các viên chức trong việc điều hành và phân công nhân sự quản lý công việc.

Một trong những yếu tố giúp cho việc quản lý chi phí ĐTXD công trình đạt hiệu quả cao chính là mô hình tổ chức quản lý hoạt động. Chính vì vậy, để khắc phục những tồn đó tác giả đề xuất mô hình tổ chức quản lý của Ban QLDA trong thời gian tới như sau:



Hình 3. 6 Mô hình tổ chức quản lý của Ban QLDA đề xuất

Mô hình quản lý dự án mới khác so với mô hình cũ đó là thành lập thêm 01 phòng quản lý dự án (phòng QLDA03); phân công lại sự quản lý của ban giám đốc đó là Giám đốc phụ trách tổng thể đơn vị và phụ trách 02 phòng là Văn phòng và phòng Tài chính - kế hoạch (thực hiện chức năng kế hoạch); phó giám đốc 1 phụ trách phòng QLDA-1 (thực hiện chức năng quản lý dự án và giám sát); phó giám đốc 2 phụ trách phòng QLDA-2 (thực hiện chức năng quản lý dự án và giám sát) và phòng kỹ thuật – thẩm định (thực hiện chức năng tư vấn thẩm tra, tư vấn lựa chọn nhà thầu) và phó giám đốc 3 phụ trách phòng QLDA-3 (thực hiện chức năng quản lý dự án) và Tài chính - kế hoạch (thực hiện chức năng tài chính).

- Kết quả dự kiến của giải pháp mang lại:

Có sự phân công rõ ràng về nhiệm vụ của ban giám đốc với các phòng ban trong đơn vị; bổ sung 01 phòng QLDA nhằm làm giảm bớt sự quá tải trong công việc của bộ phận quản lý dự án.

Phòng kỹ thuật phòng kỹ thuật - thẩm định trước đây khối lượng công việc của nhân viên kỹ thuật tương đối nặng, đồng thời một cán bộ vừa thực hiện cùng một lúc nhiều công tác khác nhau như thẩm tra, giám sát, lựa chọn nhà thầu nên công việc không được chuyên môn hóa, không đủ thời gian để đáp ứng được nhu cầu cũng như chất lượng của hồ sơ nay chuyển công tác tư vấn giám sát qua phòng QLDA-01, QLDA-02 để bộ phận này vừa quản lý dự án vừa giám sát để dễ kiểm soát lẫn nhau, không bị chòng chéo đồng thời tiết kiệm được một phần phân công nhân sự theo dõi dự án.

Trong những thời điểm Ban QLDA được giao làm chủ đầu tư nhiều dự án mà nguồn nhân lực lại không đủ đáp ứng dẫn đến tình trạng một nhân viên kỹ thuật phải phụ trách nhiều dự án dẫn đến sự quá tải trong công việc thì việc tuyển dụng thêm nhân viên làm việc là một giải pháp thích hợp. Việc lựa chọn giải pháp điều động các cán bộ tại các phòng ban khác hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện dự án.

Tùy thuộc vào tình hình thực tế của đơn vị mà việc sử dụng linh hoạt nguồn nhân lực, tiết kiệm tối đa chi phí là giải pháp tốt nhất để hoạt động hiệu quả và chất lượng.

3.5.1.2 Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả về năng lực chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý đảm bảo đội ngũ nhân lực đủ cả chất và lượng sẽ tăng hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát TMDT, tổng dự toán các dự án ĐTXD.

Trưởng các phòng cần thực hiện việc đánh giá trình độ của các nhân viên một cách khách quan công khai. Sau khi đã có những đánh giá cụ thể những nhân viên phòng nào chưa đủ trình độ thì phải báo cáo lãnh đạo Ban QLDA để cử các nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, xếp hạng đối với từng nhân viên để sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho đúng khả năng.

Lãnh đạo Ban QLDA tích cực khuyến khích các nhân viên tự học hỏi, trau dồi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn cập nhật các văn bản của Nhà nước quy định về ĐTXD để cùng nghiên cứu, trao đổi và áp dụng cho kịp thời và đúng quy định.

Để nâng cao ý thức cho đội ngũ nhân viên, Ban QLDA cần có một cơ chế thưởng phạt rõ ràng; tăng cường tính kỷ luật, xây dựng chính sách lương riêng, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước; tạo một môi trường làm việc thuận lợi, tạo điều kiện cho tất cả mọi người có thể phát huy khả năng sáng tạo của mình vào công việc.

Ngoài các kỹ năng về chuyên môn thì Ban QLDA nên tạo điều kiện cho các nhân viên được học tập nâng cao trình độ về các kỹ năng mềm như: ngoại ngữ, tin học, cập nhật liên tục những tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Tuyển chọn và bổ sung thêm các kỹ sư chuyên ngành khác phục vụ cho công tác chuyên môn như kỹ sư điện, kỹ sư cấp thoát nước, kỹ sư công nghệ thông tin.

Ngoài ra, Ban QLDA cần tăng cường cơ sở vật chất để thực hiện công tác quản lý chi phí đó như việc đầu tư máy tính; máy đo vẽ địa hình và kiểm tra cao độ; sử dụng các phần mềm để thực hiện cho công tác chuyên môn, áp dụng các tiến bộ khoa học mới trong quản lý và điều hành đơn vị để đem lại chất lượng và hiệu quả cho từng dự án.

3.5.1.3 Giải pháp chung cho các công tác quản lý chi phí khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định; lựa chọn nhà thầu; giám sát và thi công; hợp đồng, thanh quyết toán; tổng mức đầu tư.

Phải đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng để quản lý chi phí thực hiện dự án và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí để thực hiện các dự án, cần quản lý chặt chẽ từ khâu lập chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư, những vấn đề kinh tế - kỹ thuật của dự án ĐTXD được giải quyết ở giai đoạn quyết sách đầu tư có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với chi phí xây dựng và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

Ngay từ khi chuẩn bị cho chủ chương đầu tư Ban QLDA cần xem xét và phân tích một cách thấu đáo để khi trình và thực hiện sau này đảm bảo hiệu quả tránh như trường hợp các dự án khi bắt đầu triển khai thực hiện thì phải thực hiện điều chỉnh thiết kế, tổng mức và điều chỉnh quy mô của dự án để phù hợp với tình hình thực tế.

Phải xem xét toàn diện các mặt kỹ thuật, kinh tế - tài chính, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, chú ý đến khả năng cải tạo và mở rộng sau này, đưa ra nhiều phương án để lựa chọn: Vị trí, hướng và quy mô kỹ thuật của công trình.

Chủ đầu tư phải yêu cầu tư vấn thực hiện đúng yêu cầu trong nhiệm vụ, phương án khảo sát đã được phê duyệt; tập trung đi sâu vào nghiên cứu, xác định, kiểm tra các số liệu do tư vấn cung cấp để tránh tình trạng thiết kế quá thiên về an toàn, bất hợp lý; có chế tài cụ thể, xử phạt với tư vấn khi sai sót dẫn đến bước thiết kế sau phải điều chỉnh nhiều lần, hiệu quả đầu tư thấp.

Cần thực hiện tốt công tác kiểm soát khối lượng trong giai đoạn thiết kế kỹ thuật thi công tránh xảy ra những thiếu sót về khối lượng, phương án thiết kế, ...

Tăng cường công tác giám sát khảo sát, yêu cầu các bộ phận kỹ thuật khi kiểm tra, nghiệm thu khảo sát phải rà soát kỹ hồ sơ khảo sát và thực tế hiện trường.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm tra, lựa chọn các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm và uy tín. Hợp đồng cần quy định rõ yêu cầu về trách nhiệm của tư vấn thẩm tra, các

điều khoản về xử lý vi phạm chất lượng, bồi thường thiệt hại, báo cáo kết quả thẩm tra phải rõ ràng, tỉ mỉ, chi tiết, không chung chung.

Lựa chọn các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc do mình thực hiện trước chủ đầu tư và trước pháp luật.

Thực hiện linh hoạt các hình thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với tính chất, loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật. Việc quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu phải hết sức linh hoạt; phải lấy mục tiêu hiệu quả, rút ngắn thời gian thực hiện dự án, đồng thời vẫn theo nguyên tắc lựa chọn được nhà thầu có đủ điều kiện, năng lực, kinh nghiệm, có giá hợp lý, phù hợp với mục tiêu quản lý.

Xử lý hồ sơ khoa học, hợp lý, chủ động liên hệ, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong giải quyết công việc. Tuân thủ các quy định về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí xây dựng trong quá trình thực hiện công tác thẩm tra.

Tuân thủ tổng mặt bằng quy hoạch được duyệt, đảm bảo sự đấu nối đồng bộ giữa các hạng mục thuộc dự án và với hạ tầng kỹ thuật của khu vực; đề xuất ứng dụng các các giải pháp thiết kế phù hợp, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Đảm bảo sự phù hợp giữa khối lượng dự toán và hồ sơ thiết kế; đơn giá định mức so với biện pháp thi công; giá cả vật liệu phù hợp với thị trường và yêu cầu sử dụng để tránh lãng phí, thất thoát trong việc thực hiện dự án.

Sắp xếp và lưu trữ hợp đồng theo danh mục, khoa học để tiện cho việc tìm kiếm; quản lý chặt chẽ hợp đồng thi công xây dựng sau đấu thầu là “chìa khóa” để đảm bảo hiệu quả thành công của gói thầu/dự án, mang lại lợi ích kinh tế cho đất nước.

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh quyết toán vốn cho dự án; thực hiện công tác thanh quyết toán đúng thời gian và yêu cầu theo quy định.

3.5.2 Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng áp dụng cho Dự án Trường chính trị tỉnh Bình Thuận.

3.5.2.1 Thông tin về dự án

Tên dự án: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận.

Chủ đầu tư: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận.

Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2019 – 2025 (hiện dự án đã có chủ trương đầu tư và đang triển khai lựa chọn nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi).

Tổng mức đầu tư: 170.859 triệu đồng.

Loại, cấp công trình: Công trình giáo dục, cấp II.

Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích khu đất khoảng 50.000 m².

Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách tỉnh, vốn xổ số kiến thiết.

Địa điểm xây dựng: Phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đơn vị QLDA: Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.

3.5.2.2 Thành lập các quyết định, sơ đồ tổ chức

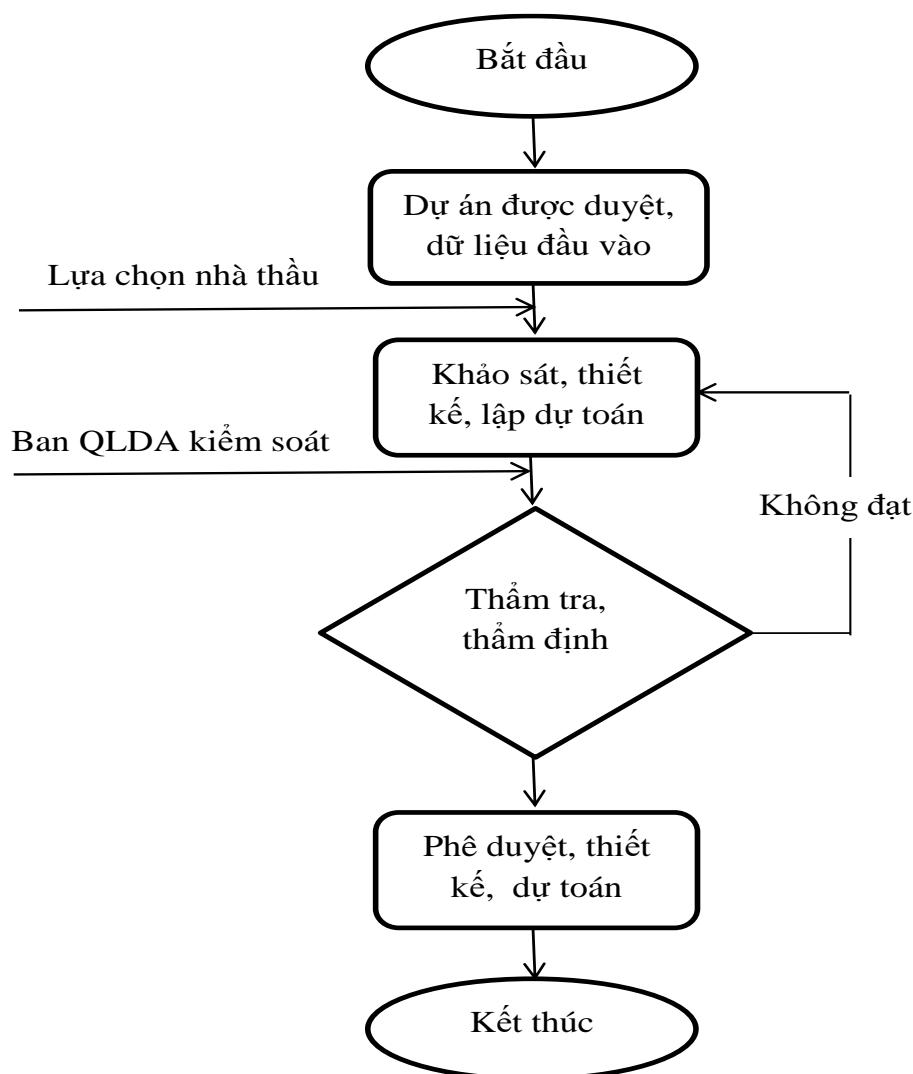
Giám đốc Ban QLDA quản lý chung; 01 Phó giám đốc làm trưởng ban; 01 trưởng phòng dự án 01 làm phó trưởng ban; 03 kỹ sư phụ trách khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, quản lý chi phí; 01 kế toán phụ trách thanh quyết toán.

Quyết định phân công nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Ban quản lý dự án; Tham mưu cho CĐT quy chế phối hợp và quy định trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị tư vấn, nhà thầu có liên quan.

Yêu cầu các đơn vị có liên quan xây dựng sơ đồ quản lý chất lượng của từng nội dung công việc khi thực hiện dự án.

3.5.2.3 Giải pháp quản lý khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định.

Tác giả đưa ra lưu đồ quản lý chi phí công tác khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định



Hình 3. 7 Lưu đồ quản lý chi phí công tác khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định

Lựa chọn đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế, thẩm tra có đủ năng lực kinh nghiệm để triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi dự án được phê duyệt, đặc biệt áp dụng phương án đấu thầu để đánh giá và lựa chọn nhà thầu đáp ứng được yêu cầu tốt nhất đồng thời giảm chi phí trong giai đoạn này; yêu cầu các đơn vị tư vấn xây dựng nhiệm vụ, quy trình, phương án, tiến độ chi tiết phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành để nhân viên trực tiếp thực hiện công tác quản lý dự án căn cứ vào đó để kiểm tra theo dõi. Đề nghị đơn vị tư vấn khảo sát thiết kế đưa ra nhiều phương án tối ưu để lựa chọn nhằm giảm chi phí và rút ngắn thời gian thực hiện cho dự án.

Thành viên ban quản lý kiểm tra việc triển khai phương án thiết kế phải phù hợp với dự án được phê duyệt; sử dụng vật tư, vật liệu phù hợp với tính chất của công trình, sử dụng các loại vật tư vật liệu phổ biến trên thị trường và tại địa phương; kiểm tra sự phù hợp giữa nội dung thiết kế với nội dung của dự án ĐTXDCT, giữa khối lượng thiết kế và khối lượng dự toán; kiểm tra tính đúng đắn của việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, việc áp dụng các định mức, đơn giá, các chế độ chính sách có liên quan.

Tăng cường công tác giám sát khảo sát, yêu cầu các chuyên viên khi kiểm tra, nghiệm thu khảo sát phải rà soát kỹ hồ sơ khảo sát và thực tế hiện trường.

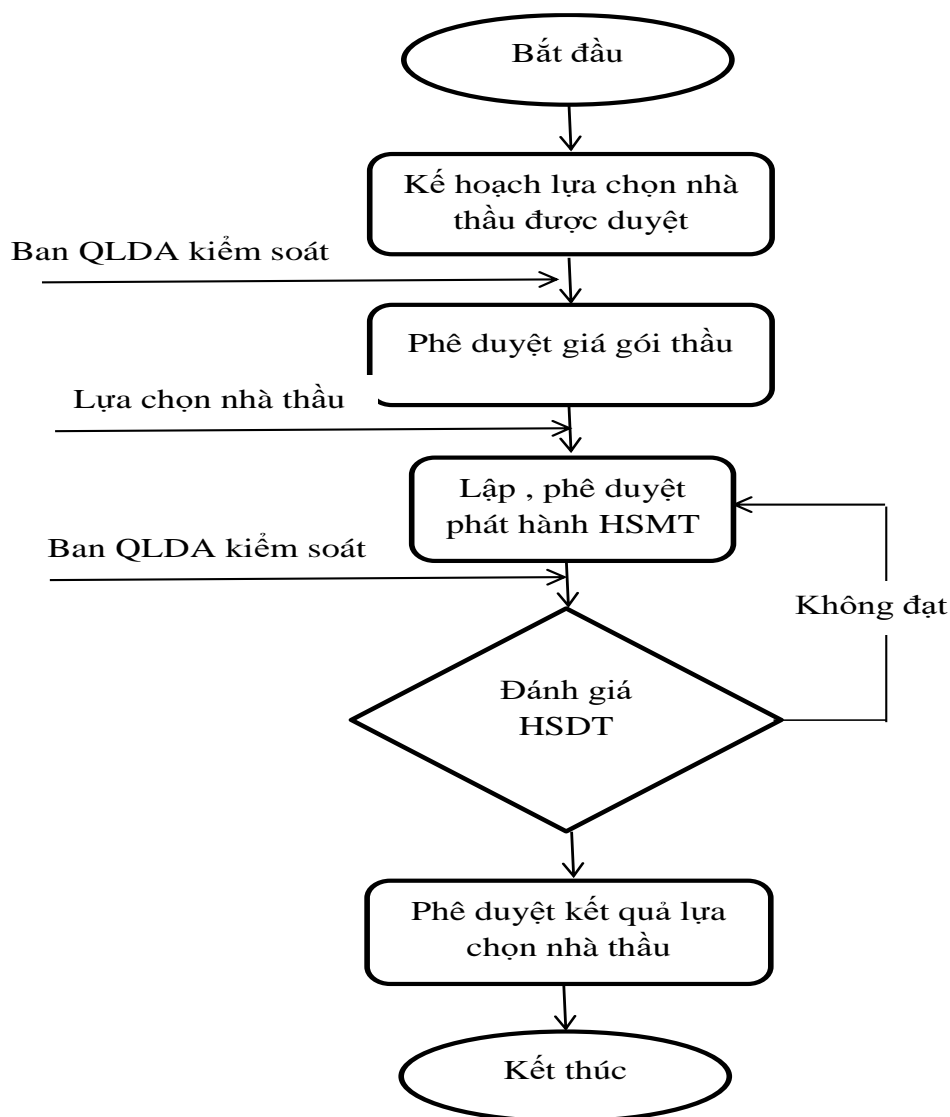
Việc kiểm tra hồ sơ thiết kế nhân viên trong Ban cần chú trọng việc kiểm tra hồ sơ thiết kế căn cứ trên kết quả của hồ sơ khảo sát, kiểm tra tính kết cấu, kiểm tra về kiến trúc không gian của công trình, vật liệu sử dụng trong dự án, kết cấu xây dựng có phù hợp với thực tiễn cũng như việc lựa chọn giải pháp công nghệ, thiết bị cho công trình.

Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thẩm tra đồng thời lựa chọn các đơn vị thẩm tra có đủ năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực tư vấn; để đảm bảo chất lượng và tiến độ.

Công tác thẩm tra thiết kế - dự toán cần được chú trọng và tăng cường để hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót, phát sinh trong việc triển khai thi công. Phát hiện kịp thời, điều chỉnh hoặc cắt giảm thiết kế các nội dung cần thiết để phù hợp thực tế và nếu thấy mang lại sự hiệu quả tốt hơn

Sau khi kiểm tra hồ sơ thiết kế dự toán đạt yêu cầu Ban QLDA sẽ trình lên các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.5.2.4 Giải pháp quản lý lựa chọn nhà thầu xây lắp



Hình 3. 8 Lưu đồ quản lý chi phí công tác lựa chọn nhà thầu

Lựa chọn, phân chia các gói thầu hợp lý, tránh phân chia quá nhỏ các hạng mục hoặc quá lớn. Có thể phân các gói thầu theo toàn bộ công trình hoặc phân theo hạng mục. Tuy nhiên khi phân theo các hạng mục cần lưu ý các đoạn có thể ngắt nối các gói thầu để đảm bảo sự phối hợp tiến độ giữa các gói thầu hợp lý, không ảnh hưởng đến tiến độ chung của cả công trình; kiểm tra và điều chỉnh giá gói thầu cho kịp thời với thông báo giá gần nhất để tăng độ chính xác của gói thầu.

Nhân viên phụ trách tăng cường công tác kiểm soát việc lập hồ sơ mời thầu, xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, quá trình đánh giá, thẩm định và thương thảo hợp đồng đảm bảo đầy đủ rõ ràng, có tính pháp lý và khả thi cao.

Thực hiện công tác đánh giá lựa chọn nhà thầu một cách chính xác công bằng, đảm bảo lựa chọn được đơn vị đủ năng lực về chuyên môn và kinh nghiệm để thực hiện các gói thầu của dự án; thực hiện công tác chấm thầu lựa chọn nhà thầu theo đúng các tiêu chí của hồ sơ mời thầu, đánh giá theo đúng quy định của Nhà nước.

3.5.2.5 Giải pháp quản lý giám sát và thi công XDCT

Ban QLDA xây dựng quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong quá trình thi công xây dựng công trình để kiểm soát chi phí; xây dựng đề cương giám sát trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bên tham gia.

Tiến độ thực hiện thi công cần được quản lý chặt chẽ và kiểm soát được tiến độ từng hạng mục. Trên cơ sở đó không chế được tiến độ và thời gian thực hiện thi công xây dựng. Mỗi một hạng mục công việc cần có một tiến độ thực hiện riêng, cũng như cần lập tiến độ thực hiện của tháng để làm căn cứ kiểm soát. Mỗi tuần và mỗi tháng cán bộ Ban QLDA cần có báo cáo về công việc thực hiện của để biết được khối lượng thực hiện so với tiến độ đã đạt và chưa đạt.

Tăng cường quản lý chi phí thông qua quản lý chất lượng, khối lượng thi công xây dựng, yêu cầu cán bộ giám sát thường xuyên phải có mặt tại công trường; Việc quản lý hồ sơ chất lượng phải đúng và phản ánh được chất lượng, khối lượng thực hiện. Khối lượng thực hiện đến đâu thì hồ sơ chất lượng phải hoàn thành đến đó, việc thanh toán giai đoạn và công trình cần có đầy đủ hồ sơ chất lượng mới thanh toán.

Trong quá trình thi công việc kiểm tra và phát hiện sớm những khối lượng phát sinh ngoài thiết kế cũng như những khối lượng thay đổi so với thiết kế trong từng hạng mục và toàn bộ công trình, bằng cách giám sát việc thi công thực tế so với bản vẽ thiết kế thi công và khối lượng nghiệm thu thanh toán so với dự toán.

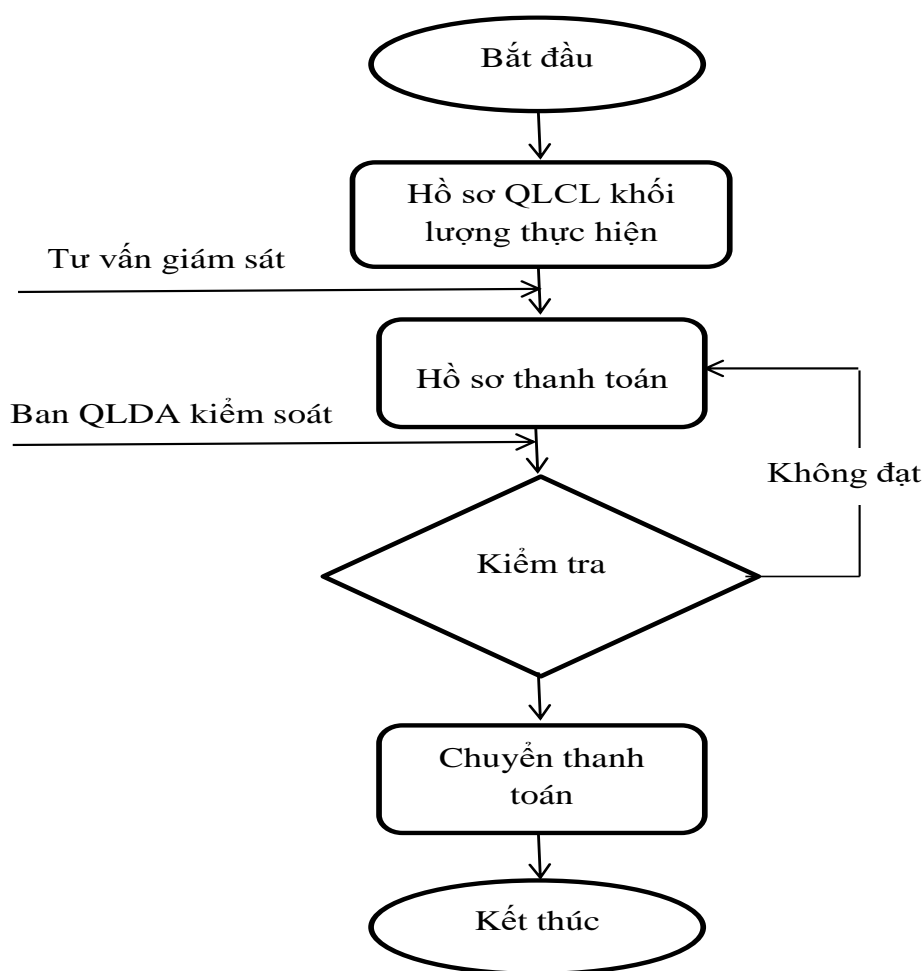
Bộ phận giám sát phối hợp với cán bộ kỹ thuật thi công, bộ phận thiết kế rà soát kiểm tra hồ sơ thiết kế được duyệt trước khi tiến hành thi công; Yêu cầu đơn vị tư vấn thiết

kể tham gia công tác giám sát tác giả, nghiệm thu bàn giao đối với các hạng mục công trình nhằm nâng cao vai trò giám sát từ phía nhà thầu thiết kế. Đề nghị các nhà thầu thi công không ngừng nâng cao năng lực đảm bảo chấp hành tuân thủ các biện pháp thi công theo hồ sơ dự thầu.

Tăng cường công tác kiểm tra về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ an toàn giao thông trên công trường, đồng thời yêu cầu đơn vị thi công thực hiện việc mua bảo hiểm cho nhân công, thiết bị đúng quy định.

3.5.2.6 Giải pháp quản lý thanh quyết toán công trình

Được thể hiện theo lưu đồ sau:



Hình 3. 9 Lưu đồ quản lý chi phí thanh quyết toán

Hồ sơ chất lượng công trình thực hiện phải được đầy đủ các thủ tục theo quy trình hồ sơ chất lượng và được ký nghiệm thu của CĐT, đơn vị giám sát và đơn vị thi công.

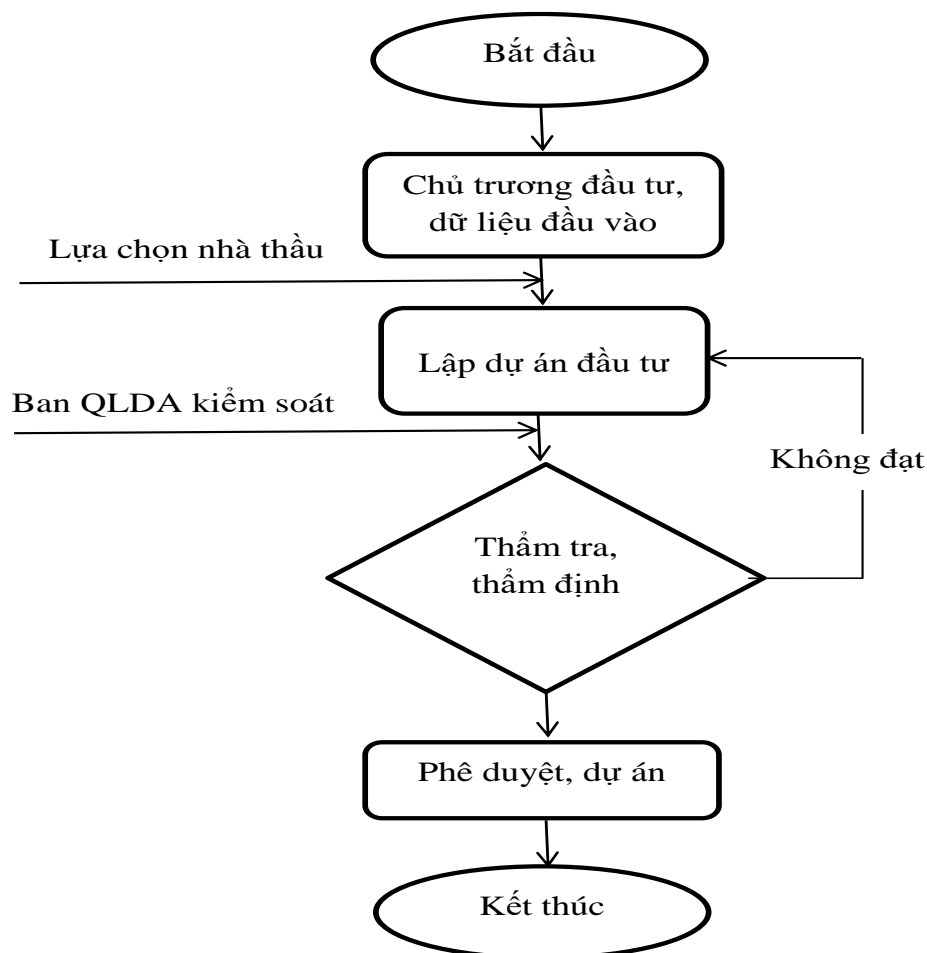
Ban QLDA phải chỉ đạo các nhân viên kỹ thuật đơn đốc và phối hợp với các nhà thầu nhanh chóng thực hiện hồ sơ thanh quyết toán và các hồ sơ liên quan để hoàn thành công tác quyết toán dự án sẽ là cơ sở để bố trí vốn nợ đọng xây dựng cơ bản cho dự án để giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản cho các nhà thầu.

Đối với việc thanh lý hợp đồng nhà thầu chỉ được thanh lý khi hết thời gian bảo hành công trình, nhân viên Ban cần rà soát lại toàn bộ phạm vi công việc, khối lượng, chất lượng đã hoàn thành để chắc chắn thời điểm thanh lý hợp đồng nhà thầu đã hoàn thành đầy đủ trách nhiệm của mình.

Khối lượng thực hiện thanh quyết toán của đơn vị nhà thầu cần được cán bộ trong Ban kiểm tra rà soát kỹ khối lượng thực hiện theo hợp đồng từng hạng mục thực hiện, đối chiếu khối lượng nghiệm thu thanh toán so với hồ sơ thiết kế. Đối chiếu khối lượng thực hiện phát sinh trong hợp đồng và ngoài hợp đồng, khối lượng nào được thanh toán và khối lượng nào không được thanh toán cần loại bỏ khỏi hồ sơ nghiệm thu thanh toán. Kiểm tra và phát hiện những khối lượng thực hiện tính sai hoặc tính trùng lặp và phát sinh đã được thực hiện.

3.5.2.7 Giải pháp quản lý tổng mức đầu tư xây dựng

Công tác quản lý chi phí tổng mức đầu tư được trình bày theo lưu đồ sau



Hình 3. 10 Lưu đồ quản lý chi phí tổng mức đầu tư

Để quản lý tốt chi phí trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư thì việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án là vô cùng quan trọng, nó sẽ quyết định trực tiếp đến chất lượng hồ sơ dự án. Vì vậy tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu cần làm việc một cách nghiêm túc và yêu cầu nhà thầu làm rõ bất cứ các nội dung để xác định nhà thầu tiềm năng thực hiện gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế lập dự án đầu tư. Ban QLDA yêu cầu các đơn vị tư vấn lựa chọn một trong bốn cách lập TMĐT để áp dụng thích hợp, theo tác giả lựa chọn phương án là tính theo thiết kế cơ sở là phương án chính xác và tin cậy nhất.

Ban QLDA phải phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư nghiên cứu lập và phê duyệt nhiệm vụ thiết kế với yêu cầu mỗi dự án phải có ít nhất 2 phương án để so sánh và lựa chọn phương án đảm bảo các yếu tố kinh tế và kỹ thuật để đầu tư.

Ngay sau khi có TMĐT Ban QLDA cần kiểm soát lại với nội dung: phải xác định đúng phương pháp; áp dụng định mức, đơn giá phù hợp; đảm bảo tính đúng đắn và đầy đủ các mục chi phí; số liệu tính toán đầy đủ; giá trị TMĐT phải hợp lý để đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của dự án, phù hợp cho việc triển khai các bước tiếp theo.

Cán bộ phụ trách phối hợp với bộ phận thẩm định của Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tiến hành xem xét, đánh giá, thẩm định lại toàn bộ hồ sơ lập dự án ĐTXD sau đó báo cáo, tham mưu để người quyết định đầu tư phê duyệt.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chi phí ĐTXD là một đòi hỏi cấp thiết của công tác quản lý ĐTXD; dựa trên những nghiên cứu về mặt lý luận kết hợp với những cơ sở khách quan phát sinh từ thực tiễn trong công tác quản lý chi phí các dự án ĐTXD công trình tại Ban QLDA đồng thời trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý chi phí các dự án ĐTXD tại Ban QLDA từ đó đánh giá những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, tồn tại qua phân tích những nguyên nhân của những mặt còn hạn chế về công tác quản lý chi phí các dự án ĐTXD tại Ban QLDA.

Chương 3 phân tích, khảo sát đã nghiên cứu, đưa ra một số giải pháp chung nhằm hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA đồng thời đưa ra giải pháp cụ thể cho dự án chuẩn bị triển khai đó là dự án Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận về công tác quản lý tổng mức đầu tư; công tác tư vấn khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định; công tác lựa chọn nhà thầu; công tác giám sát thi công; công tác quản lý chi phí thanh quyết toán công trình từ đó giúp Ban QLDA, thực hiện tốt hơn nữa công tác quản lý chi phí các dự án ĐTXD nhằm tăng cường hơn nữa, chất lượng và hiệu quả công tác quản lý chi phí đối với các dự án ĐTXD trong thời gian tới.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Quản lý chi phí ĐTXD công trình là một lĩnh vực phức tạp, rộng, bao gồm nhiều nội dung quản lý chi phí khác nhau, quá trình quản lý dài và liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả đã tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến việc “Hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận” để đạt được những nội dung này, tác giả đã hoàn thành những nghiên cứu sau:

Thứ nhất: Nghiên cứu tổng quan về dự án ĐTXD, chi phí ĐTXD từ đó đưa ra được các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý chi phí ĐTXD và hiệu quả của công tác quản lý chi phí ĐTXD trong việc thực hiện dự án.

Thứ hai: Nghiên cứu tổng quan về cơ sở khoa học, nguyên tắc, nội dung về quản lý chi phí ĐTXD và nêu lên một số bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chi phí ĐTXD.

Thứ ba: Đã phân tích, khảo sát và đánh giá thực trạng, chỉ rõ những kết quả đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục trong công tác quản lý chi phí ĐTXD tại Ban QLDA từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý chi phí ĐTXD để thực hiện trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn.

Ngoài những kết quả được như trên luận văn vẫn còn tồn tại, hạn chế nhất định trong quá trình thực hiện như: đề tài chỉ nghiên cứu về công tác quản lý chi phí trong đầu tư xây dựng mà chưa nghiên cứu sâu vào các công tác quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn lao động... có liên quan đến quá trình thực hiện dự án; chưa đánh giá được mối quan hệ tương quan giữa các công tác quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn lao động... với công tác quản lý chi phí; trong quá trình khảo sát, phân tích thực trạng những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân chưa được phong phú và đa dạng về loại công trình, đối tượng quản lý, loại hình hoạt động xây dựng.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, do kiến thức, thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế, luận văn không tránh khỏi những sai sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến của các Thầy, Cô và những nhà chuyên môn để luận văn được hoàn thiện hơn.

2 Kiến nghị

Cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng ở Trung ương cần ban hành những quy định, hướng dẫn và kiểm tra về quản lý chi phí dự án ĐTXD một cách kịp thời thống nhất, có sự ổn định; rà soát, loại bỏ sự chồng chéo trong các quy định hiện hành; bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống ĐMXD phù hợp với công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại và vật liệu mới hiện nay trên thị trường.

UBND tỉnh thường xuyên ban hành quy chế phối hợp liên ngành trong công tác quản lý nhà nước về ĐTXD, chỉ đạo các Sở chuyên ngành tham mưu ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn việc thi hành các Luật, Nghị định, Thông tư và các Quyết định phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương nhưng không trái với quy định

- Sở Xây dựng thường xuyên cập nhập những thông tin của các đơn vị tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn để các chủ thể tham gia được biết và lựa chọn các nhà thầu đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện hợp đồng; cần xây dựng các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành cho lực lượng cán bộ tham gia quản lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về đầu tư và xây dựng.

Đối với Ban QLDA khi quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần kiểm soát chặt chẽ các khâu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi công trình đưa vào sử dụng; xây dựng phương pháp và hệ thống theo dõi kiểm soát chi phí có hiệu quả. Các nhân viên tại Ban QLDA luôn học hỏi, trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- [2] Luật Đầu tư công số 67/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- [3] Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- [4] Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.
- [5] Báo Giao thông và Vận tải (2015) và Báo Dân trí (năm 2018).
- [6] Báo cáo tổng kết năm 2015 đến năm 2017 của Sở Xây dựng Bình Thuận.
- [7] Báo Đầu thầu (2015).
- [8] UBND tỉnh Bình Thuận, Quyết định số 57/2013/QĐ-UBND ngày 29/11/2013.
- [9] UBND tỉnh Bình Thuận, Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 24/2/2017 về phân cấp thực hiện quản lý dự án ĐTXD công trình đối với các công trình sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.
- [10] Báo mạng Đầu tư dự án (2018).
- [11] Tài liệu của Công ty TNHH phần mềm Trí Tuệ- iSoftco.
- [12] Cổng thông tin Chính Phủ.VN và tham khảo trên các trang mạng xã hội.
- [13] Quyết định số 2500/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án áp dụng BIM trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình.
- [14] Số liệu tham khảo tại trang Vi BIM trên hệ thống mạng xã hội.
- [15] Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS Tập 2*, NXB Hồng Đức, Trang 24): Nguồn: Hoàng Trọng.
- [16] Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, ngày 22/4/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- [17] Luật Đấu thầu số 43/2013/QH-13, ngày 29/11/2003 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- [18] Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 15/09/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng.
- [19] Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- [20] Dương Đức Tiến: *Giáo trình phân tích chi phí trong xây dựng* Đại học Thủy lợi.
- [21] Nguyễn Trọng Tư: *Bài giảng kế hoạch tiến độ* Đại học Thủy lợi.
- [22] Nguyễn Bá Uân: *Bài giảng quản lý dự án xây dựng nâng cao* Đại học Thủy lợi.
- [23] Lê Văn Hùng, My Duy Thành: *Bài giảng Quản lý chất lượng công trình* Đại học Thủy lợi.
- [24] Đinh Tuấn Hải: *Bài giảng môn học Phân tích các mô hình quản lý*.
- [25] Các sách bài giảng trong quá trình học cao học của các Thầy, Cô tại trường Đại học Thủy lợi.
- [26] Các Thông tư, Quyết định liên quan đến công tác quản lý xây dựng hiện hành.
- [27] Luận văn năm 2016, năm 2017 trên trang Web của trường ĐH Thủy lợi.

Các tài liệu khác có liên quan

PHỤ LỤC 01

Các dự án xây dựng đã ứng dụng (BIM) tại Việt Nam những năm gần đây.

Ông Nguyễn Khuru Trọng Luật-Trưởng ban BIM thuộc công ty Xây dựng Conteccons cho biết, tại dự án “The Landmark 81” (dự án có quy mô lớn và nắm giữ một số kỷ lục lớn nhất Việt Nam). Theo đó, tầng hầm của dự án được diễn họa bằng hình 3D mô phỏng các chi tiết để kiểm tra rủi ro giữa phần thiết kế với các phần khác. Chi tiết sơ bộ dàn giải nhiệt cho khối bê tông cao 4m1 được đưa vào sơ đồ 3D để tìm ra rủi ro. Lựa chọn vật liệu có độ bền cao, chịu được sức ép để làm cọc kê của thép. Những khu vực thực sự phức tạp mới được 3D hóa giống như dầm chuyên, khúc đứng...


Ông Đinh Công Phúc - kỹ sư dự án của Công ty TNHH Turner Việt Nam khi thực hiện dự án sân bay Cam Ranh, Turner đã làm việc với các nhà thầu giỏi về 3D, Revit. Trong đó, Công ty cổ phần cơ điện lạnh (R.E.E) có đóng góp rất lớn trong dự án sân bay Cam Ranh khi phối hợp với các nhà thầu tạo nền tảng vững thông qua Viber. Việc thành lập nhóm trên ứng dụng đã giúp cho các bên thảo luận, trao đổi với nhau dễ dàng về mô hình ống lắp ráp không ổn, bản vẽ... biến những việc phức tạp trở nên đơn giản hơn.

Ông Mai Anh Đức - Trưởng nhóm BIM, công ty Sông Đà 5 cho biết: Từ năm 2014, Sông Đà 5 bắt đầu sử dụng mô hình 3D trong công trình thủy điện và cho đến hiện nay BIM len lỏi vào tất cả các công việc mà công ty đang tiến hành; ứng dụng BIM vào nhiều phần việc như xây dựng bộ thư viện dành cho dàn giáo, cốp pha riêng cho thi công, mang lại hiệu quả cao. Khi có công trình đấu thầu sẽ dựng tất cả dàn giáo, cốp pha, lên biện pháp thi công từ đó dễ dàng dự trù vật tư.

Ông Nguyễn Ngọc Lâm – Công ty tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải phía Nam cho biết: Trong dự án Cầu Thủ Thiêm 2, quy trình làm việc với BIM thống nhất tên gọi chuyên mục, các dữ liệu để có thể dễ dàng theo dõi; đối với phần mềm thiết kế đường, công ty sử dụng Civil 3D mô hình hóa bề mặt tự nhiên và thiết kế hệ thống đường ống.

(Nguồn Theo Báo Đầu tư xây dựng - Ban chỉ đạo BIM thuộc Bộ Xây dựng ngày 04/12/2017 - tác giả Nguyễn Lê Minh)

PHỤ LỤC 02

	BỘ NN&PTNT ĐẠI HỌC THỦY LỢI
	PHIẾU KHẢO SÁT THĂM DÒ Ý KIẾN

Xin Kính chào quý Anh/Chị!

Tôi tên: Phan Đức Thanh

Đơn vị công tác: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận.

Hiện là học viên cao học ngành **Quản lý xây dựng**; Lớp 24QLXD21-BT của Cơ sở 2 - Đại học Thủy lợi.

Hiện tại tôi đang làm luận văn tốt nghiệp với tên đề tài ***“Hoàn thiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Bình Thuận”***.

Kính mong quý Anh/Chị bớt chút thời gian chia sẻ những kinh nghiệm quý báu của mình giúp tôi điền các thông tin vào Phiếu khảo sát ý kiến dưới đây để tôi có cái nhìn khách quan về quản lý chi phí đầu tư xây dựng từ các chuyên gia, nhà khoa học và làm cơ sở hoàn thành luận văn của mình.

Tôi xin cam kết những ý kiến và số liệu của quý Anh/Chị cung cấp chỉ dành cho mục đích nghiên cứu khoa học chứ không sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Trân trọng cảm ơn!

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

Xin Anh/Chị vui lòng đưa ra câu trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu chéo (X)

vào ô vuông

1/ Đơn vị Anh/Chị từng công tác là (có thể đánh dấu nhiều lựa chọn):

- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Các đơn vị Sở, Ban, Ngành | <input type="checkbox"/> Chủ đầu tư, Ban QLDA |
| <input type="checkbox"/> Tư vấn thiết kế | <input type="checkbox"/> Tư vấn giám sát |
| <input type="checkbox"/> Tư vấn đấu thầu | <input type="checkbox"/> Nhà thầu thi công |
| <input type="checkbox"/> Khác (xin ghi rõ): | |

2/ Kinh nghiệm làm việc của Anh/Chị trong ngành xây dựng:

- | | |
|---------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Dưới 3 năm | <input type="checkbox"/> Từ 5 ≤ 10 năm |
| <input type="checkbox"/> Từ 3 ≤ 5 năm | <input type="checkbox"/> Trên 10 năm |

3/ Vị trí hiện tại của Anh/Chị trong đơn vị:

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Giám đốc, phó giám đốc dự án | <input type="checkbox"/> Lãnh đạo doanh nghiệp |
| <input type="checkbox"/> Trưởng phòng, Phó phòng | <input type="checkbox"/> Chủ nhiệm TK công trình |
| <input type="checkbox"/> Kỹ sư công trường | <input type="checkbox"/> Chỉ huy trưởng công trường |
| <input type="checkbox"/> Giám sát trường | <input type="checkbox"/> Kỹ sư quản lý dự án |
| <input type="checkbox"/> Khác (xin ghi rõ): | |

4/ Loại dự án công trình mà Anh/Chị đã tham gia (có thể đánh nhiều dấu chọn):

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> XD dân dụng và công nghiệp | <input type="checkbox"/> Hạ tầng kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Công trình giao thông | <input type="checkbox"/> Nông nghiệp & PTNT |

5/ Dự án theo nguồn vốn mà Anh/Chị đã tham gia (có thể đánh nhiều dấu chọn):

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Ngân sách Nhà nước | <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp đầu tư |
| <input type="checkbox"/> Nguồn vốn ODA | <input type="checkbox"/> Nguồn vốn ADB |
| <input type="checkbox"/> Nguồn vốn WB | <input type="checkbox"/> Khác (xin ghi rõ): |

6/ Anh/Chị có biết về chi phí đầu tư xây dựng không?

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không biết | <input type="checkbox"/> Có biết |
| <input type="checkbox"/> Có nghe nói | <input type="checkbox"/> Biết rất rõ |

7/ Theo Anh/Chị quản lý chi phí đầu tư xây dựng ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả đầu tư?

- | | | |
|--|------------------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> Không ảnh hưởng | <input type="checkbox"/> Ảnh hưởng | <input type="checkbox"/> Rất ảnh hưởng |
|--|------------------------------------|--|

PHẦN B: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ TỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Theo Anh/Chị, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình là:

(1) Rất không ảnh hưởng;

(2) Không ảnh hưởng;

(3) Trung lập;

(4) Ảnh hưởng;

(5) Rất ảnh hưởng.

Trả lời bằng cách đánh dấu (X) vào **chỉ một ô** từ 1-->5 cho từng nhân tố ảnh hưởng

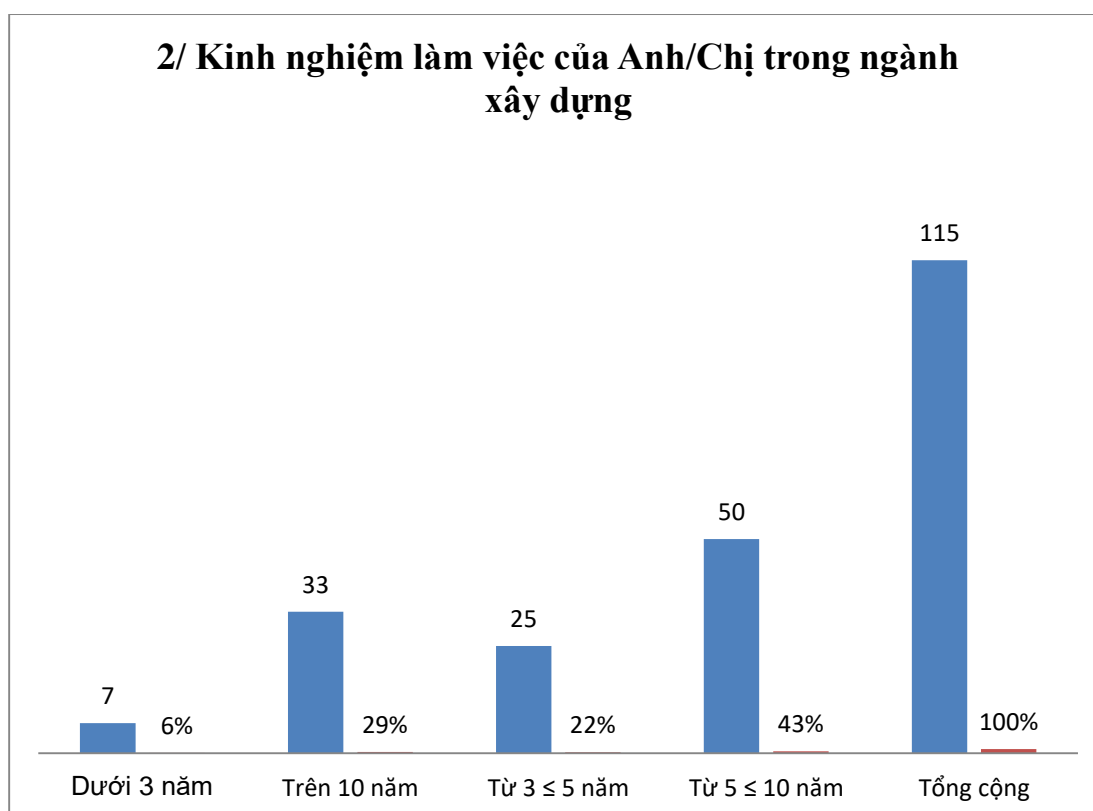
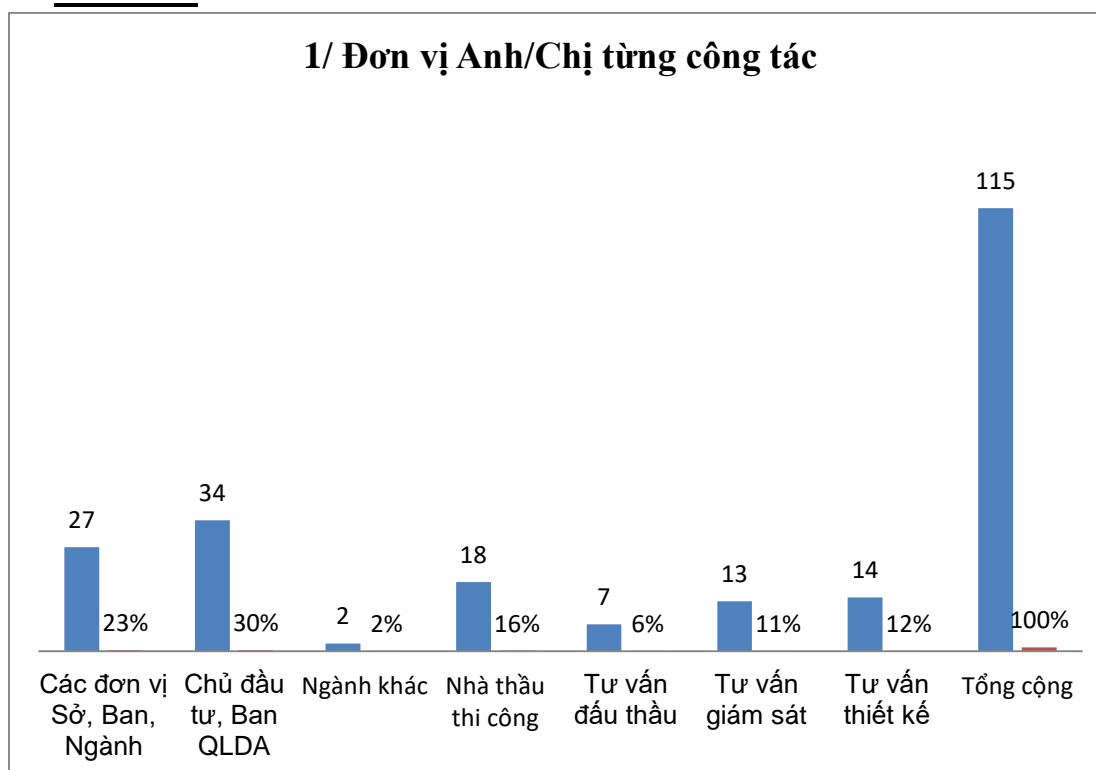
STT	CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG	MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG				
		1	2	3	4	5
	Anh chị đánh dấu (X) vào ô trống (□)					
1	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn quản lý tổng mức đầu tư (TMDT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn khảo sát (KS)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thiết kế (TK)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thẩm tra (TT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thẩm định, phê duyệt (TD, PD)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu (LCNT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn giám sát thi công (GSTC)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thi công công trình (TCXD)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Công tác quản lý hợp đồng, thanh quyết toán công trình (HDQT)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Cơ chế chính sách nhà nước (CCNN)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Quản lý của cơ quan nhà nước (QLNN)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Sự phối hợp của các bên tham gia dự án (PHCB)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Anh/Chị.

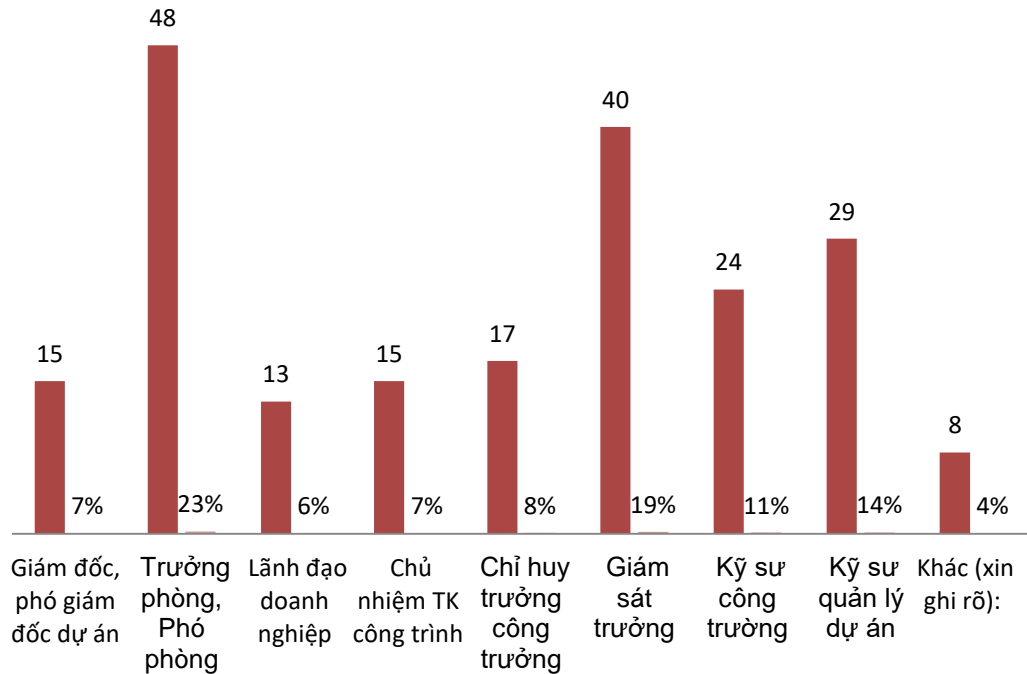
Trân trọng kính chào!

PHỤ LỤC 03

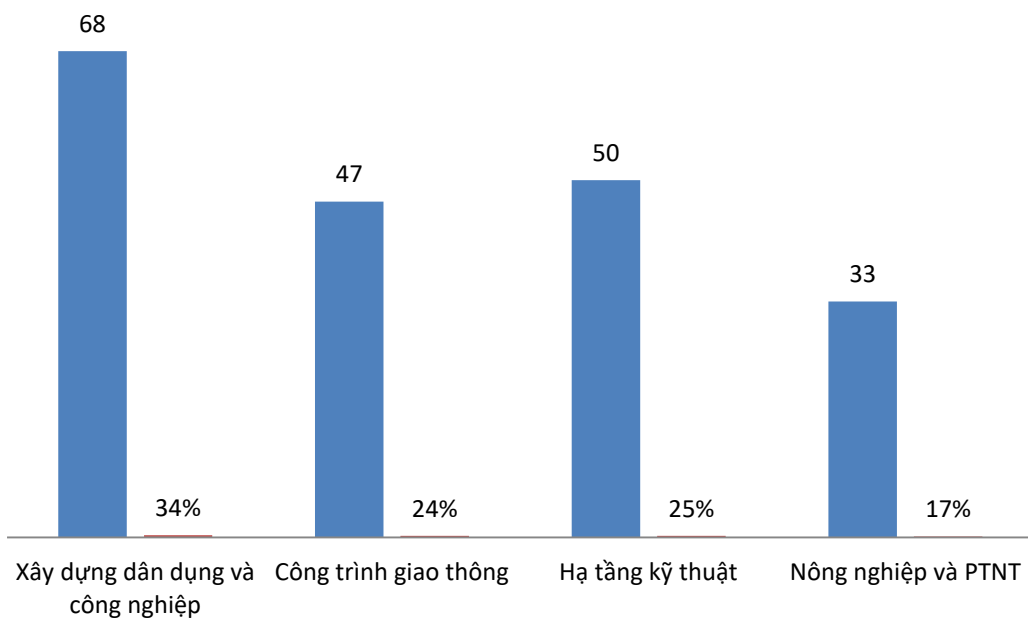
PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG



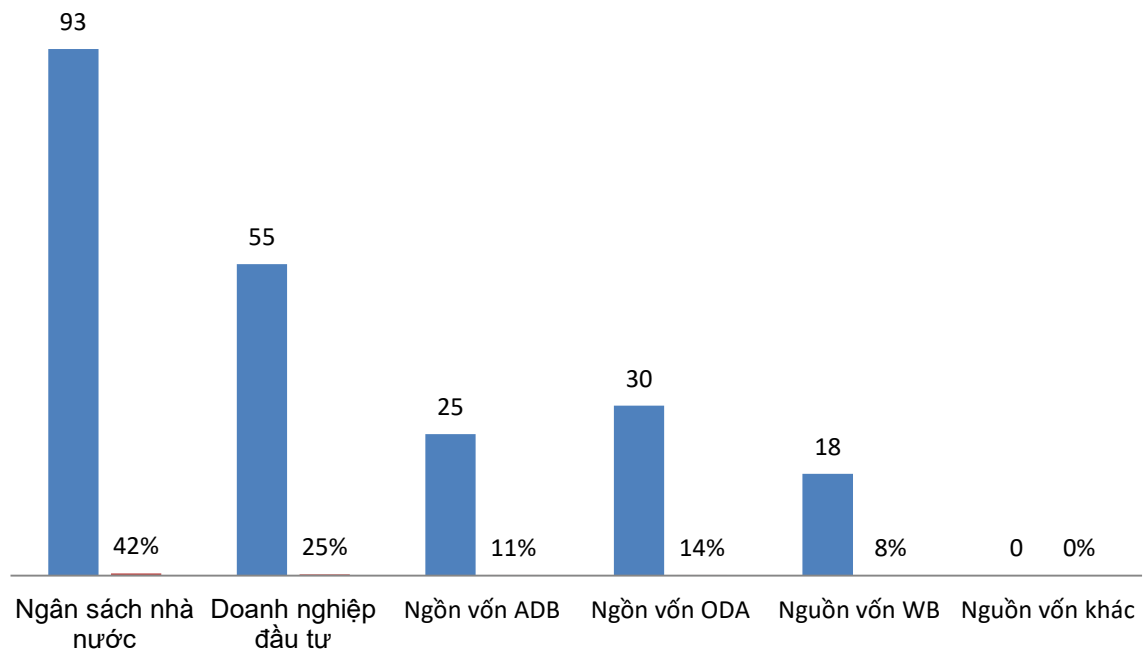
3. Vị trí hiện tại của Anh/Chị trong đơn vị:



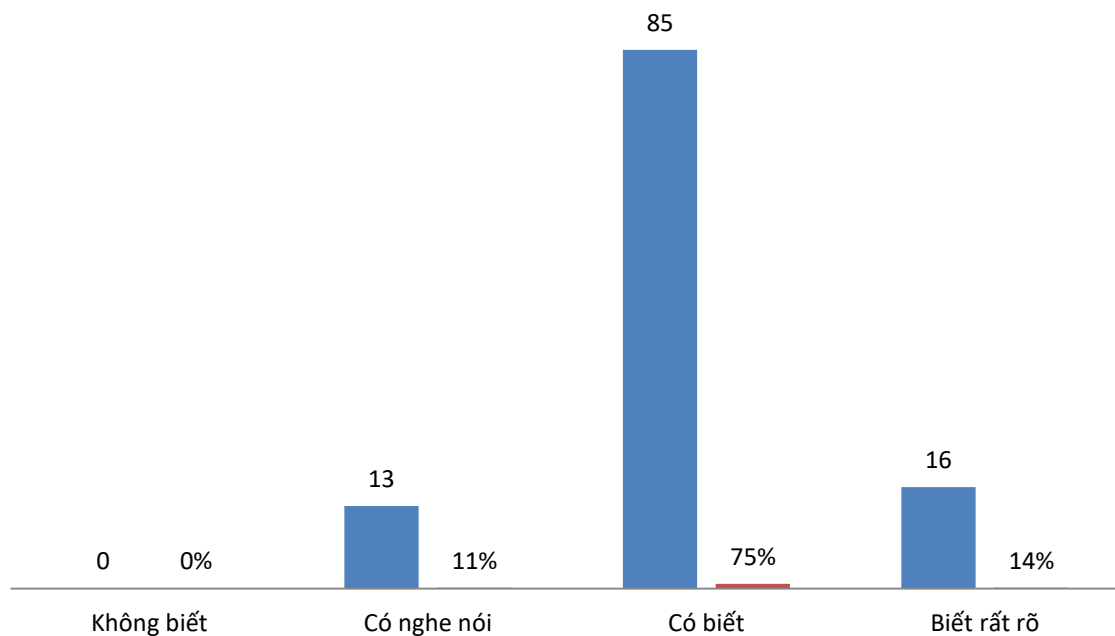
4. Loại dự án công trình mà Anh/Chị đã tham gia



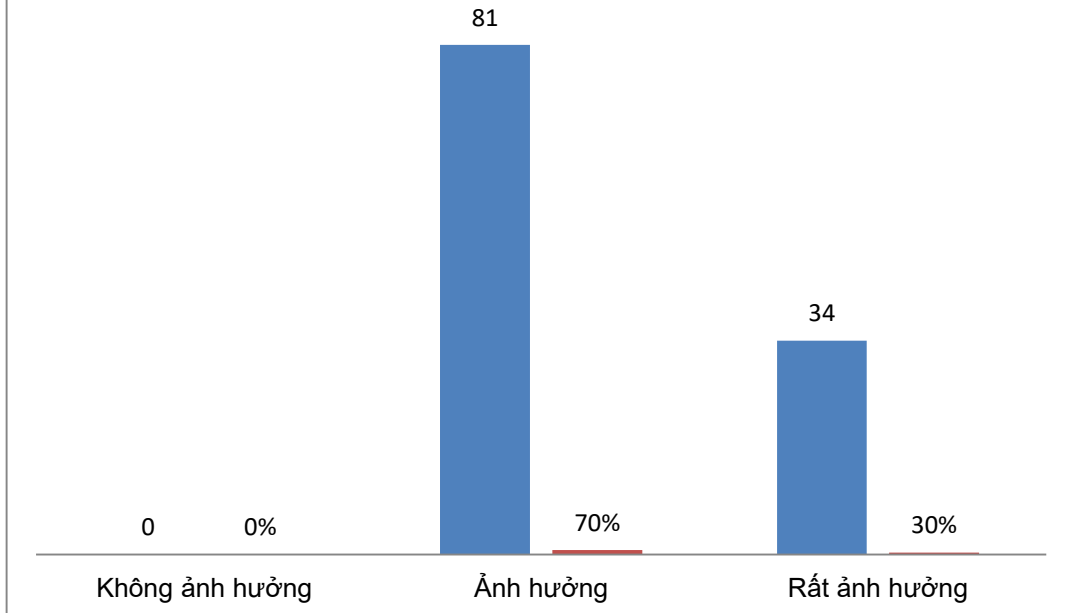
5. Dự án đầu tư theo nguồn vốn mà Anh/Chị đã tham gia



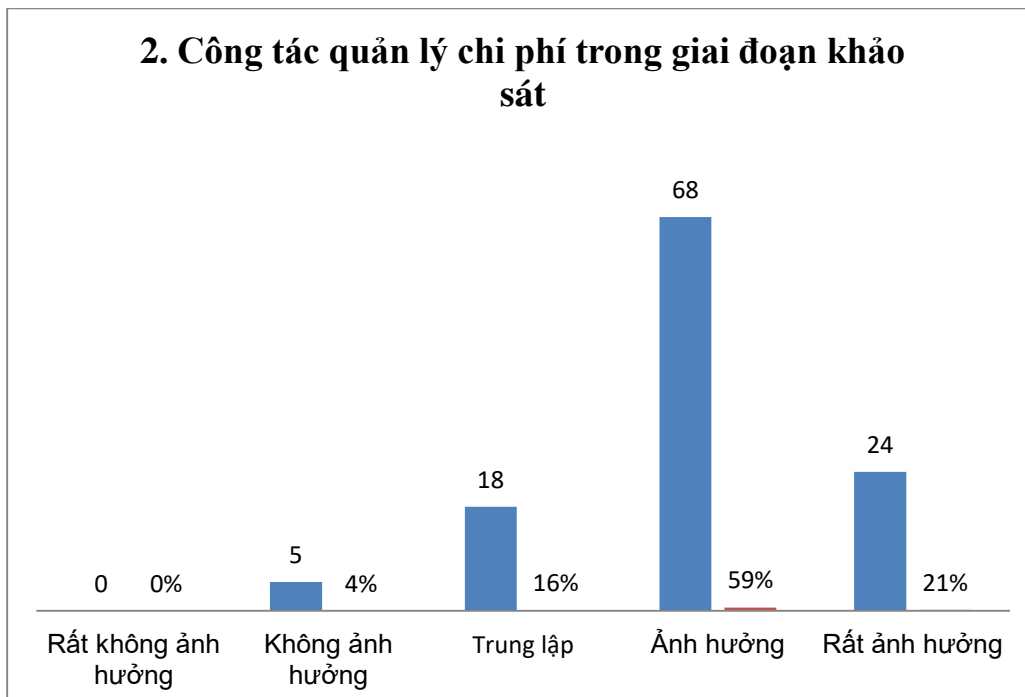
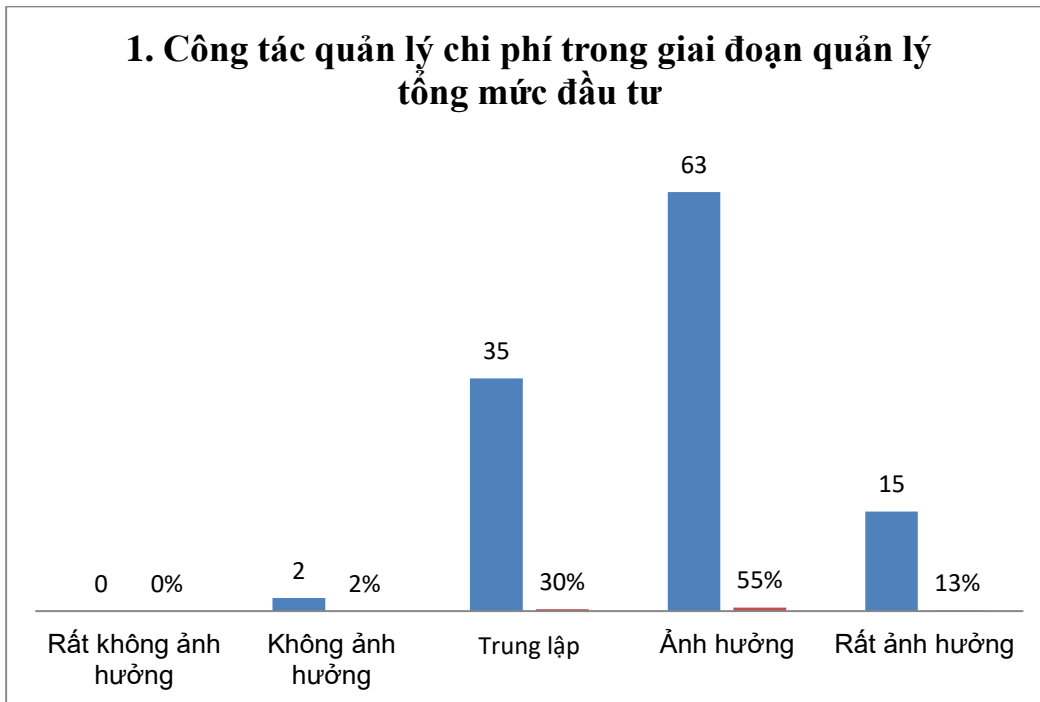
6. Anh/Chị có biết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng không?



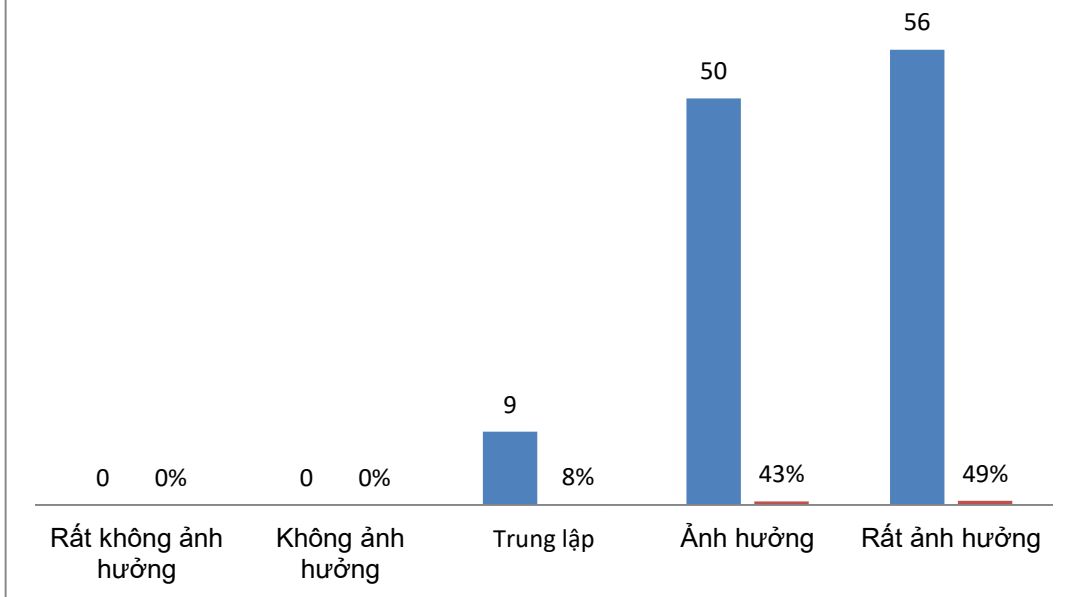
7. Theo Anh/Chị quản lý chi phí đầu tư ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả đầu tư?



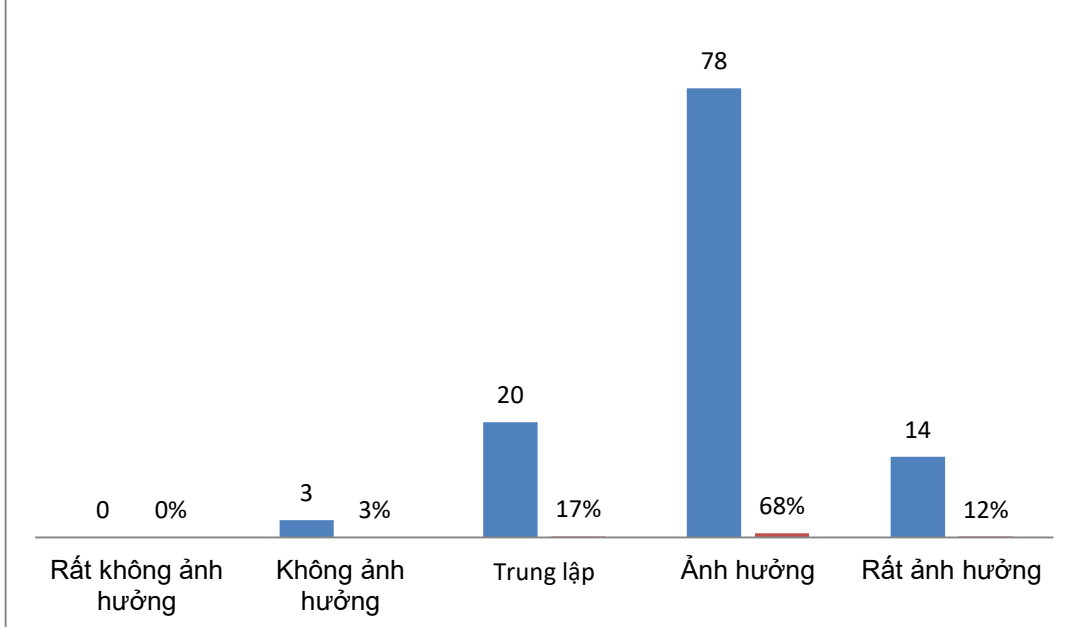
PHẦN B: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ TỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH



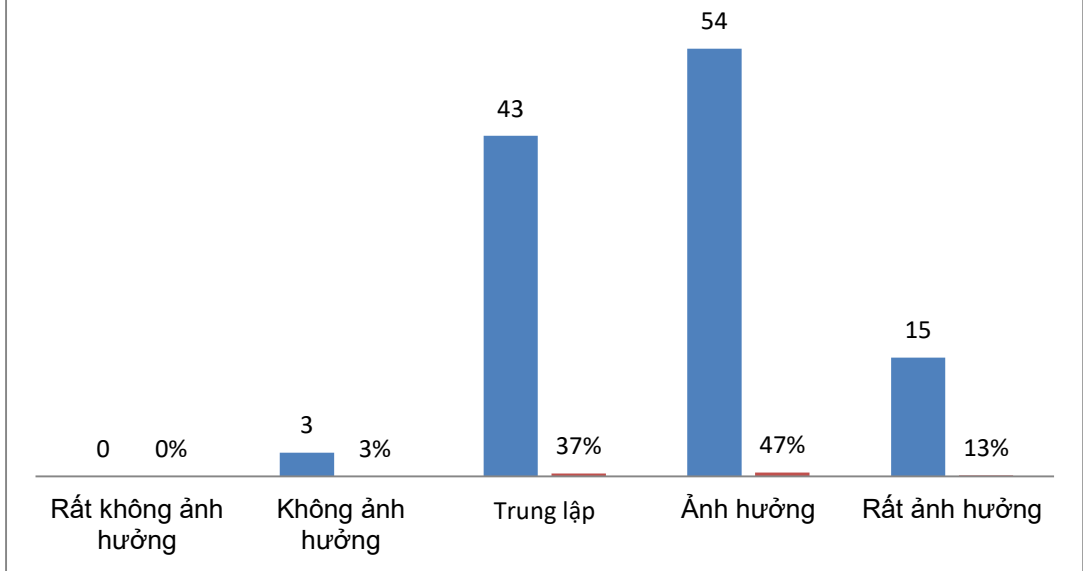
3. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thiết kế



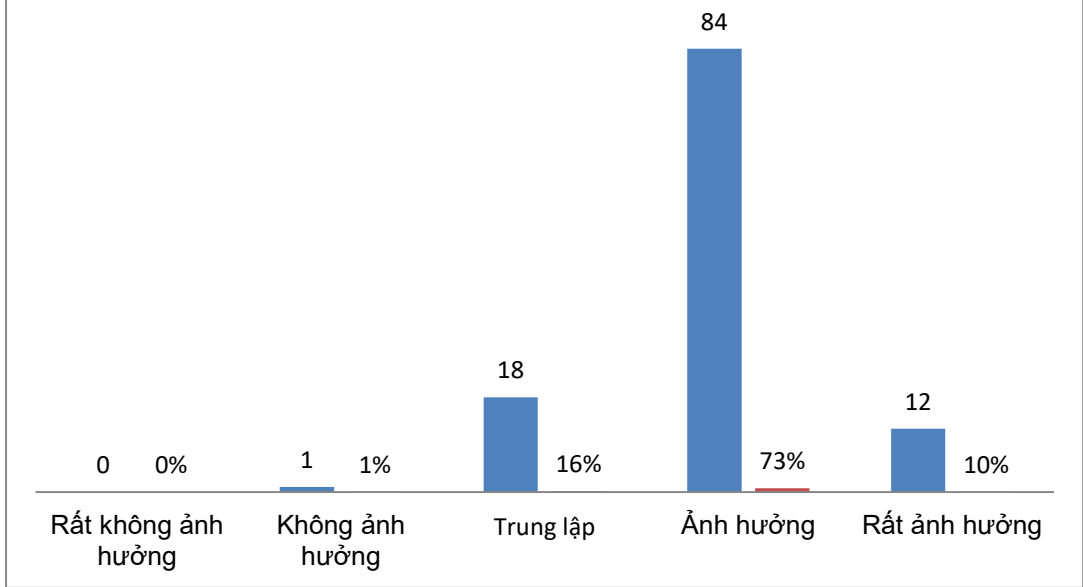
4. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thẩm tra



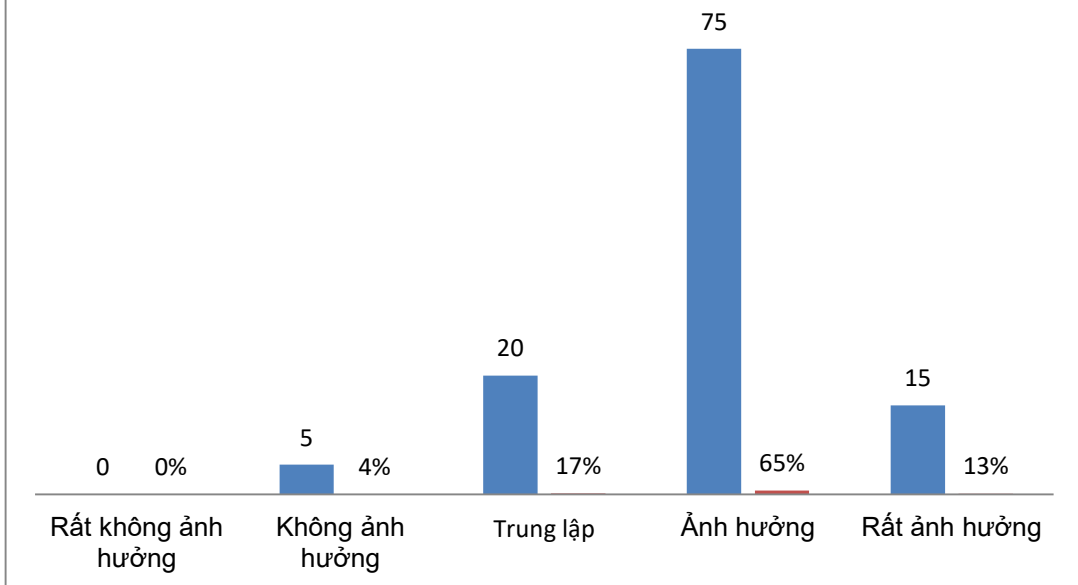
5. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thẩm định, phê duyệt



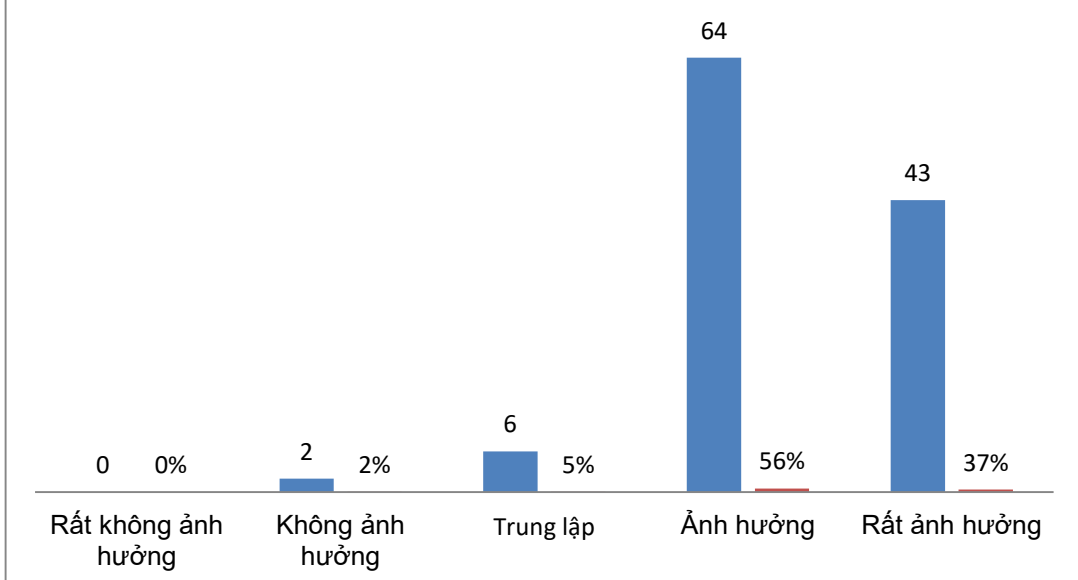
6. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu



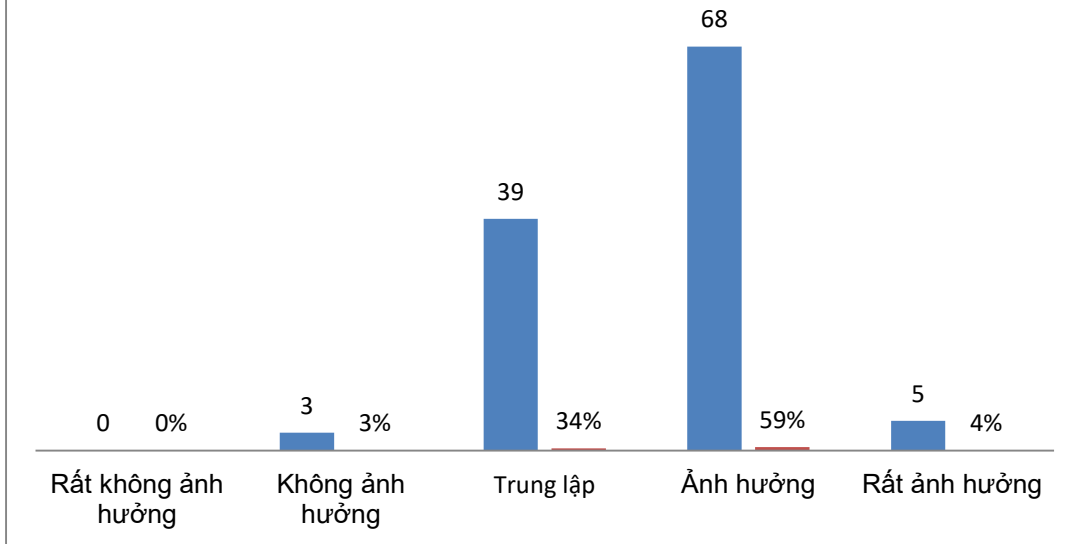
7. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn giám sát thi công



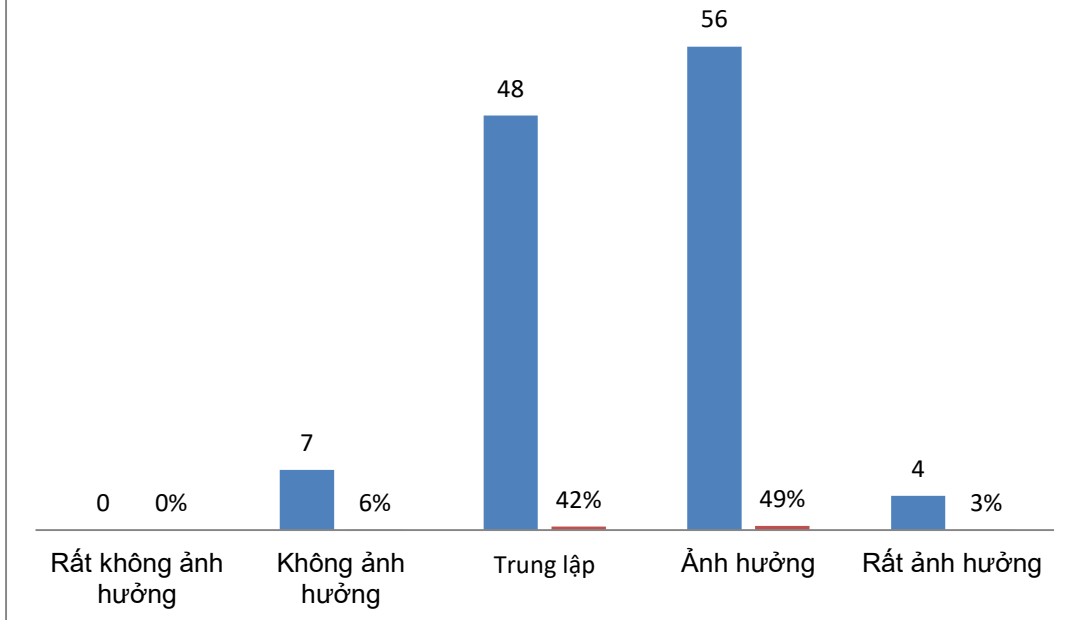
8. Công tác quản lý chi phí trong giai đoạn thi công công trình



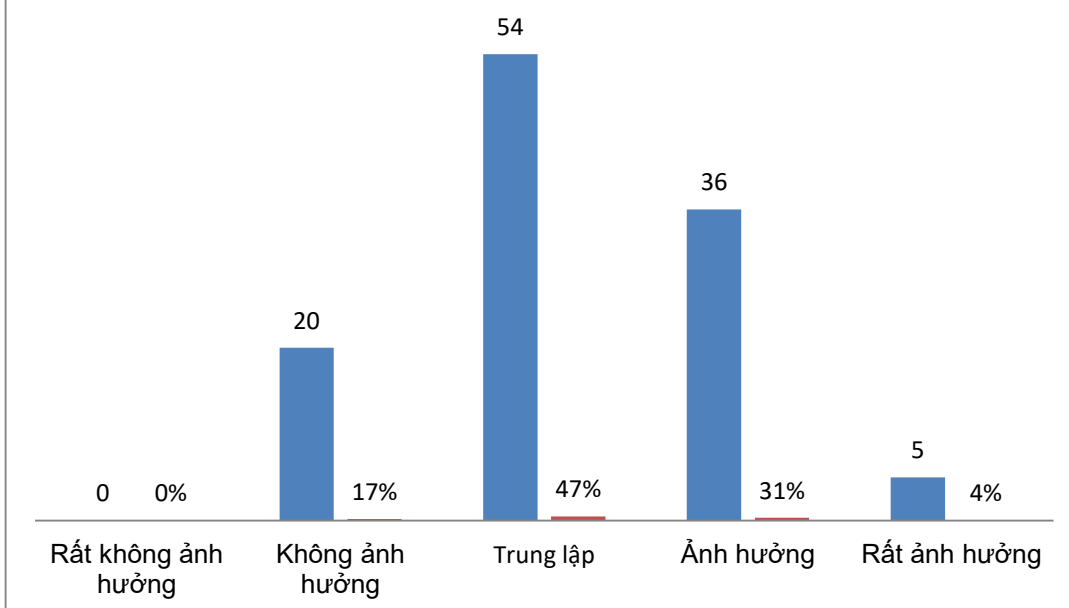
9. Công tác quản lý hợp đồng, thanh quyết toán công trình



10. Cơ chế chính sách của nhà nước



11. Quản lý của cơ quan nhà nước



12. Sự phối hợp công tác của các bên tham gia dự án

